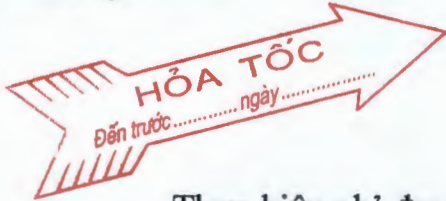


BỘ KẾ HOẠCH VÀ ĐẦU TƯ

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Số: **7056** /BKHĐT-GSTĐĐT
V/v gửi hồ sơ thẩm định dự thảo
Nghị định quy định về giám sát và
đánh giá đầu tư.

Hà Nội, ngày **23** tháng 10 năm 2020



Kính gửi: Bộ Tư pháp

Thực hiện chỉ đạo của Thủ tướng Chính phủ tại Quyết định số 1109/QĐ-TTg ngày 24/7/2020 ban hành Danh mục và phân công cơ quan chủ trì soạn thảo văn bản quy định chi tiết thi hành các luật, nghị quyết được Quốc hội khóa XIV thông qua tại Kỳ họp thứ 9, Bộ Kế hoạch và Đầu tư đã phối hợp với các cơ quan triển khai việc nghiên cứu và xây dựng dự thảo Nghị định quy định về giám sát và đánh giá đầu tư (sau đây gọi tắt là dự thảo Nghị định), thay thế Nghị định số 84/2015/NĐ-CP ngày 30/9/2015 của Chính phủ về giám sát và đánh giá đầu tư đã được sửa đổi, bổ sung một số điều tại Nghị định số 01/2020/NĐ-CP ngày 01/01/2020 của Chính phủ theo trình tự, thủ tục rút gọn.

Theo quy định của Luật ban hành văn bản quy phạm pháp luật số 80/2015/QH13 và Nghị định số 34/2016/NĐ-CP ngày 14/5/2016 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều và biện pháp thi hành Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật, Bộ Kế hoạch và Đầu tư xin gửi Quý Cơ quan hồ sơ về dự thảo Nghị định nêu trên để xem xét, thẩm định. Hồ sơ gồm:

- (1) Dự thảo Tờ trình;
- (2) Dự thảo Nghị định;
- (3) Bảng tổng hợp, giải trình, tiếp thu ý kiến của các cơ quan;
- (4) Bản sao ý kiến góp ý của các cơ quan.

Trân trọng cảm ơn./

Nơi nhận:

- Như trên (kèm tài liệu);
- VPCP (để b/c TTg);
- Bộ KH&ĐT: Bộ trưởng (để b/c);
- Lưu: VT, GSTĐĐT (V₂).

**KT. BỘ TRƯỞNG
THỦ TRƯỞNG**

Trần Quốc Phương

BỘ KẾ HOẠCH VÀ ĐẦU TƯ CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Số: /TTr-BKHĐT

Hà Nội, ngày tháng năm 2020

TỜ TRÌNH

Về dự thảo Nghị định của Chính phủ về giám sát và đánh giá đầu tư

DỰ THẢO

Kính gửi: Chính phủ

Căn cứ quy định tại Luật Đầu tư công số 39/2019/QH14, Luật Xây dựng số 50/2014/QH13, Luật Sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Xây dựng số 62/2020/QH14, Luật Đầu tư số 61/2020/QH14, Luật Đầu tư theo phương thức đối tác công tư số 64/2020/QH14; căn cứ quy định của Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật số 80/2015/QH13 và thực hiện Quyết định số 1109/QĐ-TTg ngày 24/7/2020 của Thủ tướng Chính phủ ban hành Danh mục và phân công cơ quan chủ trì soạn thảo văn bản quy định chi tiết thi hành các luật, nghị quyết được Quốc hội khóa XIV thông qua tại Kỳ họp thứ 9, Bộ Kế hoạch và Đầu tư đã tiến hành soạn thảo và hoàn thiện dự thảo Nghị định của Chính phủ về giám sát và đánh giá đầu tư (thay thế Nghị định số 84/2015/NĐ-CP ngày 30 tháng 9 năm 2015 của Chính phủ về giám sát và đánh giá đầu tư đã được sửa đổi, bổ sung một số điều theo Nghị định số 01/2020/NĐ-CP ngày 01 tháng 01 năm 2020 của Chính phủ).

Bộ Kế hoạch và Đầu tư đã có các văn bản: số 6527/BKHĐT-GSTĐĐT ngày 02/10/2020 gửi dự thảo Nghị định xin ý kiến các bộ, cơ quan ngang bộ, cơ quan thuộc Chính phủ, ủy ban nhân dân các tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương; số 6590/BKHĐT-GSTĐĐT ngày 06/10/2020 gửi Văn phòng Chính phủ đề nghị đăng tải dự thảo Nghị định tại Cổng Thông tin điện tử Chính phủ để các cơ quan, tổ chức, cá nhân có ý kiến. Đồng thời, dự thảo Nghị định đã được đăng tải trên Cổng thông tin điện tử của Bộ Kế hoạch và Đầu tư từ ngày 02/10/2020.

Bộ Kế hoạch và Đầu tư đã nhận được ... ý kiến góp ý bằng văn bản của các bộ, ngành, địa phương; trong quá trình hoàn thiện dự thảo Nghị định đã tổ chức các cuộc họp xin ý kiến trực tiếp các bộ, ngành. Trên cơ sở tiếp thu ý kiến của góp ý của các bộ, ngành, ý kiến thẩm định của Bộ Tư pháp tại văn bản số ...

ngày ..., Bộ Kế hoạch và Đầu tư xin tổng hợp, trình Chính phủ về Nghị định về giám sát và đánh giá đầu tư như sau:

I. SỰ CẦN THIẾT BAN HÀNH NGHỊ ĐỊNH MỚI VỀ GIÁM SÁT VÀ ĐÁNH GIÁ ĐẦU TƯ

Nghị định số 84/2015/NĐ-CP ngày 30 tháng 9 năm 2015 của Chính phủ về giám sát và đánh giá đầu tư được xây dựng căn cứ theo quy định của Luật Đầu tư công số 49/2014/QH13, Luật Xây dựng số 50/2014/QH13, Luật Đầu tư số 67/2014/QH13.

Từ ngày 01 tháng 01 năm 2020, Luật Đầu tư công số 49/2014/QH13 đã được thay thế bằng Luật Đầu tư công số 39/2019/QH14. Chính phủ đã ban hành Nghị định số 01/2020/NĐ-CP sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 84/2015/NĐ-CP để phù hợp với quy định mới của Luật Đầu tư công số 39/2019/QH14.

Từ ngày 01 tháng 01 năm 2021, Luật Đầu tư số 67/2014/QH13 sẽ được thay thế bằng Luật Đầu tư số 61/2020/QH14 ngày 17 tháng 6 năm 2020. Khoản 6 Điều 70 Luật Đầu tư số 61/2020/QH14 quy định về giám sát, đánh giá đầu tư có quy định: “*Chính phủ quy định chi tiết Điều này*”.

Đối với các dự án đầu tư theo phương thức đối tác công tư, Luật Đầu tư theo phương thức đối tác công tư số 64/2020/QH14 được Quốc hội thông qua ngày 18 tháng 6 năm 2020 có một số quy định mới và khác so với các nội dung được quy định tại Nghị định số 84/2015/NĐ-CP và Nghị định số 01/2020/NĐ-CP; cụ thể: (1) Về một số thuật ngữ: Luật Đầu tư theo phương thức đối tác công tư sử dụng thuật ngữ “*phương thức đối tác công tư*” thay vì “*hình thức đối tác công tư*” như trước đây; không có quy định về “*Cơ quan nhà nước có thẩm quyền ký kết hợp đồng dự án*” mà chỉ có quy định về “*Cơ quan có thẩm quyền*” và “*Cơ quan ký kết hợp đồng dự án PPP*”; (2) Về cơ quan thực hiện và nội dung giám sát đầu tư: Mục 2 Chương VIII (từ Điều 86 đến Điều 88) Luật Đầu tư theo phương thức đối tác công tư quy định về giám sát hoạt động đầu tư theo phương thức PPP có quy định nội dung khác so với quy định tại Nghị định số 84/2015/NĐ-CP và Nghị định số 01/2020/NĐ-CP. Do đó, cần sửa đổi các quy định liên quan đến công tác giám sát, đánh giá đầu tư đối với các dự án đầu tư theo hình thức đối tác công tư cho phù hợp.

Tại Quyết định số 1109/QĐ-TTg ngày 24 tháng 7 năm 2020, Thủ tướng Chính phủ đã giao Bộ Kế hoạch và Đầu tư chủ trì soạn thảo Nghị định quy định về giám sát và đánh giá đầu tư theo trình tự, thủ tục rút gọn.

Căn cứ các nội dung nêu trên, việc xây dựng và ban hành Nghị định mới về giám sát và đánh giá đầu tư là hợp lý và cần thiết.

II. QUAN ĐIỂM XÂY DỰNG VÀ CÁC ĐIỂM MỚI CỦA DỰ THẢO NGHỊ ĐỊNH

1. Quan điểm xây dựng

Dự thảo Nghị định quy định về giám sát và đánh giá đầu tư thay thế Nghị định số 84/2015/NĐ-CP (được sửa đổi, bổ sung một số điều tại Nghị định số 01/2020/NĐ-CP) được xây dựng trên cơ sở quy định chi tiết nhiệm vụ được giao tại khoản 6 Điều 70 Luật Đầu tư số 61/2020/QH14 (Điều 70 Luật Đầu tư số 61/2020/QH14 quy định về giám sát, đánh giá đầu tư; trong đó khoản 6 quy định: “*Chính phủ quy định chi tiết điều này*”). Đồng thời, rà soát, sửa đổi một số nội dung để phù hợp với Luật Đầu tư theo phương thức đối tác công tư số 64/2020/QH14 và Luật Sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Xây dựng (Luật số 62/2020/QH14) đã được Quốc hội thông qua và sẽ có hiệu lực thi hành từ ngày 01/01/2021.

Ngoài ra, dự thảo Nghị định sửa đổi, bổ sung một số điều, khoản để phù hợp hơn với tình hình thực tế triển khai và cắt giảm thủ tục hành chính trên cơ sở các ý kiến của các bộ, cơ quan ngang bộ, cơ quan thuộc Chính phủ và các địa phương trong quá trình rà soát, đánh giá tình hình thực hiện và kiến nghị các nội dung sửa đổi, bổ sung Nghị định số 84/2015/NĐ-CP ngày 30/9/2015 và Nghị định số 01/2020/NĐ-CP ngày 01/01/2020 của Chính phủ về giám sát và đánh giá đầu tư.

2. Các điểm mới của dự thảo Nghị định

1. Các nội dung về giám sát, đánh giá dự án đầu tư theo phương thức đối tác công tư (Chương III - từ Điều 26 đến Điều 32) được rà soát, sửa đổi phù hợp với quy định của Luật Đầu tư theo phương thức đối tác công tư.

2. Sửa đổi quy định về chi phí giám sát, đánh giá đầu tư

Qua rà soát, có nhiều ý kiến cho rằng quy định tại điểm c khoản 2 Điều 52 Nghị định số 84/2015/NĐ-CP: “*Chi phí cho công tác giám sát, đánh giá đầu tư do chủ chương trình, chủ đầu tư, nhà đầu tư, cơ quan nhà nước có thẩm quyền ký kết hợp đồng dự án tự thực hiện hoặc thuê tư vấn thực hiện bằng 20% chi phí quản lý chương trình, dự án và được tính trong tổng mức đầu tư chương trình, dự án*” là chưa rõ ràng và hợp lý.

Dự thảo Nghị định tách riêng chi phí giám sát và đánh giá đầu tư theo hướng: (1) Chi phí cho công tác giám sát đầu tư do chủ chương trình, chủ đầu

tu, nhà đầu tư, Cơ quan ký kết hợp đồng dự án đầu tư theo phương thức đối tác công tư tự thực hiện bằng 10% chi phí quản lý chương trình, dự án; (2) Chi phí cho công tác đánh giá đầu tư được tính bằng % chi phí quản lý chương trình, dự án theo quy định hiện hành như sau: Chi phí đánh giá ban đầu: 2%; Chi phí đánh giá giữa kỳ hoặc giai đoạn: 2%; Chi phí đánh giá kết thúc: 3%; Chi phí đánh giá tác động: 5%; Chi phí đánh giá đột xuất: 3%.

Trường hợp vận dụng định mức chi phí không phù hợp hoặc chương trình, dự án có quy mô lớn hoặc trường hợp cần phải thuê tư vấn nước ngoài thực hiện thì tổ chức lập dự toán để xác định chi phí.

Quy định mới này sẽ tạo điều kiện cho các cơ quan, đơn vị huy động các nguồn lực thực hiện đánh giá đầu tư toàn diện hơn.

3. Giảm bớt hoạt động/nội dung/số lượng báo cáo giám sát và đánh giá đối với một số chủ thể; cụ thể như sau:

- Bỏ nội dung báo cáo về *“Việc lập, thẩm định, quyết định đầu tư dự án thành phần thuộc chương trình”* của Chủ chương trình, Chủ dự án thành phần (Điều 6, Điều 8);

- Bỏ nội dung theo dõi, kiểm tra về *“tổng hợp tình hình thực hiện lập, thẩm định, quyết định đầu tư dự án thành phần thuộc chương trình và quyết định điều chỉnh dự án thành phần thuộc chương trình (nếu có)”* của cơ quan chủ quản và người có thẩm quyền quyết định đầu tư chương trình (Điều 7);

- Sửa đổi quy định: *“Kiểm tra ít nhất một lần đối với các dự án có thời gian thực hiện đầu tư trên 12 tháng”* thành *“Kiểm tra ít nhất một lần đối với các dự án từ nhóm B trở lên”* đối với dự án thuộc phạm vi quản lý của Cơ quan chủ quản, người có thẩm quyền quyết định đầu tư (Khoản 3 Điều 12).

- Bỏ quy định đánh giá ban đầu đối với chương trình đầu tư công (Điều 13); Dự án quan trọng quốc gia, dự án nhóm A (Điều 25); Dự án đầu tư theo phương thức đối tác công tư thuộc thẩm quyền quyết định chủ trương đầu tư của Quốc hội, Thủ tướng Chính phủ (Điều 32).

- Bỏ quy định đánh giá tác động đối với dự án đầu tư ra nước ngoài (Điều 44).

- Bỏ chế độ báo cáo: Quý I, 6 tháng, quý III; Báo cáo giám sát, đánh giá trước khi trình quyết định chủ trương đầu tư chương trình, dự án đối với Cơ quan được giao lập Báo cáo đề xuất chủ trương đầu tư hoặc báo cáo nghiên cứu

tiền khả thi, báo cáo nghiên cứu khả thi chương trình, dự án đầu tư công (khoản 4,5 Điều 64).

- Bỏ chế độ báo cáo Quý I, Quý III; Báo cáo giám sát, đánh giá trước khi khởi công chương trình, dự án của Chủ chương trình, chủ đầu tư các chương trình, dự án đầu tư công, Chủ đầu tư các dự án sử dụng vốn đầu tư của Nhà nước ngoài vốn đầu tư công; Nhà đầu tư thực hiện dự án theo phương thức đối tác công tư (Điều 64).

- Bỏ quy định về chế độ báo cáo của Kho bạc nhà nước các cấp.

4. Bổ sung một số nội dung:

- Quy định: “Việc giám sát và đánh giá nhiệm vụ quy hoạch và đánh giá thực hiện quy hoạch thực hiện theo quy định của pháp luật về quy hoạch” (Khoản 1 Điều 1).

- Quy định về Hệ thống thông tin về giám sát đầu tư quốc gia (Điều 65) và điều chỉnh một số nội dung liên quan tại dự thảo Nghị định cho phù hợp.

- Quy định: Kết quả giám sát và đánh giá đầu tư là căn cứ để các cấp có thẩm quyền *phân bổ vốn đầu tư cho Dự án* (Điều 66).

III. GIẢI TRÌNH, TIẾP THU Ý KIẾN THẨM ĐỊNH CỦA BỘ TƯ PHÁP *(hoàn thiện sau khi có ý kiến thẩm định của Bộ Tư pháp)*

IV. BỐ CỤC VÀ NỘI DUNG CƠ BẢN CỦA DỰ THẢO NGHỊ ĐỊNH

Với các tổng hợp, phân tích nêu trên, Bộ Kế hoạch và Đầu tư đề xuất Dự thảo Nghị định về giám sát và đánh giá đầu tư gồm 10 Chương và 69 Điều; cụ thể như sau:

Chương I: QUY ĐỊNH CHUNG

Chương II: GIÁM SÁT VÀ ĐÁNH GIÁ CHƯƠNG TRÌNH, DỰ ÁN ĐẦU TƯ SỬ DỤNG VỐN NHÀ NƯỚC

Mục 1: Giám sát và đánh giá chương trình đầu tư công

Mục 2: Giám sát và đánh giá dự án đầu tư công

Mục 3: Giám sát và đánh giá dự án đầu tư sử dụng vốn nhà nước ngoài vốn đầu tư công.

Chương III: GIÁM SÁT VÀ ĐÁNH GIÁ DỰ ÁN ĐẦU TƯ THEO PHƯƠNG THỨC ĐỐI TÁC CÔNG TƯ

Chương IV: GIÁM SÁT VÀ ĐÁNH GIÁ DỰ ÁN ĐẦU TƯ SỬ DỤNG NGUỒN VỐN KHÁC

Chương V: GIÁM SÁT VÀ ĐÁNH GIÁ DỰ ÁN ĐẦU TƯ RA NƯỚC NGOÀI

Chương VI: GIÁM SÁT VÀ ĐÁNH GIÁ TỔNG THỂ ĐẦU TƯ

Chương VII: GIÁM SÁT ĐẦU TƯ CỦA CỘNG ĐỒNG

Chương VIII: CHI PHÍ THỰC HIỆN GIÁM SÁT, ĐÁNH GIÁ ĐẦU TƯ

Chương IX: TỔ CHỨC THỰC HIỆN GIÁM SÁT VÀ ĐÁNH GIÁ ĐẦU TƯ

Chương X: ĐIỀU KHOẢN THI HÀNH

V. KIẾN NGHỊ

Trong quá trình xây dựng và hoàn thiện dự thảo Nghị định, Bộ Kế hoạch và Đầu tư đã thực hiện các thủ tục soạn thảo theo đúng quy định của pháp luật. Ý kiến góp ý của các bộ, ngành, địa phương; các góp ý hoàn thiện cũng như ý kiến thẩm định của Bộ Tư pháp tại Báo cáo thẩm định số .../BCTĐ-BTP ngày ... đã được Bộ Kế hoạch và Đầu tư tổng hợp, nghiên cứu và tiếp thu đầy đủ (*dự thảo Nghị định kèm theo*).

Kính trình Chính phủ xem xét, ban hành Nghị định./.

Nơi nhận:

- Như trên (kèm tài liệu theo Danh mục);
- Thủ tướng Chính phủ (để b/c);
- Các Phó Thủ tướng Chính phủ (để b/c);
- Văn phòng Chính phủ;
- Bộ Tư pháp;
- Bộ KH&ĐT: Lãnh đạo Bộ, các đơn vị thuộc Bộ;
- Lưu: VT, GS&TĐĐT (V).

BỘ TRƯỞNG

Nguyễn Chí Dũng

Số: /2020/NĐ-CP

Hà Nội, ngày tháng năm 2020

NGHỊ ĐỊNH
Về giám sát và đánh giá đầu tư

DỰ THẢO

Căn cứ Luật Tổ chức Chính phủ ngày 19 tháng 6 năm 2015;
Căn cứ Luật Đầu tư công ngày 13 tháng 6 năm 2019;
Căn cứ Luật Xây dựng ngày 18 tháng 6 năm 2014;
Căn cứ Luật Sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Xây dựng ngày 17 tháng 6 năm 2020;
Căn cứ Luật Đầu tư ngày 17 tháng 6 năm 2020;
Căn cứ Luật Đầu tư theo phương thức đối tác công tư ngày 18 tháng 6 năm 2020;
Theo đề nghị của Bộ trưởng Bộ Kế hoạch và Đầu tư;
Chính phủ ban hành Nghị định về giám sát và đánh giá đầu tư.

Chương I
QUY ĐỊNH CHUNG

Điều 1. Phạm vi điều chỉnh và đối tượng áp dụng

1. Phạm vi điều chỉnh:

a) Nghị định này quy định về giám sát, đánh giá chương trình, dự án đầu tư, giám sát, đánh giá tổng thể đầu tư và giám sát đầu tư của cộng đồng đối với hoạt động đầu tư tại Việt Nam và đầu tư từ Việt Nam ra nước ngoài; chi phí giám sát, đánh giá đầu tư; quyền hạn và trách nhiệm của cơ quan, đơn vị, tổ chức, cá nhân có liên quan đến hoạt động giám sát, đánh giá đầu tư;

b) Việc giám sát và đánh giá hoạt động đầu tư chứng khoán thực hiện theo quy định của pháp luật về chứng khoán;

c) Việc giám sát và đánh giá các chương trình, dự án sử dụng vốn hỗ trợ phát triển chính thức (ODA) và vốn vay ưu đãi của các nhà tài trợ nước ngoài thực hiện theo quy định tại Nghị định này; những vấn đề khác biệt do đặc thù của việc sử dụng các nguồn vốn này, thực hiện theo quy định của pháp luật về quản lý và sử dụng vốn hỗ trợ phát triển chính thức (ODA) và vốn vay ưu đãi của các nhà tài trợ nước ngoài.

d) Việc giám sát và đánh giá nhiệm vụ quy hoạch và đánh giá thực hiện quy hoạch thực hiện theo quy định của pháp luật về quy hoạch.

2. Đối tượng áp dụng của Nghị định này bao gồm: Các cơ quan, đơn vị, tổ chức, cá nhân có trách nhiệm thực hiện giám sát, đánh giá đầu tư và các cơ quan, đơn vị, tổ chức, cá nhân có liên quan đến hoạt động đầu tư và giám sát, đánh giá đầu tư.

Điều 2. Giải thích từ ngữ

Trong Nghị định này, các từ ngữ dưới đây được hiểu như sau:

1. “Giám sát đầu tư” là hoạt động theo dõi, kiểm tra đầu tư. Giám sát đầu tư gồm giám sát chương trình, dự án đầu tư và giám sát tổng thể đầu tư.

2. “Theo dõi chương trình, dự án đầu tư” là hoạt động thường xuyên và định kỳ cập nhật các thông tin liên quan đến tình hình thực hiện chương trình, dự án; tổng hợp, phân tích, đánh giá thông tin, đề xuất các phương án phục vụ việc ra quyết định của các cấp quản lý nhằm đảm bảo chương trình, dự án đầu tư thực hiện đúng mục tiêu, đúng tiến độ, bảo đảm chất lượng và trong khuôn khổ các nguồn lực đã được xác định.

3. “Kiểm tra chương trình, dự án đầu tư” là hoạt động định kỳ theo kế hoạch hoặc đột xuất, nhằm kiểm tra việc chấp hành quy định về quản lý chương trình, dự án của các cơ quan, tổ chức, cá nhân liên quan; phát hiện kịp thời những sai sót, yếu kém về quản lý chương trình, dự án theo quy định của pháp luật; kiến nghị các cấp có thẩm quyền xử lý những vướng mắc, phát sinh, việc làm sai quy định về quản lý chương trình, dự án; giám sát việc xử lý và chấp hành các biện pháp xử lý các vấn đề đã phát hiện.

4. “Đánh giá chương trình, dự án đầu tư” là hoạt động định kỳ theo kế hoạch hoặc đột xuất nhằm xác định mức độ đạt được theo mục tiêu, chỉ tiêu cụ thể so với quyết định đầu tư hoặc tiêu chuẩn đánh giá quy định của nhà nước tại một thời điểm nhất định. Đánh giá chương trình, dự án đầu tư bao gồm: Đánh giá ban đầu, đánh giá giữa kỳ hoặc giai đoạn, đánh giá kết thúc, đánh giá tác động và đánh giá đột xuất.

5. “Đánh giá ban đầu” là đánh giá được thực hiện ngay sau khi bắt đầu thực hiện đầu tư chương trình, dự án nhằm xem xét tình hình thực tế của chương trình, dự án so với thời điểm phê duyệt để có biện pháp xử lý phù hợp.

6. “Đánh giá giữa kỳ hoặc giai đoạn” là đánh giá được thực hiện vào thời điểm giữa kỳ theo tiến độ thực hiện đầu tư chương trình, dự án được phê duyệt hoặc sau khi kết thúc từng giai đoạn (đối với chương trình, dự án được thực hiện theo nhiều giai đoạn), nhằm xem xét quá trình thực hiện đầu tư chương trình, dự

án từ khi bắt đầu triển khai, đề xuất các điều chỉnh cần thiết.

7. “Đánh giá kết thúc” là đánh giá được tiến hành ngay sau khi kết thúc thực hiện đầu tư chương trình, dự án nhằm xem xét các kết quả đạt được, rút ra các bài học kinh nghiệm.

8. “Đánh giá tác động” là đánh giá được thực hiện vào thời điểm thích hợp sau năm thứ 3 kể từ khi đưa chương trình, dự án vào vận hành, nhằm làm rõ hiệu quả, tính bền vững và tác động kinh tế - xã hội so với mục tiêu đặt ra ban đầu.

9. “Đánh giá đột xuất” là đánh giá được thực hiện trong những trường hợp có những vướng mắc, khó khăn, tác động phát sinh ngoài dự kiến trong quá trình thực hiện đầu tư chương trình, dự án.

10. “Giám sát đầu tư của cộng đồng” là hoạt động tự nguyện của dân cư sinh sống trên địa bàn xã, phường, thị trấn (sau đây gọi chung là địa bàn cấp xã) nhằm theo dõi, kiểm tra việc chấp hành các quy định về quản lý đầu tư của cơ quan, đơn vị liên quan trong quá trình đầu tư; phát hiện, kiến nghị với các cơ quan nhà nước có thẩm quyền xử lý các vi phạm về đầu tư (trừ các chương trình, dự án bí mật quốc gia theo quy định của pháp luật).

11. “Giám sát tổng thể đầu tư” là việc theo dõi thường xuyên, kiểm tra định kỳ theo kế hoạch hoặc đột xuất quá trình thực hiện đầu tư của các cấp, các ngành và địa phương; phát hiện và chấn chỉnh kịp thời những sai phạm, thiếu sót để đảm bảo đầu tư theo quy hoạch, kế hoạch, mục tiêu và đảm bảo hiệu quả.

12. “Theo dõi tổng thể đầu tư” là hoạt động thường xuyên và định kỳ cập nhật các thông tin liên quan đến hoạt động đầu tư và việc quản lý đầu tư của các cấp, các ngành và địa phương; tổng hợp, phân tích, đánh giá thông tin và đề xuất các cơ chế, chính sách liên quan đến quản lý đầu tư.

13. “Kiểm tra tổng thể đầu tư” là hoạt động định kỳ theo kế hoạch hoặc đột xuất, nhằm kiểm tra việc chấp hành quy định về quản lý đầu tư của các cấp, các ngành; phát hiện và chấn chỉnh kịp thời những sai sót, yếu kém, bảo đảm việc quản lý đầu tư đúng quy định của pháp luật; phát hiện và kiến nghị các cấp có thẩm quyền xử lý kịp thời những vướng mắc, phát sinh hoặc việc làm sai quy định về quản lý đầu tư; giám sát việc xử lý và chấp hành các biện pháp xử lý các vấn đề đã phát hiện.

14. “Đánh giá tổng thể đầu tư” là hoạt động định kỳ theo kế hoạch nhằm phân tích, đánh giá kết quả đầu tư của nền kinh tế, ngành, địa phương; xác định mức độ đạt được so với quy hoạch, kế hoạch trong từng thời kỳ hay từng giai đoạn; phân tích nguyên nhân ảnh hưởng đến kết quả đầu tư cũng như đề xuất các giải pháp nâng cao hiệu quả đầu tư trong kỳ hay giai đoạn kế hoạch sau.

15. “Dự án thành phần thuộc chương trình đầu tư công” là một tập hợp các hoạt động có liên quan với nhau, nhằm thực hiện một hoặc một số mục tiêu cụ thể của chương trình, được thực hiện trên địa bàn cụ thể trong khoảng thời gian nhất định và dựa trên những nguồn lực đã xác định.

16. “Chủ dự án thành phần” là cơ quan, tổ chức được giao chủ trì quản lý dự án thành phần thuộc chương trình đầu tư công.

17. “Chủ sử dụng” là cơ quan, tổ chức được giao quản lý khai thác, vận hành dự án.

18. “Dự án đầu tư sử dụng nguồn vốn khác” là dự án đầu tư không sử dụng vốn nhà nước.

19. “Vốn nhà nước ngoài vốn đầu tư công” là vốn đầu tư phát triển của nhà nước, vốn tín dụng do Chính phủ bảo lãnh, vốn vay được bảo đảm bằng tài sản của Nhà nước, vốn đầu tư phát triển của doanh nghiệp nhà nước, giá trị quyền sử dụng đất, vốn từ quỹ phát triển hoạt động sự nghiệp.

Điều 3. Các chủ thể thực hiện giám sát và đánh giá đầu tư

1. Cơ quan được giao lập Báo cáo đề xuất chủ trương đầu tư chương trình.
2. Cơ quan được giao chuẩn bị đầu tư dự án.
3. Chủ chương trình, chủ dự án thành phần, chủ đầu tư, nhà đầu tư.
4. Cơ quan hoặc người có thẩm quyền quyết định/chấp thuận chủ trương đầu tư; người có thẩm quyền quyết định đầu tư.
5. Chủ sử dụng dự án.
6. Cơ quan chủ quản, Cơ quan đại diện chủ sở hữu nhà nước.
7. Cơ quan ký kết hợp đồng dự án đầu tư theo phương thức đối tác công tư theo phương thức đối tác công tư.
8. Cơ quan đăng ký đầu tư.
9. Cơ quan quản lý nhà nước chuyên ngành.
10. Cơ quan quản lý nhà nước về đầu tư công và cơ quan quản lý nhà nước về đầu tư.
11. Ban giám sát đầu tư của cộng đồng.

Điều 4. Nguyên tắc giám sát, đánh giá đầu tư

1. Đúng đối tượng, phạm vi, nội dung giám sát và đánh giá đầu tư theo quy định.
2. Không gây cản trở công việc của các đối tượng chịu sự giám sát và

đánh giá đầu tư.

3. Phải có các tiêu chuẩn, tiêu chí và hồ sơ, tài liệu hợp lệ làm cơ sở cho việc giám sát, đánh giá.

4. Các thông tin phục vụ công tác giám sát, đánh giá đầu tư phải đầy đủ, kịp thời, chuẩn xác, trung thực và minh bạch.

5. Phải xem xét toàn diện, đồng bộ các vấn đề liên quan đến quá trình đầu tư.

6. Việc xem xét, đánh giá phải có đủ căn cứ, tài liệu; phải có phương pháp khoa học phù hợp với đối tượng và nội dung đánh giá.

7. Các giải pháp, đề xuất kiến nghị phải thiết thực, cụ thể và bảo đảm tính khả thi.

8. Kết quả giám sát, đánh giá phải được xử lý và phản hồi tích cực và phải được lưu trữ một cách hệ thống.

Chương II

GIÁM SÁT VÀ ĐÁNH GIÁ CHƯƠNG TRÌNH, DỰ ÁN ĐẦU TƯ SỬ DỤNG VỐN NHÀ NƯỚC

Mục 1

GIÁM SÁT VÀ ĐÁNH GIÁ CHƯƠNG TRÌNH ĐẦU TƯ CÔNG

Điều 5. Trách nhiệm giám sát chương trình đầu tư công

1. Cơ quan được giao lập Báo cáo đề xuất chủ trương đầu tư chương trình tự tổ chức thực hiện theo dõi, kiểm tra quá trình lập Báo cáo đề xuất chủ trương đầu tư chương trình.

2. Chủ chương trình, chủ dự án thành phần thực hiện theo dõi, kiểm tra quá trình đầu tư chương trình đầu tư công theo nội dung và các chỉ tiêu được phê duyệt nhằm bảo đảm mục tiêu và hiệu quả đầu tư.

3. Cơ quan chủ quản, người có thẩm quyền quyết định đầu tư chương trình thực hiện theo dõi, kiểm tra chương trình thuộc phạm vi quản lý. Việc kiểm tra được thực hiện như sau:

a) Kiểm tra ít nhất một lần đối với chương trình có thời gian thực hiện đầu tư trên 24 tháng

b) Kiểm tra khi điều chỉnh chương trình làm thay đổi địa điểm, mục tiêu, quy mô, tăng tổng mức đầu tư.

4. Cơ quan quản lý nhà nước về đầu tư công thực hiện theo dõi, kiểm tra chương trình thuộc phạm vi quản lý

5. Cơ quan hoặc người có thẩm quyền quyết định chủ trương đầu tư chương trình thực hiện theo dõi, kiểm tra quá trình đầu tư chương trình theo các nội dung được phê duyệt tại văn bản quyết định chủ trương đầu tư chương trình.

6. Cơ quan hoặc người có thẩm quyền quyết định chủ trương đầu tư, cơ quan quản lý nhà nước về đầu tư công, cơ quan chủ quản và người có thẩm quyền quyết định đầu tư chương trình quyết định tổ chức kiểm tra chương trình theo kế hoạch hoặc đột xuất.

Điều 6. Nội dung giám sát của cơ quan được giao lập Báo cáo đề xuất chủ trương đầu tư chương trình, chủ chương trình

1. Cơ quan được giao lập Báo cáo đề xuất chủ trương đầu tư chương trình tự tổ chức thực hiện theo dõi, kiểm tra toàn bộ quá trình lập Báo cáo đề xuất chủ trương đầu tư chương trình và báo cáo nội dung sau:

- a) Việc lập Báo cáo đề xuất chủ trương đầu tư chương trình;
- b) Tình hình thực hiện trình thẩm định và phê duyệt chủ trương đầu tư chương trình;
- c) Khó khăn, vướng mắc, phát sinh trong quá trình lập Báo cáo đề xuất chủ trương đầu tư chương trình và việc xử lý theo thẩm quyền;
- d) Đề xuất phương án xử lý khó khăn, vướng mắc, vấn đề vượt quá thẩm quyền.

2. Chủ chương trình tự tổ chức thực hiện theo dõi, kiểm tra toàn bộ quá trình lập Báo cáo nghiên cứu khả thi chương trình và báo cáo nội dung sau:

- a) Việc lập Báo cáo nghiên cứu khả thi chương trình;
- b) Tình hình trình thẩm định và phê duyệt chương trình;
- c) Khó khăn, vướng mắc, phát sinh trong quá trình lập Báo cáo nghiên cứu khả thi chương trình và việc xử lý theo thẩm quyền;
- d) Đề xuất phương án xử lý khó khăn, vướng mắc, vấn đề vượt quá thẩm quyền.

3. Chủ chương trình tự tổ chức thực hiện theo dõi, kiểm tra toàn bộ quá trình thực hiện chương trình và báo cáo nội dung sau:

- a) Việc quản lý thực hiện chương trình: Lập kế hoạch tổng thể và kế hoạch chi tiết triển khai chương trình; thực hiện và điều chỉnh kế hoạch triển khai chương trình;
- b) Tình hình thực hiện chương trình: Tiến độ thực hiện các mục tiêu của chương trình; tổng hợp tình hình thực hiện dự án thành phần thuộc chương trình;

giá trị khối lượng thực hiện;

c) Tình hình thực hiện kế hoạch vốn đầu tư: Việc huy động vốn cho chương trình; giải ngân; nợ đọng vốn xây dựng cơ bản (nếu có);

d) Năng lực tổ chức thực hiện dự án thành phần thuộc chương trình và việc chấp hành quy định về quản lý đầu tư của chủ dự án thành phần;

đ) Báo cáo và đề xuất phương án xử lý khó khăn, vướng mắc, vấn đề vượt quá thẩm quyền.

Điều 7. Nội dung giám sát của cơ quan chủ quản và người có thẩm quyền quyết định đầu tư chương trình

1. Nội dung theo dõi:

a) Tình hình thực hiện chế độ báo cáo của chủ chương trình, chủ dự án thành phần thuộc chương trình theo quy định;

b) Tổng hợp tình hình thực hiện lập, thẩm định Báo cáo đề xuất chủ trương đầu tư chương trình;

c) Tổng hợp tình hình thực hiện lập, thẩm định, quyết định đầu tư chương trình và quyết định điều chỉnh chương trình (nếu có);

d) Tổng hợp tình hình thực hiện chương trình: Tiến độ thực hiện các mục tiêu của chương trình; thực hiện kế hoạch vốn đầu tư, giải ngân; khó khăn, vướng mắc, phát sinh chính ảnh hưởng đến việc thực hiện chương trình và kết quả xử lý;

đ) Việc chấp hành các biện pháp xử lý của chủ chương trình, chủ dự án thành phần;

e) Báo cáo và đề xuất phương án xử lý khó khăn, vướng mắc, vấn đề vượt quá thẩm quyền.

2. Nội dung kiểm tra:

a) Việc chấp hành quy định trong việc lập Báo cáo đề xuất chủ trương đầu tư chương trình;

b) Việc chấp hành quy định trong việc lập, thẩm định Báo cáo nghiên cứu khả thi chương trình;

c) Việc quản lý thực hiện chương trình của chủ chương trình và việc quản lý thực hiện dự án thành phần thuộc chương trình của chủ dự án thành phần;

d) Việc chấp hành các biện pháp xử lý các vấn đề đã phát hiện của các cơ quan, đơn vị liên quan.

Điều 8. Nội dung giám sát của chủ dự án thành phần

1. Nội dung theo dõi:

a) Tổng hợp tình hình thực hiện dự án thành phần thuộc chương trình: Lập, thẩm định, phê duyệt dự án đầu tư; thực hiện dự án đầu tư; thực hiện kế hoạch vốn đầu tư, giải ngân; khó khăn, vướng mắc, phát sinh và kết quả xử lý;

b) Báo cáo và đề xuất phương án xử lý khó khăn, vướng mắc, vấn đề vượt quá thẩm quyền.

2. Nội dung kiểm tra:

a) Kiểm tra nội dung liên quan đến tổ chức thực hiện và quản lý dự án thành phần thuộc chương trình;

b) Việc chấp hành quy định về quản lý đầu tư và năng lực quản lý dự án của chủ đầu tư;

c) Việc chấp hành biện pháp xử lý vấn đề đã phát hiện của chủ đầu tư.

Điều 9. Nội dung giám sát của cơ quan quản lý nhà nước về đầu tư công

1. Nội dung theo dõi:

a) Tình hình thực hiện chế độ báo cáo của chủ chương trình, chủ dự án thành phần theo quy định;

b) Tổng hợp tình hình thực hiện lập, thẩm định, phê duyệt chủ trương đầu tư chương trình; lập, thẩm định, quyết định đầu tư chương trình;

c) Tổng hợp tình hình thực hiện lập, thẩm định, phê duyệt các dự án thuộc chương trình;

d) Tổng hợp tình hình thực hiện chương trình: Tiến độ thực hiện mục tiêu của chương trình; thực hiện kế hoạch vốn đầu tư, giải ngân; khó khăn, vướng mắc, phát sinh chính ảnh hưởng đến việc thực hiện chương trình và kết quả xử lý;

đ) Việc chấp hành biện pháp xử lý của chủ chương trình, chủ dự án thành phần;

e) Báo cáo và đề xuất phương án xử lý khó khăn, vướng mắc, vấn đề vượt quá thẩm quyền.

2. Nội dung kiểm tra:

a) Việc chấp hành các quy định trong việc lập, thẩm định, quyết định chủ trương đầu tư chương trình;

b) Việc chấp hành quy định trong việc lập, thẩm định, quyết định đầu tư chương trình, dự án thuộc chương trình và quyết định điều chỉnh chương trình,

dự án thuộc chương trình (nếu có);

c) Việc quản lý và thực hiện chương trình của cơ quan chủ quản, chủ chương trình và chủ dự án thành phần;

d) Việc xử lý và chấp hành biện pháp xử lý vấn đề đã phát hiện của các cơ quan, đơn vị liên quan.

Điều 10. Giám sát dự án đầu tư thuộc chương trình đầu tư công

Việc giám sát dự án đầu tư thuộc chương trình đầu tư công thực hiện theo quy định tại Mục 2 và 3 Chương này và Chương III, IV và V Nghị định này.

Điều 11. Đánh giá chương trình đầu tư công

1. Đánh giá chương trình đầu tư công được thực hiện như sau:

a) Chương trình đầu tư công phải thực hiện đánh giá giữa kỳ hoặc giai đoạn, đánh giá kết thúc, đánh giá tác động;

b) Cơ quan chủ quản, người có thẩm quyền quyết định đầu tư quyết định việc đánh giá đột xuất chương trình khi cần thiết.

2. Trách nhiệm tổ chức thực hiện đánh giá chương trình đầu tư công:

a) Chủ chương trình chịu trách nhiệm tổ chức thực hiện đánh giá giữa kỳ hoặc giai đoạn và đánh giá kết thúc;

b) Người có thẩm quyền quyết định đầu tư chịu trách nhiệm tổ chức thực hiện đánh giá đột xuất, đánh giá tác động;

c) Cơ quan quản lý nhà nước về đầu tư công và cơ quan chủ quản tổ chức thực hiện các loại đánh giá theo kế hoạch và đánh giá đột xuất chương trình thuộc phạm vi quản lý.

3. Nội dung đánh giá chương trình thực hiện theo quy định tại Điều 73 của Luật Đầu tư công.

4. Đánh giá hiệu quả đầu tư chương trình đầu tư công:

a) Phương pháp đánh giá hiệu quả chương trình đầu tư công: phương pháp so sánh, đối chiếu (giữa kết quả/số liệu thực tế thu thập tại thời điểm đánh giá và mục tiêu/kế hoạch đặt ra; hoặc giữa các thông số của dự án tại thời điểm đánh giá với các chỉ số tiêu chuẩn; hoặc kết hợp).

b) Tiêu chí đánh giá hiệu quả đầu tư chương trình đầu tư công: Sự phù hợp của chương trình với mục tiêu kinh tế - xã hội quốc gia, mục tiêu kinh tế - xã hội của địa phương, phù hợp với nhu cầu của đối tượng hưởng lợi và chính sách phát triển của nhà tài trợ (nếu có); Mức độ đạt được mục tiêu đầu tư chương trình theo quyết định đầu tư đã được phê duyệt; Chỉ số khai thác, vận

hành thực tế của chương trình so với các chỉ số khai thác, vận hành của chương trình đã được phê duyệt; Các tác động kinh tế - xã hội, môi trường và các mục tiêu phát triển đặc thù khác (xóa đói giảm nghèo, bình đẳng giới, hộ chính sách, đối tượng ưu tiên,...); Các biện pháp để giảm thiểu các tác động tiêu cực về xã hội, môi trường được thực hiện.

Mục 2

GIÁM SÁT VÀ ĐÁNH GIÁ DỰ ÁN ĐẦU TƯ CÔNG

Điều 12. Trách nhiệm giám sát dự án đầu tư công

1. Cơ quan được giao chuẩn bị đầu tư dự án tự tổ chức thực hiện theo dõi, kiểm tra quá trình chuẩn bị đầu tư dự án.

2. Chủ đầu tư tự tổ chức thực hiện theo dõi, kiểm tra toàn bộ quá trình đầu tư dự án theo nội dung và các chỉ tiêu được phê duyệt nhằm bảo đảm mục tiêu và hiệu quả đầu tư.

3. Cơ quan chủ quản, người có thẩm quyền quyết định đầu tư thực hiện theo dõi, kiểm tra dự án thuộc phạm vi quản lý. Việc kiểm tra được thực hiện như sau:

- a) Kiểm tra ít nhất một lần đối với các dự án đầu tư từ nhóm B trở lên;
- b) Kiểm tra khi điều chỉnh dự án làm thay đổi địa điểm, mục tiêu, quy mô, tăng tổng mức đầu tư.

4. Cơ quan quản lý nhà nước về đầu tư công và cơ quan quản lý nhà nước chuyên ngành thực hiện theo dõi, kiểm tra dự án thuộc phạm vi quản lý.

5. Cơ quan hoặc người có thẩm quyền quyết định chủ trương đầu tư dự án thực hiện theo dõi, kiểm tra quá trình thực hiện dự án theo các nội dung đã được phê duyệt tại văn bản quyết định chủ trương đầu tư.

6. Cơ quan hoặc người có thẩm quyền quyết định chủ trương đầu tư, cơ quan quản lý nhà nước về đầu tư công, cơ quan quản lý nhà nước chuyên ngành, cơ quan chủ quản và người có thẩm quyền quyết định đầu tư quyết định tổ chức kiểm tra dự án theo kế hoạch hoặc đột xuất.

Điều 13. Nội dung giám sát của cơ quan được giao chuẩn bị đầu tư dự án

1. Cơ quan được giao lập Báo cáo nghiên cứu tiền khả thi hoặc Báo cáo đề xuất chủ trương đầu tư dự án tự tổ chức thực hiện theo dõi, kiểm tra toàn bộ quá trình lập Báo cáo nghiên cứu tiền khả thi hoặc Báo cáo đề xuất chủ trương đầu tư dự án và báo cáo nội dung sau:

a) Việc lập Báo cáo nghiên cứu tiền khả thi hoặc Báo cáo đề xuất chủ trương đầu tư dự án;

b) Tình hình trình thẩm định, quyết định chủ trương đầu tư dự án;

c) Khó khăn, vướng mắc, phát sinh trong quá trình lập Báo cáo nghiên cứu tiền khả thi hoặc Báo cáo đề xuất chủ trương đầu tư dự án và việc xử lý theo thẩm quyền;

d) Đề xuất phương án xử lý khó khăn, vướng mắc, vấn đề vượt quá thẩm quyền.

2. Cơ quan được giao lập Báo cáo nghiên cứu khả thi dự án tự tổ chức thực hiện theo dõi, kiểm tra toàn bộ quá trình lập Báo cáo nghiên cứu khả thi dự án và báo cáo nội dung sau

a) Việc lập Báo cáo nghiên cứu khả thi dự án;

b) Tình hình trình thẩm định, quyết định đầu tư dự án;

c) Khó khăn, vướng mắc, phát sinh trong quá trình lập Báo cáo nghiên cứu khả thi và việc xử lý theo thẩm quyền;

d) Đề xuất phương án xử lý khó khăn, vướng mắc, vấn đề vượt quá thẩm quyền.

Điều 14. Nội dung giám sát của chủ đầu tư, chủ sử dụng

1. Chủ đầu tư tự tổ chức thực hiện theo dõi, kiểm tra toàn bộ quá trình thực hiện dự án và báo cáo nội dung sau:

a) Việc quản lý thực hiện dự án: Lập kế hoạch tổng thể và kế hoạch chi tiết thực hiện dự án; tình hình thực hiện và điều chỉnh kế hoạch;

b) Tình hình thực hiện dự án đầu tư: Tiến độ thực hiện; khối lượng và giá trị khối lượng thực hiện; chất lượng công việc; các biến động trong quá trình thực hiện dự án;

c) Tình hình thực hiện kế hoạch vốn đầu tư: Việc huy động vốn cho dự án; giải ngân (tạm ứng, thu hồi tạm ứng, thanh toán); quyết toán vốn dự án hoàn thành; nợ đọng xây dựng cơ bản (nếu có) và việc xử lý;

d) Năng lực tổ chức thực hiện dự án và việc chấp hành các quy định về quản lý đầu tư, của ban quản lý dự án và các nhà thầu;

đ) Khó khăn, vướng mắc, phát sinh trong quá trình thực hiện dự án và việc xử lý theo thẩm quyền;

e) Đề xuất phương án xử lý khó khăn, vướng mắc, vấn đề vượt quá thẩm quyền.

2. Chủ sử dụng tự tổ chức thực hiện theo dõi, kiểm tra toàn bộ quá trình khai thác, vận hành dự án và báo cáo nội dung sau:

- a) Việc quản lý, khai thác, vận hành dự án;
- b) Khó khăn, vướng mắc, phát sinh trong quá trình khai thác, vận hành dự án và việc xử lý theo thẩm quyền;
- c) Đề xuất phương án xử lý khó khăn, vướng mắc, vấn đề vượt quá thẩm quyền.

Điều 15. Nội dung giám sát của người có thẩm quyền quyết định đầu tư

1. Nội dung theo dõi:

- a) Tình hình thực hiện chế độ báo cáo của cơ quan được giao chuẩn bị đầu tư dự án, chủ đầu tư, chủ sử dụng;
- b) Tổng hợp tình hình thực hiện lập, thẩm định dự án;
- c) Tổng hợp tình hình thực hiện dự án: Tiến độ thực hiện; thực hiện kế hoạch vốn đầu tư; giải ngân, quyết toán vốn dự án hoàn thành; nợ đọng xây dựng cơ bản (nếu có) và việc xử lý; khó khăn, vướng mắc, phát sinh ảnh hưởng đến việc thực hiện dự án và kết quả xử lý;
- d) Tổng hợp tình hình tổ chức khai thác, vận hành dự án; khó khăn, vướng mắc, phát sinh chính ảnh hưởng đến quá trình khai thác, vận hành dự án và kết quả xử lý;
- đ) Việc chấp hành các biện pháp xử lý của chủ đầu tư, chủ sử dụng;
- e) Báo cáo và đề xuất phương án xử lý khó khăn, vướng mắc, vấn đề vượt quá thẩm quyền theo quy định.

2. Nội dung kiểm tra:

- a) Việc chấp hành quy định về: Giám sát và đánh giá đầu tư; lập, thẩm định quyết định chủ trương đầu tư; lập, thẩm định, quyết định đầu tư dự án; đấu thầu; đền bù giải phóng mặt bằng, tái định cư; sử dụng vốn đầu tư và các nguồn lực khác của dự án; bố trí vốn đầu tư, giải ngân, thanh toán, quyết toán vốn đầu tư; giải quyết các vướng mắc, phát sinh trong quá trình thực hiện dự án; nghiệm thu đưa dự án vào hoạt động; quản lý, vận hành dự án; bảo vệ môi trường;
- b) Việc quản lý thực hiện dự án của chủ đầu tư, ban quản lý dự án;
- c) Tiến độ thực hiện dự án;
- d) Việc quản lý, khai thác, vận hành dự án của chủ sử dụng;
- đ) Việc chấp hành biện pháp xử lý vấn đề đã phát hiện của cơ quan được

giao chuẩn bị đầu tư, chủ đầu tư, ban quản lý dự án, chủ sử dụng.

Điều 16. Nội dung giám sát của cơ quan chủ quản và cơ quan quản lý nhà nước về đầu tư công

1. Nội dung theo dõi:

a) Tình hình thực hiện chế độ báo cáo của cơ quan được giao chuẩn bị đầu tư, chủ đầu tư, người có thẩm quyền quyết định đầu tư và chủ sử dụng theo quy định;

b) Tổng hợp tình hình thực hiện lập, trình thẩm định, quyết định chủ trương đầu tư dự án và điều chỉnh chủ trương đầu tư dự án (nếu có);

c) Tổng hợp tình hình thực hiện lập, thẩm định, quyết định đầu tư dự án và quyết định điều chỉnh dự án (nếu có);

d) Tổng hợp tình hình thực hiện dự án: Tiến độ thực hiện, thực hiện kế hoạch vốn đầu tư, giải ngân; khó khăn, vướng mắc, phát sinh chính ảnh hưởng đến việc thực hiện dự án và kết quả xử lý;

đ) Tổng hợp tình hình tổ chức khai thác, vận hành dự án; khó khăn, vướng mắc, phát sinh chính ảnh hưởng đến quá trình khai thác, vận hành dự án và kết quả xử lý;

e) Việc chấp hành biện pháp xử lý của cơ quan được giao chuẩn bị đầu tư, chủ đầu tư, người có thẩm quyền quyết định đầu tư và chủ sử dụng;

g) Báo cáo và đề xuất phương án xử lý khó khăn, vướng mắc, vấn đề vượt quá thẩm quyền.

2. Nội dung kiểm tra:

a) Việc chấp hành quy định về: Giám sát và đánh giá đầu tư; lập, thẩm định quyết định chủ trương đầu tư; lập, thẩm định, quyết định đầu tư dự án và quyết định điều chỉnh dự án (nếu có); đấu thầu; đền bù giải phóng mặt bằng, tái định cư; sử dụng vốn đầu tư và các nguồn lực khác của dự án; bố trí vốn đầu tư, giải ngân, thanh toán, quyết toán vốn đầu tư; giải quyết các vướng mắc, phát sinh trong quá trình thực hiện dự án; nghiệm thu đưa dự án vào hoạt động; quản lý, vận hành dự án; bảo vệ môi trường;

b) Việc quản lý thực hiện dự án của người có thẩm quyền quyết định đầu tư, chủ đầu tư, ban quản lý dự án;

c) Tiến độ thực hiện dự án;

d) Việc quản lý, khai thác, vận hành dự án của chủ sử dụng;

đ) Việc chấp hành biện pháp xử lý vấn đề đã phát hiện của cơ quan được

giao chuẩn bị đầu tư, người có thẩm quyền quyết định đầu tư, chủ đầu tư, ban quản lý dự án, chủ sử dụng.

Điều 17. Nội dung giám sát của cơ quan quản lý nhà nước chuyên ngành

Căn cứ chức năng, nhiệm vụ và lĩnh vực quản lý nhà nước được phân công, cơ quan quản lý nhà nước chuyên ngành thực hiện giám sát dự án đầu tư công theo quy định của pháp luật chuyên ngành.

Điều 18. Đánh giá dự án đầu tư công

1. Việc đánh giá dự án được thực hiện như sau:

a) Dự án quan trọng quốc gia, dự án nhóm A phải thực hiện đánh giá ban đầu, đánh giá giữa kỳ, đánh giá kết thúc và đánh giá tác động;

b) Dự án nhóm B, nhóm C phải thực hiện đánh giá kết thúc và đánh giá tác động;

c) Ngoài các quy định tại Điểm a và Điểm b Khoản này, người có thẩm quyền quyết định đầu tư và cơ quan quản lý nhà nước về đầu tư công quyết định thực hiện đánh giá khác quy định tại Khoản 4 Điều 2 Nghị định này khi cần thiết.

2. Trách nhiệm tổ chức thực hiện đánh giá dự án:

a) Chủ đầu tư chịu trách nhiệm tổ chức thực hiện đánh giá ban đầu, đánh giá giữa kỳ và đánh giá kết thúc;

b) Người có thẩm quyền quyết định đầu tư chịu trách nhiệm tổ chức thực hiện đánh giá đột xuất, đánh giá tác động.

Người có thẩm quyền quyết định đầu tư có thể giao cho chủ sử dụng hoặc cơ quan chuyên môn trực thuộc tổ chức thực hiện đánh giá tác động dự án do mình quyết định đầu tư;

c) Cơ quan quản lý nhà nước về đầu tư công tổ chức thực hiện các loại đánh giá theo kế hoạch và đánh giá đột xuất dự án thuộc phạm vi quản lý.

3. Nội dung đánh giá dự án đầu tư công thực hiện theo quy định tại Điều 73 của Luật Đầu tư công.

4. Đánh giá hiệu quả đầu tư dự án đầu tư công:

a) Phương pháp đánh giá hiệu quả đầu tư dự án đầu tư công: Tùy theo quy mô và tính chất của dự án, có thể sử dụng phương pháp so sánh, đối chiếu (giữa kết quả/số liệu thực tế thu thập tại thời điểm đánh giá và mục tiêu/kế hoạch đặt ra; hoặc giữa các thông số của dự án tại thời điểm đánh giá với các chỉ số tiêu

chuẩn; hoặc kết hợp) hoặc phương pháp phân tích chi phí - lợi ích.

b) Tiêu chí đánh giá hiệu quả đầu tư dự án đầu tư công: Mức độ đạt được mục tiêu đầu tư dự án theo quyết định đầu tư đã được phê duyệt; Chỉ số khai thác, vận hành thực tế của dự án so với các chỉ số khai thác, vận hành của dự án đã được phê duyệt; Tỷ suất hoàn vốn nội bộ (EIRR); Các tác động kinh tế - xã hội, môi trường và các mục tiêu phát triển đặc thù khác (xóa đói giảm nghèo, bình đẳng giới, hộ chính sách, đối tượng ưu tiên); Các biện pháp để giảm thiểu tối đa các tác động tiêu cực về xã hội, môi trường được thực hiện.

Mục 3

GIÁM SÁT VÀ ĐÁNH GIÁ DỰ ÁN ĐẦU TƯ SỬ DỤNG VỐN NHÀ NƯỚC NGOÀI VỐN ĐẦU TƯ CÔNG

Điều 19. Trách nhiệm giám sát dự án

1. Chủ đầu tư tự tổ chức thực hiện theo dõi, kiểm tra quá trình đầu tư dự án theo nội dung và các chỉ tiêu được phê duyệt tại quyết định đầu tư.

2. Người có thẩm quyền quyết định đầu tư thực hiện theo dõi, kiểm tra dự án thuộc thẩm quyền. Việc kiểm tra được thực hiện như sau:

- a) Kiểm tra ít nhất một lần đối với các dự án đầu tư từ nhóm B trở lên;
- b) Kiểm tra khi điều chỉnh dự án đầu tư làm thay đổi địa điểm, mục tiêu, quy mô, tăng tổng mức đầu tư.

3. Cơ quan đại diện chủ sở hữu nhà nước, cơ quan có thẩm quyền quyết định sử dụng vốn nhà nước để đầu tư, cơ quan quản lý nhà nước về đầu tư và cơ quan quản lý nhà nước chuyên ngành thực hiện theo dõi, kiểm tra dự án thuộc phạm vi quản lý.

4. Cơ quan hoặc người có thẩm quyền quyết định/chấp thuận chủ trương đầu tư dự án thực hiện theo dõi, kiểm tra quá trình thực hiện dự án đầu tư theo các nội dung đã được phê duyệt tại văn bản quyết định/chấp thuận chủ trương đầu tư.

5. Cơ quan hoặc người có thẩm quyền quyết định/chấp thuận chủ trương đầu tư, cơ quan quản lý nhà nước về đầu tư, cơ quan quản lý nhà nước chuyên ngành, cơ quan đại diện chủ sở hữu nhà nước, cơ quan có thẩm quyền quyết định sử dụng vốn nhà nước để đầu tư quyết định tổ chức kiểm tra dự án theo kế hoạch hoặc đột xuất.

Điều 20. Nội dung giám sát của chủ đầu tư

Chủ đầu tư thực hiện giám sát dự án đầu tư theo nội dung quy định tại

Điều 13 và Điều 14 Nghị định này.

Điều 21. Nội dung giám sát của người có thẩm quyền quyết định đầu tư

Người có thẩm quyền quyết định đầu tư thực hiện giám sát dự án đầu tư theo nội dung quy định tại Điều 15 Nghị định này.

Điều 22. Nội dung giám sát của cơ quan đại diện chủ sở hữu nhà nước và cơ quan có thẩm quyền quyết định việc sử dụng vốn nhà nước để đầu tư

1. Cơ quan đại diện chủ sở hữu nhà nước thực hiện giám sát dự án đầu tư theo nội dung quy định tại Điều 16 Nghị định này.

2. Cơ quan có thẩm quyền quyết định việc sử dụng vốn nhà nước để đầu tư tổng hợp tình hình thực hiện dự án và kiểm tra việc chấp hành các quy định trong việc sử dụng vốn nhà nước để đầu tư dự án của chủ đầu tư.

Điều 23. Nội dung giám sát đầu tư của cơ quan quản lý nhà nước về đầu tư

1. Nội dung theo dõi:

a) Thực hiện các nội dung theo quy định tại Khoản 1 Điều 16 Nghị định này;

b) Tổng hợp tình hình sử dụng vốn nhà nước để thực hiện dự án.

2. Nội dung kiểm tra dự án đầu tư thực hiện theo quy định tại Khoản 2 Điều 16 Nghị định này.

Điều 24. Nội dung giám sát của cơ quan quản lý nhà nước chuyên ngành

Căn cứ chức năng, nhiệm vụ và lĩnh vực quản lý nhà nước được phân công, cơ quan quản lý nhà nước chuyên ngành thực hiện theo dõi, kiểm tra dự án đầu tư theo quy định của pháp luật chuyên ngành.

Điều 25. Đánh giá dự án

1. Việc đánh giá dự án được thực hiện như sau:

a) Dự án quan trọng quốc gia, dự án nhóm A phải thực hiện đánh giá giữa kỳ, đánh giá kết thúc và đánh giá tác động;

b) Dự án nhóm B phải thực hiện đánh giá kết thúc và đánh giá tác động;

c) Ngoài các quy định tại Điểm a và Điểm b Khoản này, người có thẩm quyền quyết định đầu tư, cơ quan đại diện chủ sở hữu nhà nước và cơ quan quản lý nhà nước về đầu tư công quyết định thực hiện đánh giá khác quy định tại Khoản 4 Điều 2 Nghị định này khi cần thiết.

2. Trách nhiệm tổ chức thực hiện đánh giá dự án:

a) Chủ đầu tư chịu trách nhiệm tổ chức thực hiện đánh giá ban đầu, đánh giá giữa kỳ và đánh giá kết thúc;

b) Người có thẩm quyền quyết định đầu tư chịu trách nhiệm tổ chức thực hiện đánh giá đột xuất, đánh giá tác động;

c) Cơ quan quản lý nhà nước về đầu tư công, cơ quan đại diện chủ sở hữu tổ chức thực hiện các loại đánh giá theo kế hoạch và đánh giá đột xuất dự án thuộc phạm vi quản lý.

3. Nội dung đánh giá dự án thực hiện theo quy định tại Điều 73 của Luật Đầu tư công.

Chương III

GIÁM SÁT VÀ ĐÁNH GIÁ DỰ ÁN ĐẦU TƯ THEO PHƯƠNG THỨC ĐỐI TÁC CÔNG TƯ

Điều 26. Trách nhiệm giám sát dự án

1. Cơ quan được giao chuẩn bị đầu tư dự án tự tổ chức thực hiện theo dõi, kiểm tra quá trình chuẩn bị đầu tư dự án.

2. Cơ quan ký kết hợp đồng dự án đầu tư theo phương thức đối tác công tư và nhà đầu tư tự tổ chức thực hiện theo dõi, kiểm tra quá trình đầu tư dự án theo nội dung được phê duyệt và hợp đồng dự án.

3. Người có thẩm quyền phê duyệt Báo cáo nghiên cứu khả thi, cơ quan có thẩm quyền thực hiện theo dõi, kiểm tra dự án thuộc thẩm quyền. Việc kiểm tra được thực hiện như sau:

a) Kiểm tra ít nhất một lần đối với các dự án do mình phê duyệt Báo cáo nghiên cứu khả thi;

b) Kiểm tra khi điều chỉnh dự án làm thay đổi địa điểm, mục tiêu, quy mô, tăng tổng vốn đầu tư.

4. Cơ quan quản lý nhà nước về đầu tư theo phương thức đối tác công tư, cơ quan quản lý nhà nước chuyên ngành thực hiện theo dõi, kiểm tra dự án thuộc phạm vi quản lý.

5. Cơ quan hoặc người có thẩm quyền quyết định chủ trương đầu tư dự án thực hiện theo dõi, kiểm tra quá trình thực hiện dự án theo các nội dung đã được phê duyệt tại văn bản quyết định chủ trương đầu tư.

6. Cơ quan hoặc người có thẩm quyền quyết định chủ trương đầu tư, cơ quan quản lý nhà nước về đầu tư theo phương thức đối tác công tư, cơ quan quản lý nhà nước chuyên ngành, cơ quan có thẩm quyền và người có thẩm

quyền phê duyệt Báo cáo nghiên cứu khả thi quyết định tổ chức kiểm tra dự án theo kế hoạch hoặc đột xuất.

Điều 27. Nội dung giám sát của cơ quan được giao chuẩn bị đầu tư dự án

1. Cơ quan được giao lập Báo cáo nghiên cứu tiền khả thi tự tổ chức thực hiện theo dõi, kiểm tra toàn bộ quá trình lập Báo cáo nghiên cứu tiền khả thi dự án và báo cáo nội dung sau:

- a) Việc lập Báo cáo nghiên cứu tiền khả thi dự án;
- b) Tình hình trình thẩm định, quyết định chủ trương đầu tư dự án;
- c) Khó khăn, vướng mắc, phát sinh trong quá trình lập Báo cáo nghiên cứu tiền khả thi và việc xử lý theo thẩm quyền;
- d) Đề xuất phương án xử lý khó khăn, vướng mắc, vấn đề vượt quá thẩm quyền.

2. Cơ quan được giao lập Báo cáo nghiên cứu khả thi dự án tự tổ chức thực hiện theo dõi, kiểm tra toàn bộ quá trình lập Báo cáo nghiên cứu khả thi dự án và báo cáo nội dung sau:

- a) Việc lập Báo cáo nghiên cứu khả thi dự án;
- b) Tình hình trình thẩm định, phê duyệt Báo cáo nghiên cứu khả thi dự án;
- c) Khó khăn, vướng mắc, phát sinh trong quá trình lập Báo cáo nghiên cứu khả thi dự án và việc xử lý theo thẩm quyền;
- d) Đề xuất phương án xử lý khó khăn, vướng mắc, vấn đề vượt quá thẩm quyền.

Điều 28. Nội dung giám sát của nhà đầu tư và Cơ quan ký kết hợp đồng dự án đầu tư theo phương thức đối tác công tư

1. Nhà đầu tư tự tổ chức thực hiện theo dõi, kiểm tra và báo cáo về tình hình thực hiện Hợp đồng dự án;

2. Cơ quan ký kết hợp đồng dự án đầu tư theo phương thức đối tác công tư tự tổ chức thực hiện theo dõi, kiểm tra và báo cáo nội dung sau:

- a) Việc lựa chọn nhà đầu tư; đàm phán, ký kết Hợp đồng dự án;
- b) Tình hình thực hiện Hợp đồng dự án;
- c) Nội dung khác theo quy định tại Điều 14 Nghị định này.

Điều 29. Nội dung giám sát của cơ quan có thẩm quyền và người có thẩm quyền phê duyệt Báo cáo nghiên cứu khả thi

1. Theo dõi, kiểm tra việc lựa chọn nhà đầu tư, ký kết Hợp đồng dự án.
2. Theo dõi, kiểm tra tình hình thực hiện Hợp đồng dự án.
3. Thực hiện nội dung khác theo quy định tại Điều 15 Nghị định này.

Điều 30. Nội dung giám sát của cơ quan quản lý nhà nước về đầu tư theo phương thức đối tác công tư

- a) Theo dõi, kiểm tra việc công bố danh mục dự án;
- b) Tổng hợp tình hình thực hiện việc lựa chọn nhà đầu tư, đàm phán, ký kết hợp đồng dự án;
- c) Tổng hợp tình hình thực hiện Hợp đồng dự án;
- đ) Kiểm tra việc chấp hành quy định về quản lý đầu tư của các bên ký kết Hợp đồng dự án trong việc thực hiện Hợp đồng dự án;
- e) Theo dõi, kiểm tra các nội dung khác theo quy định tại Điều 86 và Điều 87 Luật đầu tư theo phương thức đối tác công tư

Điều 31. Nội dung giám sát của cơ quan quản lý nhà nước chuyên ngành

Căn cứ chức năng, nhiệm vụ và lĩnh vực quản lý nhà nước được phân công, cơ quan quản lý nhà nước chuyên ngành thực hiện theo dõi, kiểm tra dự án đầu tư theo phương thức đối tác công tư theo quy định của pháp luật chuyên ngành.

Điều 32. Đánh giá dự án đầu tư theo phương thức đối tác công tư

1. Việc đánh giá dự án được thực hiện như sau:
 - a) Dự án thuộc thẩm quyền quyết định chủ trương đầu tư của Quốc hội, Thủ tướng Chính phủ, phải thực hiện đánh giá giữa kỳ, đánh giá kết thúc và đánh giá tác động;
 - b) Dự án thuộc thẩm quyền quyết định chủ trương đầu tư của Bộ trưởng, người đứng đầu cơ quan trung ương, cơ quan khác theo quy định của pháp luật về PPP phải thực hiện đánh giá kết thúc và đánh giá tác động;
 - c) Ngoài các quy định tại điểm a và điểm b khoản này, cơ quan có thẩm quyền, người có thẩm quyền phê duyệt Báo cáo nghiên cứu khả thi và cơ quan quản lý nhà nước về đầu tư theo phương thức đối tác công tư quyết định thực hiện đánh giá khác quy định tại khoản 4 Điều 2 Nghị định này khi cần thiết.

2. Trách nhiệm tổ chức thực hiện đánh giá dự án:

- a) Cơ quan ký kết hợp đồng dự án đầu tư theo phương thức đối tác công tư chịu trách nhiệm tổ chức thực hiện đánh giá ban đầu, đánh giá giữa kỳ và

đánh giá kết thúc;

b) Người có thẩm quyền phê duyệt Báo cáo nghiên cứu khả thi chịu trách nhiệm tổ chức thực hiện đánh giá đột xuất, đánh giá tác động;

c) Cơ quan quản lý nhà nước về đầu tư theo phương thức đối tác công tư thực hiện các loại đánh giá theo kế hoạch và đánh giá đột xuất dự án thuộc phạm vi quản lý.

3. Nội dung đánh giá dự án đầu tư theo phương thức đối tác công tư thực hiện theo quy định tại Điều 73 của Luật Đầu tư công.

Chương IV

GIÁM SÁT VÀ ĐÁNH GIÁ DỰ ÁN ĐẦU TƯ SỬ DỤNG NGUỒN VỐN KHÁC

Điều 33. Trách nhiệm giám sát dự án

1. Nhà đầu tư, tổ chức kinh tế tự tổ chức thực hiện theo dõi, kiểm tra dự án.

2. Cơ quan đăng ký đầu tư thực hiện theo dõi, kiểm tra dự án trong phạm vi quản lý. Việc kiểm tra được thực hiện ít nhất một lần đối với mỗi dự án.

3. Cơ quan quản lý nhà nước về đầu tư và cơ quan quản lý nhà nước chuyên ngành thực hiện theo dõi, kiểm tra dự án trong phạm vi quản lý.

4. Cơ quan hoặc người có thẩm quyền chấp thuận chủ trương đầu tư dự án theo dõi, kiểm tra quá trình thực hiện dự án theo nội dung đã được phê duyệt tại văn bản chấp thuận chủ trương đầu tư.

5. Cơ quan hoặc người có thẩm quyền chấp thuận chủ trương đầu tư, cơ quan quản lý nhà nước về đầu tư, cơ quan quản lý nhà nước chuyên ngành và cơ quan đăng ký đầu tư quyết định tổ chức kiểm tra dự án theo kế hoạch hoặc đột xuất.

Điều 34. Nội dung giám sát của nhà đầu tư

Nhà đầu tư, tổ chức kinh tế tự tổ chức thực hiện theo dõi, kiểm tra dự án và báo cáo các nội dung sau:

1. Việc thực hiện thủ tục đề nghị quyết định chủ trương đầu tư, cấp Giấy chứng nhận đăng ký đầu tư và cấp Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp (nếu có).

2. Tiến độ thực hiện dự án và tiến độ thực hiện mục tiêu của dự án.

3. Tiến độ góp vốn đầu tư, vốn điều lệ, góp vốn pháp định (đối với các

ngành, nghề đầu tư kinh doanh có yêu cầu phải có vốn pháp định).

4. Tình hình khai thác, vận hành dự án: Kết quả hoạt động đầu tư kinh doanh, thông tin về lao động, nộp ngân sách nhà nước, đầu tư cho nghiên cứu và phát triển, tình hình tài chính của doanh nghiệp và các chỉ tiêu chuyên ngành theo lĩnh vực hoạt động.

5. Việc thực hiện các yêu cầu về bảo vệ môi trường, sử dụng đất đai, sử dụng tài nguyên khoáng sản theo quy định.

6. Việc thực hiện quy định tại văn bản quyết định chủ trương đầu tư và Giấy chứng nhận đăng ký đầu tư (nếu có).

7. Việc đáp ứng các điều kiện đầu tư kinh doanh đối với các dự án thuộc ngành, nghề đầu tư kinh doanh có điều kiện.

8. Tình hình thực hiện ưu đãi đầu tư (nếu có).

Điều 35. Nội dung giám sát của cơ quan đăng ký đầu tư

1. Nội dung theo dõi:

a) Tình hình thực hiện chế độ báo cáo của nhà đầu tư;

b) Tổng hợp tình hình thực hiện dự án;

c) Tổng hợp tình hình khai thác, vận hành dự án;

d) Tổng hợp tình hình thực hiện yêu cầu về bảo vệ môi trường, sử dụng đất đai, sử dụng tài nguyên khoáng sản của dự án;

đ) Việc xử lý và chấp hành các biện pháp xử lý của nhà đầu tư, tổ chức kinh tế;

e) Báo cáo và đề xuất phương án xử lý khó khăn, vướng mắc, các vấn đề vượt quá thẩm quyền.

2. Nội dung kiểm tra:

a) Việc thực hiện quy định tại văn bản quyết định chủ trương đầu tư, Giấy chứng nhận đăng ký đầu tư (nếu có);

b) Tiến độ thực hiện dự án, gồm tiến độ thực hiện vốn đầu tư, trong đó có vốn vay và tiến độ thực hiện mục tiêu dự án.

c) Việc đáp ứng điều kiện đầu tư, điều kiện ưu đãi, hỗ trợ đầu tư và việc thực hiện các cam kết của nhà đầu tư (nếu có);

d) Việc chấp hành quy định về giám sát, đánh giá đầu tư và chế độ báo cáo thống kê theo quy định;

đ) Việc chấp hành biện pháp xử lý vấn đề đã phát hiện.

Điều 36. Nội dung giám sát của cơ quan quản lý nhà nước về đầu tư

1. Nội dung theo dõi:

- a) Tình hình thực hiện chế độ báo cáo của cơ quan đăng ký đầu tư;
- b) Việc chấp hành các biện pháp xử lý của cơ quan đăng ký đầu tư;
- c) Các nội dung quy định tại Khoản 1 Điều 35 Nghị định này.

2. Nội dung kiểm tra:

a) Sự phù hợp của dự án đầu tư với quy hoạch có liên quan theo pháp luật về quy hoạch;

b) Việc cấp, điều chỉnh, thu hồi Giấy chứng nhận đăng ký đầu tư của cơ quan đăng ký đầu tư theo các quy định của pháp luật;

c) Quy định ưu đãi đối với dự án đầu tư;

d) Việc giám sát, đánh giá và hỗ trợ đầu tư sau khi cấp Giấy chứng nhận đăng ký đầu tư;

đ) Thực hiện chức năng cơ quan đầu mối tổng hợp báo cáo về tình hình thực hiện dự án đầu tư theo quy định;

e) Các nội dung quy định tại Khoản 2 Điều 35 Nghị định này.

Điều 37. Nội dung giám sát của cơ quan quản lý nhà nước chuyên ngành

1. Nội dung theo dõi:

a) Tình hình thực hiện chế độ báo cáo của nhà đầu tư theo quy định của pháp luật chuyên ngành;

b) Việc chấp hành các biện pháp xử lý của nhà đầu tư;

c) Báo cáo và đề xuất phương án xử lý khó khăn, vướng mắc, các vấn đề vượt quá thẩm quyền.

2. Nội dung kiểm tra:

a) Sự phù hợp của dự án đầu tư với quy hoạch phát triển ngành, quy hoạch sử dụng đất;

b) Việc chấp hành quy định về bảo vệ môi trường, sử dụng đất đai, sử dụng tài nguyên khoáng sản (nếu có);

c) Việc bồi thường, giải phóng mặt bằng, thu hồi đất;

d) Việc áp dụng và chấp hành quy định của pháp luật chuyên ngành đối với dự án.

Điều 38. Đánh giá dự án đầu tư sử dụng nguồn vốn khác

1. Trách nhiệm tổ chức thực hiện đánh giá dự án:

a) Nhà đầu tư, tổ chức kinh tế thực hiện dự án thuộc diện chấp thuận chủ trương đầu tư phải đánh giá kết thúc;

b) Cơ quan đăng ký đầu tư và cơ quan quản lý nhà nước về đầu tư tổ chức thực hiện đánh giá đột xuất và đánh giá tác động khi cần thiết.

2. Nội dung đánh giá kết thúc:

a) Đánh giá kết quả thực hiện các mục tiêu, các nguồn lực đã huy động, tiến độ thực hiện, lợi ích dự án;

b) Đề xuất và kiến nghị.

3. Nội dung đánh giá tác động:

a) Thực trạng việc khai thác, vận hành dự án;

b) Tác động, hiệu quả kinh tế - xã hội của dự án;

c) Đề xuất và kiến nghị.

4. Nội dung đánh giá đột xuất:

a) Sự phù hợp của kết quả thực hiện dự án so với mục tiêu đầu tư;

b) Mức độ hoàn thành khối lượng công việc so với quy định tại văn bản quyết định chủ trương đầu tư, Giấy chứng nhận đăng ký đầu tư (nếu có);

c) Xác định những phát sinh ngoài dự kiến (nếu có) và nguyên nhân;

d) Ảnh hưởng của những phát sinh ngoài dự kiến đến việc thực hiện dự án, khả năng hoàn thành mục tiêu của dự án;

đ) Đề xuất và kiến nghị.

Chương V

GIÁM SÁT VÀ ĐÁNH GIÁ DỰ ÁN ĐẦU TƯ RA NƯỚC NGOÀI

Điều 39. Trách nhiệm giám sát dự án đầu tư ra nước ngoài

1. Nhà đầu tư, người có thẩm quyền quyết định đầu tư dự án, cơ quan đại diện chủ sở hữu nhà nước thực hiện theo dõi, kiểm tra quá trình đầu tư dự án theo nội dung và các chỉ tiêu được phê duyệt tại quyết định đầu tư.

2. Cơ quan quản lý nhà nước về đầu tư và cơ quan quản lý nhà nước chuyên ngành thực hiện theo dõi, kiểm tra dự án trong phạm vi quản lý.

3. Cơ quan hoặc người có thẩm quyền quyết định chủ trương đầu tư dự án thực hiện theo dõi, kiểm tra quá trình thực hiện dự án theo các nội dung đã được

phê duyệt tại văn bản quyết định chủ trương đầu tư.

Điều 40. Nội dung giám sát của nhà đầu tư

Nhà đầu tư tự tổ chức thực hiện theo dõi, kiểm tra dự án và báo cáo các nội dung sau:

1. Việc thực hiện thủ tục đầu tư kinh doanh tại nước ngoài.
2. Tình hình thực hiện dự án: Tiến độ thực hiện dự án, tiến độ thực hiện các mục tiêu của dự án, việc huy động và chuyển vốn đầu tư ra nước ngoài, việc huy động và sử dụng vốn nhà nước để đầu tư ra nước ngoài (nếu có).
3. Tình hình khai thác, vận hành dự án: Kết quả hoạt động đầu tư kinh doanh, tình hình tài chính của tổ chức kinh tế thành lập tại nước ngoài để thực hiện dự án; việc giữ lại lợi nhuận để tái đầu tư, giữ lại lợi nhuận để đầu tư dự án mới, chuyển lợi nhuận về nước; việc thực hiện nghĩa vụ tài chính đối với nhà nước Việt Nam; tình hình sử dụng lao động Việt Nam.
4. Việc thực hiện các nội dung quy định tại Giấy chứng nhận đăng ký đầu tư ra nước ngoài.
5. Việc đảm bảo các điều kiện đầu tư ra nước ngoài đối với các dự án đầu tư ra nước ngoài trong các lĩnh vực ngân hàng, bảo hiểm, chứng khoán, báo chí, phát thanh, truyền hình, kinh doanh bất động sản.

Điều 41. Nội dung giám sát của người có thẩm quyền quyết định đầu tư và cơ quan đại diện sở hữu nhà nước đối với các dự án sử dụng vốn nhà nước để đầu tư ra nước ngoài

1. Nội dung theo dõi:
 - a) Tình hình thực hiện chế độ báo cáo của nhà đầu tư;
 - b) Tổng hợp tình hình thực hiện dự án: Tiến độ thực hiện dự án, tiến độ thực hiện các mục tiêu của dự án, tiến độ chuyển vốn đầu tư ra nước ngoài; việc quản lý, sử dụng, bảo toàn và phát triển vốn đầu tư của Nhà nước đúng quy định;
 - c) Tổng hợp kết quả hoạt động đầu tư kinh doanh, tình hình tài chính của tổ chức kinh tế thành lập tại nước ngoài để thực hiện dự án, việc chuyển lợi nhuận về nước;
 - d) Việc chấp hành biện pháp xử lý của nhà đầu tư;
 - đ) Báo cáo và đề xuất phương án xử lý khó khăn, vướng mắc, các vấn đề vượt quá thẩm quyền.

2. Nội dung kiểm tra:

- a) Tiến độ thực hiện dự án;
- b) Việc chấp hành quy định của pháp luật trong việc sử dụng vốn nhà nước để đầu tư ra nước ngoài;
- c) Việc thực hiện quy định tại Giấy chứng nhận đăng ký đầu tư ra nước ngoài;
- d) Việc chấp hành quy định của pháp luật trong việc: Chuyển vốn đầu tư ra nước ngoài, đưa lao động Việt Nam ra nước ngoài, chuyển lợi nhuận về nước, giám sát và đánh giá dự án đầu tư ra nước ngoài.
- đ) Việc chấp hành biện pháp xử lý vấn đề đã phát hiện.

Điều 42. Nội dung giám sát của cơ quan quản lý nhà nước về đầu tư

1. Nội dung theo dõi:

- a) Tình hình thực hiện chế độ báo cáo của nhà đầu tư;
- b) Tổng hợp tình hình thực hiện dự án: Tiến độ thực hiện dự án, việc thực hiện mục tiêu của dự án, tiến độ chuyển vốn đầu tư ra nước ngoài;
- c) Tổng hợp kết quả hoạt động đầu tư ra nước ngoài;
- d) Việc chấp hành biện pháp xử lý của nhà đầu tư;
- đ) Báo cáo và đề xuất phương án xử lý khó khăn, vướng mắc, vấn đề vượt quá thẩm quyền.

2. Nội dung kiểm tra:

- a) Tiến độ thực hiện dự án;
- b) Việc thực hiện quy định tại văn bản quyết định chủ trương đầu tư, Giấy chứng nhận đăng ký đầu tư ra nước ngoài và quy định khác của pháp luật về đầu tư ra nước ngoài;
- c) Việc chấp hành biện pháp xử lý vấn đề đã phát hiện.

Điều 43. Nội dung giám sát của cơ quan quản lý nhà nước chuyên ngành

Căn cứ chức năng, nhiệm vụ và lĩnh vực quản lý nhà nước được phân công, cơ quan quản lý nhà nước chuyên ngành thực hiện giám sát dự án đầu tư ra nước ngoài theo các nội dung sau:

1. Nội dung theo dõi:

- a) Theo dõi tình hình thực hiện dự án trong phạm vi, lĩnh vực quản lý: Tiến độ thực hiện dự án, việc thực hiện các mục tiêu của dự án, tiến độ chuyển vốn đầu tư ra nước ngoài, việc huy động và sử dụng vốn nhà nước để đầu tư ra

nước ngoài (nếu có);

b) Tổng hợp tình hình hoạt động đầu tư ra nước ngoài trong phạm vi, lĩnh vực quản lý;

c) Việc đảm bảo điều kiện đầu tư ra nước ngoài đối với dự án đầu tư ra nước ngoài trong các lĩnh vực ngân hàng, chứng khoán, bảo hiểm, khoa học và công nghệ;

d) Việc chấp hành biện pháp xử lý của nhà đầu tư;

đ) Báo cáo và đề xuất phương án xử lý khó khăn, vướng mắc, vấn đề vượt quá thẩm quyền.

2. Nội dung kiểm tra:

a) Việc chấp hành các quy định của pháp luật trong việc: Chuyển vốn đầu tư ra nước ngoài, sử dụng vốn nhà nước để đầu tư ra nước ngoài, đưa lao động Việt Nam ra nước ngoài, chuyển lợi nhuận về nước và quy định pháp luật khác liên quan đến đầu tư ra nước ngoài;

b) Việc chấp hành biện pháp xử lý vấn đề đã phát hiện.

Điều 44. Đánh giá dự án đầu tư ra nước ngoài

1. Trách nhiệm tổ chức thực hiện đánh giá dự án:

a) Nhà đầu tư chịu trách nhiệm tổ chức đánh giá kết thúc;

b) Cơ quan đại diện chủ sở hữu nhà nước, người có thẩm quyền quyết định đầu tư, cơ quan quản lý nhà nước chuyên ngành và cơ quan quản lý nhà nước về đầu tư tổ chức thực hiện đánh giá đột xuất khi cần thiết.

2. Nội dung đánh giá kết thúc:

a) Đánh giá kết quả thực hiện dự án so với quy định tại Giấy chứng nhận đăng ký đầu tư ra nước ngoài: Kết quả thực hiện mục tiêu của dự án; nguồn lực đã huy động; tiến độ thực hiện dự án; hiệu quả kinh tế của dự án;

b) Đề xuất và kiến nghị.

3. Nội dung đánh giá đột xuất:

a) Sự phù hợp của kết quả thực hiện dự án so với mục tiêu đầu tư;

b) Mức độ hoàn thành khối lượng công việc so với quy định tại Giấy chứng nhận đăng ký đầu tư ra nước ngoài;

c) Xác định phát sinh ngoài dự kiến (nếu có) và nguyên nhân;

d) Ảnh hưởng của phát sinh ngoài dự kiến đến việc thực hiện dự án, khả năng hoàn thành mục tiêu của dự án;

đ) Đề xuất và kiến nghị.

Chương VI **GIÁM SÁT VÀ ĐÁNH GIÁ TỔNG THỂ ĐẦU TƯ**

Điều 45. Trách nhiệm giám sát và đánh giá tổng thể đầu tư

1. Cơ quan quản lý nhà nước về đầu tư thực hiện theo dõi, kiểm tra và đánh giá tổng thể đầu tư trong phạm vi quản lý.
2. Cơ quan quản lý nhà nước chuyên ngành thực hiện theo dõi, kiểm tra và đánh giá tổng thể đầu tư theo ngành, lĩnh vực quản lý.
3. Cơ quan đăng ký đầu tư thực hiện theo dõi, kiểm tra và đánh giá tổng thể đầu tư trong phạm vi quản lý.
4. Doanh nghiệp nhà nước thực hiện theo dõi, kiểm tra và đánh giá tổng thể đầu tư của doanh nghiệp.

Điều 46. Nội dung theo dõi tổng thể đầu tư

1. Việc ban hành văn bản hướng dẫn các chính sách, pháp luật liên quan đến đầu tư theo thẩm quyền.
2. Việc lập, thẩm định, phê duyệt và quản lý thực hiện các quy hoạch.
3. Việc lập, thẩm định và phê duyệt chủ trương đầu tư.
4. Việc thực hiện kế hoạch đầu tư công theo quy định tại Điều 69 của Luật Đầu tư công.
5. Việc lập, thẩm định, phê duyệt và thực hiện các dự án đầu tư theo phương thức đối tác công tư.
6. Việc lập, thẩm định, phê duyệt và thực hiện các dự án đầu tư sử dụng vốn nhà nước ngoài vốn đầu tư công.
7. Việc quản lý dự án đầu tư sử dụng nguồn vốn khác:
 - a) Việc thu hút đầu tư, thực hiện thủ tục chấp thuận chủ trương đầu tư, cấp Giấy chứng nhận đăng ký đầu tư và quản lý thực hiện dự án đầu tư của nhà đầu tư nước ngoài và tổ chức kinh tế có vốn đầu tư nước ngoài;
 - b) Việc thực hiện thủ tục chấp thuận chủ trương đầu tư và quản lý thực hiện dự án đầu tư sử dụng nguồn vốn tư nhân trong nước.
8. Việc tổ chức thực hiện công tác giám sát và đánh giá đầu tư.

Điều 47. Nội dung kiểm tra tổng thể đầu tư

1. Việc thực hiện các quy định của các văn bản hướng dẫn các chính sách,

pháp luật liên quan đến đầu tư.

2. Tiến độ thực hiện và việc chấp hành các quy định trong lập, thẩm định, phê duyệt và quản lý thực hiện các quy hoạch.

3. Tiến độ thực hiện và việc chấp hành các quy định trong lập, thẩm định và phê duyệt chủ trương đầu tư.

4. Việc thực hiện kế hoạch đầu tư công theo quy định tại Điều 69 của Luật Đầu tư công.

5. Tiến độ thực hiện và việc chấp hành các quy định trong lập, thẩm định, phê duyệt và thực hiện các dự án đầu tư theo phương thức đối tác công tư.

6. Tiến độ thực hiện và việc chấp hành các quy định trong lập, thẩm định, phê duyệt và thực hiện các dự án đầu tư sử dụng vốn nhà nước ngoài vốn đầu tư công.

7. Tiến độ thực hiện và việc chấp hành các quy định trong quản lý dự án đầu tư sử dụng nguồn vốn khác.

8. Việc tổ chức thực hiện công tác giám sát và đánh giá đầu tư.

Điều 48. Nội dung đánh giá tổng thể đầu tư

1. Tổng hợp, phân tích, đánh giá tình hình và kết quả đầu tư của nền kinh tế theo các chỉ tiêu về quy mô, tốc độ, cơ cấu, tiến độ, hiệu quả đầu tư.

2. Đánh giá mức độ đạt được so với quy hoạch được duyệt, nhiệm vụ kế hoạch hoặc so với mức đạt được của kỳ trước; đánh giá tính khả thi của các quy hoạch, kế hoạch được duyệt.

3. Đánh giá kế hoạch đầu tư công theo quy định tại Điều 70 của Luật Đầu tư công.

4. Đánh giá tổng thể về tình hình quản lý đầu tư.

5. Xác định các yếu tố, nguyên nhân ảnh hưởng tới tình hình và kết quả đầu tư; đề xuất các giải pháp nâng cao hiệu quả đầu tư trong kỳ hoặc giai đoạn kế hoạch sau.

Chương VII GIÁM SÁT ĐẦU TƯ CỦA CỘNG ĐỒNG

Điều 49. Quyền giám sát đầu tư của cộng đồng

1. Công dân có quyền giám sát các dự án đầu tư thông qua Ban Giám sát đầu tư của cộng đồng; trình tự, thủ tục, quy trình giám sát đầu tư của cộng đồng được thực hiện theo quy định tại Điều 75 Luật Đầu tư công và Nghị định này.

2. Ban Giám sát đầu tư của cộng đồng được quyền:

a) Yêu cầu các cơ quan quản lý nhà nước có thẩm quyền cung cấp các thông tin về quy hoạch cấp quốc gia, quy hoạch vùng, quy hoạch tỉnh, quy hoạch đô thị, quy hoạch nông thôn, các quy hoạch khác liên quan theo quy định của pháp luật về quy hoạch và kế hoạch sử dụng đất đai theo quy định của pháp luật về đất đai;

b) Yêu cầu các cơ quan quản lý nhà nước có liên quan trả lời về các vấn đề thuộc phạm vi quản lý theo quy định của pháp luật;

c) Yêu cầu chủ chương trình, chủ đầu tư trả lời, cung cấp các thông tin phục vụ việc giám sát đầu tư: Quyết định đầu tư; thông tin về chủ đầu tư, Ban quản lý dự án, địa chỉ liên hệ; tiến độ và kế hoạch đầu tư; diện tích chiếm đất và sử dụng đất; quy hoạch mặt bằng chi tiết và phương án kiến trúc; đền bù, giải phóng mặt bằng và phương án tái định cư; phương án xử lý chất thải và bảo vệ môi trường.

Đối với các chương trình, dự án đầu tư có nguồn vốn và công sức của cộng đồng, dự án sử dụng ngân sách cấp xã hoặc bằng nguồn tài trợ trực tiếp của các tổ chức, cá nhân cho cấp xã, ngoài các nội dung trên, chủ chương trình, chủ đầu tư có trách nhiệm cung cấp thêm thông tin về quy trình, quy phạm kỹ thuật, chủng loại và định mức vật tư; kết quả nghiệm thu và quyết toán công trình;

d) Các cơ quan quản lý nhà nước có thẩm quyền, chủ chương trình, chủ đầu tư có trách nhiệm cung cấp các tài liệu tại các Điểm a, b, c Khoản này cho Ban giám sát đầu tư của cộng đồng.

3. Kiến nghị các cấp có thẩm quyền đình chỉ thực hiện đầu tư, vận hành dự án trong các trường hợp sau:

a) Phát hiện thấy dấu hiệu vi phạm pháp luật trong quá trình thực hiện dự án gây ảnh hưởng nghiêm trọng đến sản xuất, an ninh, văn hóa - xã hội, môi trường sinh sống của cộng đồng;

b) Chủ đầu tư không thực hiện công khai thông tin về chương trình, dự án đầu tư theo quy định của pháp luật.

4. Phản ánh với các cơ quan nhà nước về kết quả giám sát đầu tư của cộng đồng và kiến nghị biện pháp xử lý.

Điều 50. Nội dung giám sát đầu tư của cộng đồng

1. Nội dung giám sát đầu tư của cộng đồng đối với chương trình, dự án đầu tư sử dụng vốn nhà nước và dự án đầu tư theo phương thức đối tác công tư:

a) Theo dõi, kiểm tra sự phù hợp của quyết định chủ trương đầu tư, quyết định đầu tư với quy hoạch, kế hoạch đầu tư trên địa bàn xã theo quy định của pháp luật;

b) Theo dõi, kiểm tra việc chủ đầu tư chấp hành các quy định về: Chi giới đất đai và sử dụng đất; quy hoạch mặt bằng chi tiết, phương án kiến trúc, xây dựng; xử lý chất thải, bảo vệ môi trường; đền bù, giải phóng mặt bằng và phương án tái định cư; tiến độ, kế hoạch đầu tư;

c) Tình hình triển khai và tiến độ thực hiện các chương trình, dự án.

d) Phát hiện những việc làm xâm hại đến lợi ích của cộng đồng; những tác động tiêu cực của dự án đến môi trường sinh sống của cộng đồng trong quá trình thực hiện đầu tư, vận hành dự án;

đ) Phát hiện những việc làm gây lãng phí, thất thoát vốn, tài sản thuộc dự án;

e) Việc thực hiện công khai, minh bạch trong quá trình đầu tư.

2. Nội dung giám sát đầu tư của cộng đồng đối với các dự án đầu tư từ nguồn vốn khác thực hiện theo các Điểm a, b, c, d, e Khoản 1 Điều này.

3. Nội dung giám sát đầu tư của cộng đồng đối với các chương trình, dự án đầu tư có nguồn vốn và công sức của cộng đồng, dự án sử dụng ngân sách cấp xã hoặc bằng nguồn tài trợ trực tiếp của các tổ chức, cá nhân cho cấp xã.

a) Thực hiện các nội dung quy định tại Khoản 1 Điều này;

b) Theo dõi, kiểm tra việc tuân thủ các quy trình, quy phạm kỹ thuật, định mức và chủng loại vật tư theo quy định; theo dõi, kiểm tra kết quả nghiệm thu và quyết toán công trình.

Điều 51. Tổ chức giám sát đầu tư của cộng đồng

1. Ủy ban Mặt trận Tổ quốc Việt Nam cấp xã:

a) Chủ trì thành lập Ban Giám sát đầu tư của cộng đồng cho từng chương trình, dự án. Thành phần của Ban ít nhất là 05 người, gồm đại diện Ủy ban Mặt trận Tổ quốc Việt Nam cấp xã, Thanh tra nhân dân và đại diện người dân trên địa bàn;

b) Lập kế hoạch giám sát đầu tư của cộng đồng đối với các chương trình, dự án trên địa bàn và thông báo cho chủ chương trình, chủ đầu tư, ban quản lý chương trình, dự án về kế hoạch và thành phần Ban Giám sát đầu tư của cộng đồng chậm nhất 45 ngày trước khi thực hiện;

c) Hướng dẫn Ban Giám sát đầu tư của cộng đồng xây dựng chương trình, kế hoạch giám sát đầu tư theo quy định của pháp luật và Nghị định này; hỗ trợ Ban Giám sát đầu tư của cộng đồng trong việc thông tin liên lạc, lập và gửi các Báo cáo giám sát đầu tư của cộng đồng;

d) Hướng dẫn, động viên cộng đồng tích cực thực hiện quyền giám sát

đầu tư theo quy định của Nghị định này;

đ) Xác nhận các văn bản phản ánh, kiến nghị của Ban Giám sát đầu tư của cộng đồng trước khi gửi các cơ quan có thẩm quyền.

2. Chủ tịch Ủy ban nhân dân xã căn cứ điều kiện của xã, bố trí địa điểm làm việc để Ban Giám sát đầu tư của cộng đồng tổ chức các cuộc họp và lưu trữ tài liệu phục vụ giám sát đầu tư của cộng đồng; tạo điều kiện sử dụng các phương tiện thông tin, liên lạc của Ủy ban nhân dân xã phục vụ giám sát đầu tư của cộng đồng.

3. Ban Giám sát đầu tư của cộng đồng:

a) Tổ chức thực hiện giám sát đầu tư của cộng đồng theo chương trình, kế hoạch đã đề ra; tiếp nhận các thông tin do công dân phản ánh để gửi tới các cơ quan quản lý có thẩm quyền theo quy định của Nghị định này; tiếp nhận và thông tin cho công dân biết ý kiến trả lời của các cơ quan quản lý có thẩm quyền về những kiến nghị của mình;

b) Định kỳ hoặc đột xuất báo cáo Ủy ban Mặt trận Tổ quốc Việt Nam cấp xã về kết quả giám sát đầu tư của cộng đồng.

Chương VIII

CHI PHÍ THỰC HIỆN GIÁM SÁT, ĐÁNH GIÁ ĐẦU TƯ

Điều 52. Chi phí và nguồn vốn thực hiện giám sát, đánh giá đầu tư

1. Chi phí giám sát, đánh giá đầu tư là toàn bộ chi phí cần thiết để cơ quan, tổ chức, cá nhân thực hiện việc giám sát, đánh giá đầu tư theo quy định tại Nghị định này.

2. Nguồn vốn thực hiện giám sát, đánh giá đầu tư:

a) Chi phí cho công tác giám sát, đánh giá đầu tư do cơ quan quản lý nhà nước thực hiện được sử dụng từ nguồn kinh phí sự nghiệp, nguồn kinh phí thường xuyên cho công tác giám sát, đánh giá đầu tư theo kế hoạch hàng năm của cơ quan, đơn vị thực hiện nhiệm vụ này;

b) Chi phí cho công tác giám sát, đánh giá đầu tư do cơ quan được giao chuẩn bị đầu tư chương trình, cơ quan được giao chuẩn bị đầu tư dự án được tính trong chi phí chuẩn bị đầu tư chương trình, dự án;

c) Chi phí cho công tác giám sát, đánh giá đầu tư do chủ chương trình, chủ đầu tư, nhà đầu tư, Cơ quan ký kết hợp đồng dự án đầu tư theo phương thức đối tác công tư tự thực hiện hoặc thuê tư vấn thực hiện được tính trong tổng mức đầu tư chương trình, dự án.

d) Chi phí cho công tác giám sát, đánh giá đầu tư của chủ sử dụng được

tính trong chi phí khai thác, vận hành dự án;

d) Chi phí hỗ trợ giám sát đầu tư của cộng đồng được sử dụng từ nguồn ngân sách nhà nước theo kế hoạch hàng năm của Ủy ban Mặt trận Tổ quốc cấp xã, do ngân sách cấp xã đảm bảo.

3. Định mức chi phí giám sát, đánh giá đầu tư:

a) Chi phí cho công tác giám sát đầu tư do chủ chương trình, chủ đầu tư, nhà đầu tư, Cơ quan ký kết hợp đồng dự án đầu tư theo phương thức đối tác công tư tự thực hiện bằng 10% chi phí quản lý chương trình, dự án.

b) Chi phí cho công tác đánh giá đầu tư được tính bằng % chi phí quản lý chương trình, dự án theo quy định hiện hành như sau: Chi phí đánh giá ban đầu: 2%; Chi phí đánh giá giữa kỳ hoặc giai đoạn: 2%; Chi phí đánh giá kết thúc: 3%; Chi phí đánh giá tác động: 5%; Chi phí đánh giá đột xuất: 3%.

Trường hợp vận dụng định mức chi phí không phù hợp hoặc chương trình, dự án có quy mô lớn hoặc trường hợp cần phải thuê tư vấn nước ngoài thực hiện thì tổ chức lập dự toán để xác định chi phí.

4. Các cơ quan, tổ chức, cá nhân được giao nhiệm vụ giám sát, đánh giá đầu tư quy định tại Nghị định này sử dụng vốn ngân sách nhà nước hoặc các nguồn vốn đầu tư khác để thực hiện công tác giám sát, đánh giá đầu tư phải đảm bảo đúng mục đích, tiết kiệm, hiệu quả theo chế độ quản lý tài chính hiện hành của nhà nước và quy định tại Nghị định này.

Điều 53. Nội dung chi phí giám sát, đánh giá đầu tư

1. Chi cho công tác theo dõi chương trình, dự án đầu tư

a) Chi mua văn phòng phẩm, vật tư, trang thiết bị phục vụ trực tiếp cho công tác theo dõi chương trình, dự án đầu tư;

b) Chi phí cho thông tin, liên lạc phục vụ trực tiếp cho công tác theo dõi chương trình, dự án đầu tư;

c) Chi phí sao chụp, đánh máy, gửi tài liệu, gửi báo cáo;

d) Chi phí hành chính cho các cuộc họp, hội nghị;

đ) Chi phí xây dựng báo cáo định kỳ theo quy định;

e) Chi phí tổ chức các lớp tập huấn, hướng dẫn nghiệp vụ;

g) Chi phí cho việc lập, cập nhật báo cáo và vận hành Hệ thống thông tin về giám sát, đánh giá đầu tư chương trình, dự án sử dụng vốn nhà nước và Hệ thống thông tin quốc gia về đầu tư.

2. Chi cho công tác kiểm tra chương trình, dự án đầu tư

a) Chi mua văn phòng phẩm, vật tư, trang thiết bị phục vụ trực tiếp cho công tác kiểm tra chương trình, dự án đầu tư;

b) Chi phí cho thông tin, liên lạc phục vụ trực tiếp cho công tác kiểm tra chương trình, dự án đầu tư;

c) Chi phí sao chụp, đánh máy, gửi tài liệu, gửi báo cáo;

d) Chi phí hành chính cho các cuộc họp, hội nghị;

đ) Chi phí tàu xe đi lại và cước hành lý, tài liệu mang theo để làm việc (nếu có); tiền phụ cấp lưu trú, tiền thuê chỗ ở cho người đi công tác;

e) Chi phí xây dựng báo cáo kết quả kiểm tra.

3. Chi cho công tác đánh giá chương trình, dự án đầu tư

a) Chi mua văn phòng phẩm, vật tư, trang thiết bị phục vụ trực tiếp cho công tác đánh giá chương trình, dự án đầu tư;

b) Chi phí cho thông tin, liên lạc phục vụ trực tiếp cho công tác đánh giá chương trình, dự án đầu tư;

c) Chi phí sao chụp, đánh máy, gửi tài liệu, gửi báo cáo;

d) Chi phí hành chính cho các cuộc họp, hội nghị;

đ) Chi phí tàu xe đi lại và cước hành lý, tài liệu mang theo để làm việc (nếu có); tiền phụ cấp lưu trú, tiền thuê chỗ ở cho người đi công tác;

e) Chi phí xây dựng báo cáo kết quả đánh giá chương trình, dự án;

g) Chi phí thuê chuyên gia, tư vấn.

4. Chi cho công tác giám sát, đánh giá tổng thể đầu tư

a) Chi mua văn phòng phẩm, vật tư, trang thiết bị phục vụ trực tiếp cho công tác giám sát, đánh giá tổng thể đầu tư;

b) Chi phí cho thông tin, liên lạc phục vụ trực tiếp cho công tác giám sát, đánh giá tổng thể đầu tư;

c) Chi phí sao chụp, đánh máy, gửi tài liệu, gửi báo cáo;

d) Chi phí hành chính cho các cuộc họp, hội nghị;

đ) Chi phí tàu xe đi lại và cước hành lý, tài liệu mang theo để làm việc (nếu có); tiền phụ cấp lưu trú, tiền thuê chỗ ở cho người đi công tác;

e) Chi phí xây dựng báo cáo kết quả kiểm tra tổng thể đầu tư;

g) Chi phí xây dựng báo cáo kết quả giám sát, đánh giá tổng thể đầu tư;

h) Chi phí thuê chuyên gia, tư vấn.

5. Chi phí cho việc vận hành Hệ thống thông tin quốc gia về giám sát, đánh giá đầu tư theo quy định tại Điều 65 Nghị định này.

6. Chi phí hỗ trợ giám sát đầu tư của cộng đồng

a) Chi phí mua văn phòng phẩm; thông tin, liên lạc phục vụ giám sát đầu tư của cộng đồng;

b) Chi phí sao chụp, đánh máy, gửi tài liệu, gửi báo cáo giám sát đầu tư của cộng đồng;

c) Chi phí hành chính cho các cuộc họp, hội nghị về giám sát đầu tư của cộng đồng;

d) Chi phí tổ chức các lớp tập huấn, hướng dẫn về giám sát đầu tư của cộng đồng;

đ) Chi thù lao trách nhiệm cho các thành viên của Ban Giám sát đầu tư của cộng đồng.

Điều 54. Quản lý, sử dụng chi phí giám sát, đánh giá đầu tư

1. Việc quản lý, sử dụng chi phí giám sát, đánh giá đầu tư của chủ chương trình đầu tư công, chủ đầu tư dự án đầu tư công thực hiện theo quy định về quản lý chi phí chương trình, dự án đầu tư.

2. Quản lý, sử dụng chi phí giám sát, đánh giá đầu tư của người có thẩm quyền quyết định đầu tư, chủ đầu tư dự án sử dụng vốn nhà nước ngoài vốn đầu tư công và cơ quan quản lý nhà nước có thẩm quyền ký kết và thực hiện Hợp đồng dự án PPP thực hiện theo quy định tại Khoản 1 Điều này.

3. Quản lý, sử dụng chi phí giám sát, đánh giá đầu tư của nhà đầu tư các dự án sử dụng nguồn vốn khác: Nhà đầu tư tự quản lý và sử dụng nguồn kinh phí giám sát, đánh giá đầu tư theo tính chất quản lý nguồn vốn đầu tư của dự án.

4. Quản lý, sử dụng chi phí giám sát, đánh giá đầu tư của cơ quan quản lý nhà nước có thẩm quyền.

a) Hằng năm cơ quan quản lý nhà nước có thẩm quyền giám sát, đánh giá đầu tư lập kế hoạch và dự toán chi sự nghiệp, chi thường xuyên cho nhiệm vụ giám sát, đánh giá đầu tư. Dự toán chi cho nhiệm vụ giám sát, đánh giá đầu tư được lập trên cơ sở kế hoạch giám sát, đánh giá đầu tư, nội dung chi theo quy định tại Điều 53 Nghị định này và định mức theo quy định hiện hành;

b) Việc quản lý chi phí giám sát, đánh giá đầu tư thực hiện theo quy định về quản lý và sử dụng nguồn chi sự nghiệp, chi thường xuyên của cơ quan có thẩm quyền hoặc theo Luật Ngân sách nhà nước;

c) Trường hợp cơ quan quản lý nhà nước có thẩm quyền thuê tư vấn để

thực hiện đánh giá chương trình, dự án đầu tư thì việc quản lý chi phí này như quản lý chi phí dịch vụ tư vấn. Việc tạm ứng, thanh toán vốn cho tư vấn đánh giá chương trình, dự án được thực hiện theo quy định hiện hành về quản lý cấp phát, thanh toán vốn đầu tư đối với các tổ chức tư vấn đầu tư và xây dựng.

5. Quản lý, sử dụng chi phí hỗ trợ giám sát đầu tư của cộng đồng.

a) Chi phí hỗ trợ giám sát đầu tư của cộng đồng trên địa bàn cấp xã được cân đối trong dự toán chi của Ủy ban Mặt trận Tổ quốc Việt Nam cấp xã và do ngân sách cấp xã đảm bảo. Mức kinh phí hỗ trợ giám sát đầu tư của cộng đồng trên địa bàn xã bố trí phù hợp với kế hoạch hoạt động giám sát đầu tư của cộng đồng do Hội đồng nhân dân xã quyết định và đảm bảo mức kinh phí tối thiểu 05 triệu đồng/năm cho một xã.

Việc lập dự toán, cấp phát, thanh toán và quyết toán kinh phí cho Ban Giám sát đầu tư của cộng đồng thực hiện theo quy định về quản lý ngân sách cấp xã và các hoạt động tài chính khác của cấp xã.

b) Chi phí hỗ trợ công tác tuyên truyền, tổ chức các lớp tập huấn, hướng dẫn, sơ kết, tổng kết về giám sát đầu tư của cộng đồng ở cấp huyện, tỉnh được cân đối trong dự toán chi của Ủy ban Mặt trận Tổ quốc cấp huyện, cấp tỉnh và do ngân sách cấp huyện, cấp tỉnh đảm bảo.

6. Việc lập dự toán chi phí giám sát và đánh giá đầu tư và quản lý chi phí giám sát và đánh giá đầu tư thực hiện theo quy định hiện hành.

Chương IX

TỔ CHỨC THỰC HIỆN GIÁM SÁT VÀ ĐÁNH GIÁ ĐẦU TƯ

Điều 55. Trách nhiệm của Bộ Kế hoạch và Đầu tư trong công tác giám sát và đánh giá đầu tư

Bộ Kế hoạch và Đầu tư là cơ quan đầu mối giúp Thủ tướng Chính phủ tổ chức thực hiện giám sát, đánh giá đầu tư có trách nhiệm:

1. Hướng dẫn, theo dõi và tổng hợp báo cáo Thủ tướng Chính phủ về công tác giám sát, đánh giá đầu tư trong toàn quốc.

2. Tổ chức thực hiện giám sát, đánh giá tổng thể đầu tư trong phạm vi toàn quốc.

3. Tổng hợp công tác giám sát, đánh giá các chương trình, dự án do Thủ tướng Chính phủ, Chính phủ, Quốc hội quyết định chủ trương đầu tư.

4. Tổ chức thực hiện giám sát, đánh giá dự án đối với các dự án thuộc thẩm quyền quyết định của mình (kể cả các dự án phân cấp và ủy quyền cho cấp dưới quyết định đầu tư).

5. Kiến nghị với Thủ tướng Chính phủ hoặc với các Bộ, ngành, địa phương liên quan về các giải pháp nhằm khắc phục những vướng mắc trong hoạt động đầu tư của các ngành, các địa phương hoặc đối với các dự án cụ thể để đảm bảo tiến độ và hiệu quả đầu tư.

6. Xem xét, có ý kiến hoặc giải quyết các vấn đề thuộc chức năng, nhiệm vụ của Bộ khi có yêu cầu của các Bộ, ngành khác, địa phương và chủ đầu tư.

7. Hướng dẫn về công tác giám sát, đánh giá đầu tư đối với hoạt động đầu tư nước ngoài tại Việt Nam.

8. Thực hiện các nhiệm vụ khác liên quan đến giám sát và đánh giá đầu tư khi Chính phủ, Thủ tướng Chính phủ yêu cầu.

Điều 56. Trách nhiệm của các Bộ, cơ quan ngang Bộ, cơ quan thuộc chính phủ trong công tác giám sát và đánh giá đầu tư

1. Tổ chức thực hiện giám sát, đánh giá tổng thể đầu tư trong phạm vi ngành, lĩnh vực do mình quản lý.

2. Tổ chức thực hiện giám sát, đánh giá các dự án thuộc thẩm quyền quyết định của mình (kể cả các dự án phân cấp và ủy quyền cho cấp dưới quyết định đầu tư).

3. Tổ chức thực hiện giám sát, đánh giá dự án đầu tư của các doanh nghiệp nhà nước thuộc quyền quản lý

4. Tổ chức thực hiện giám sát, đánh giá các dự án đầu tư theo phương thức đối tác công tư do mình quản lý.

5. Tổ chức thực hiện giám sát, đánh giá chuyên ngành việc đáp ứng các điều kiện đầu tư kinh doanh đối với các dự án đầu tư thuộc thẩm quyền.

6. Tổ chức thực hiện giám sát, đánh giá các chương trình, dự án do Thủ tướng Chính phủ, Chính phủ, Quốc hội quyết định chủ trương đầu tư về các lĩnh vực thuộc phạm vi quản lý của mình.

7. Giải quyết các kiến nghị của các Bộ, ngành, địa phương và chủ đầu tư những vấn đề thuộc chức năng, nhiệm vụ của mình.

8. Có ý kiến hoặc giải quyết các vấn đề thuộc chức năng, nhiệm vụ của Bộ, ngành khi có yêu cầu của các Bộ, ngành khác, địa phương, chủ đầu tư và nhà đầu tư.

9. Báo cáo về công tác giám sát, đánh giá tổng thể đầu tư trong phạm vi ngành, lĩnh vực quản lý của mình và giám sát, đánh giá dự án đầu tư thuộc thẩm quyền quyết định của mình theo chế độ quy định.

10. Cập nhật đầy đủ, kịp thời, chính xác các thông tin báo cáo vào hệ

thông tin quy định tại Điều 65 Nghị định này.

Điều 57. Trách nhiệm của Ủy ban nhân dân các tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương trong công tác giám sát và đánh giá đầu tư

1. Tổ chức thực hiện giám sát, đánh giá tổng thể đầu tư trong phạm vi quản lý của địa phương.

2. Tổ chức thực hiện giám sát, đánh giá các dự án thuộc thẩm quyền quyết định của mình (kể cả các dự án phân cấp và ủy quyền cho cấp dưới quyết định đầu tư).

3. Tổ chức thực hiện giám sát, đánh giá dự án đầu tư của các doanh nghiệp nhà nước thuộc quyền quản lý.

4. Tổ chức thực hiện giám sát, đánh giá các dự án do mình cấp Giấy chứng nhận đăng ký đầu tư.

5. Tổ chức thực hiện giám sát, đánh giá các dự án đầu tư theo phương thức đối tác công tư trên địa bàn.

6. Giám sát việc thực hiện theo quy hoạch và kế hoạch sử dụng đất đai, đảm bảo môi trường của các dự án trên địa bàn của tỉnh, thành phố; có ý kiến hoặc giải quyết kịp thời các vấn đề về giải phóng mặt bằng, sử dụng đất thuộc chức năng, nhiệm vụ của mình khi có yêu cầu của các Bộ, ngành và chủ đầu tư.

7. Kiến nghị Thủ tướng Chính phủ hoặc các Bộ, ngành về những vấn đề liên quan đến hoạt động đầu tư chung của địa phương và liên quan đến các dự án thuộc thẩm quyền quản lý của mình để giải quyết kịp thời những khó khăn, vướng mắc đảm bảo tiến độ và hiệu quả đầu tư.

8. Báo cáo về công tác giám sát, đánh giá tổng thể đầu tư trong phạm vi quản lý của mình và giám sát, đánh giá dự án đầu tư thuộc thẩm quyền quyết định của mình theo chế độ quy định.

9. Cập nhật đầy đủ, kịp thời, chính xác các thông tin báo cáo vào hệ thống thông tin quy định tại Điều 65 Nghị định này.

Điều 58. Trách nhiệm của cơ quan đăng ký đầu tư trong công tác giám sát và đánh giá đầu tư

1. Tổ chức thực hiện giám sát, đánh giá tổng thể đầu tư và giám sát, đánh giá dự án đầu tư thuộc phạm vi quản lý.

2. Báo cáo về công tác giám sát, đánh giá tổng thể đầu tư và giám sát, đánh giá dự án đầu tư thuộc thẩm quyền quản lý theo quy định.

3. Cập nhật đầy đủ, kịp thời, chính xác các thông tin báo cáo vào hệ thống thông tin quy định tại Điều 65 Nghị định này.

Điều 59. Trách nhiệm của doanh nghiệp Nhà nước trong công tác giám sát và đánh giá đầu tư

1. Tổ chức giám sát, đánh giá tổng thể đầu tư trong phạm vi quản lý của doanh nghiệp.
2. Tổ chức thực hiện giám sát, đánh giá các dự án do mình quyết định đầu tư hoặc thuộc quyền quản lý.
3. Báo cáo về công tác giám sát, đánh giá tổng thể đầu tư và giám sát, đánh giá dự án đầu tư thuộc thẩm quyền quản lý theo chế độ quy định.
4. Cập nhật đầy đủ, kịp thời, chính xác các thông tin báo cáo vào hệ thống thông tin quy định tại Điều 65 Nghị định này.

Điều 60. Trách nhiệm của chủ chương trình, chủ đầu tư, chủ sử dụng, nhà đầu tư trong giám sát và đánh giá chương trình, dự án đầu tư

1. Chủ chương trình đầu tư công, chủ đầu tư, chủ sử dụng dự án đầu tư công và chủ đầu tư các dự án đầu tư sử dụng vốn nhà nước ngoài vốn đầu tư công có trách nhiệm:
 - a) Tổ chức thực hiện giám sát, đánh giá chương trình, dự án theo quy định tại Nghị định này;
 - b) Xây dựng khung giám sát, đánh giá dự án trước khi khởi công dự án;
 - c) Thiết lập hệ thống thông tin nội bộ, thu thập và lưu trữ đầy đủ thông tin, dữ liệu, hồ sơ, tài liệu, sổ sách, chứng từ của dự án, báo cáo của các nhà thầu, những thay đổi về chính sách, luật pháp của Nhà nước, các quy định của nhà tài trợ liên quan đến việc quản lý thực hiện dự án (nếu dự án có sử dụng nguồn vốn ODA);
 - d) Báo cáo kịp thời cơ quan quản lý cấp trên xử lý các vướng mắc, phát sinh vượt thẩm quyền;
 - đ) Lập báo cáo giám sát và đánh giá dự án theo quy định;
 - e) Cập nhật đầy đủ, kịp thời, chính xác các thông tin báo cáo vào hệ thống thông tin quy định tại Điều 65 Nghị định này;
 - g) Chịu trách nhiệm về nội dung báo cáo và chịu trách nhiệm theo quy định của pháp luật do báo cáo, cung cấp thông tin không chính xác về tình hình thực hiện đầu tư trong phạm vi quản lý.
2. Nhà đầu tư có trách nhiệm
 - a) Tổ chức thực hiện giám sát, đánh giá dự án theo quy định tại Nghị định này;

b) Thiết lập hệ thống thông tin nội bộ, thu thập và lưu trữ đầy đủ thông tin, dữ liệu, hồ sơ, tài liệu, sổ sách, chứng từ của dự án, báo cáo của các nhà thầu liên quan đến việc quản lý thực hiện dự án;

c) Báo cáo kịp thời cơ quan quản lý xử lý các vướng mắc, phát sinh vượt thẩm quyền;

d) Lập báo cáo giám sát và đánh giá dự án theo quy định;

đ) Cập nhật đầy đủ, kịp thời, chính xác các thông tin báo cáo vào hệ thống thông tin quy định tại Điều 65 Nghị định này;

e) Chịu trách nhiệm về nội dung báo cáo và chịu trách nhiệm theo quy định của pháp luật do báo cáo, cung cấp thông tin không chính xác về tình hình thực hiện đầu tư trong phạm vi quản lý.

Điều 61. Tổ chức thực hiện giám sát và đánh giá đầu tư

1. Các Bộ, ngành phân công một đơn vị trực thuộc (cấp Vụ) làm đầu mối thực hiện các nhiệm vụ về giám sát, đánh giá đầu tư của Bộ, ngành mình; hướng dẫn thực hiện giám sát, đánh giá đầu tư đối với các đơn vị khác trực thuộc, các dự án được Bộ, ngành phân cấp hoặc ủy quyền cho cấp dưới.

2. Các tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương giao Sở Kế hoạch và Đầu tư làm đầu mối thực hiện các nhiệm vụ về giám sát, đánh giá đầu tư của tỉnh, thành phố; hướng dẫn thực hiện giám sát, đánh giá đầu tư đối với các cấp, đơn vị trực thuộc, các dự án được Ủy ban nhân dân tỉnh, thành phố phân cấp hoặc ủy quyền cho cấp dưới.

3. Các doanh nghiệp nhà nước giao bộ phận phụ trách kế hoạch đầu tư làm đầu mối thực hiện các nhiệm vụ về giám sát, đánh giá đầu tư của doanh nghiệp; hướng dẫn thực hiện giám sát, đánh giá đầu tư đối với các đơn vị trực thuộc.

4. Chủ chương trình, chủ đầu tư, chủ sử dụng giao Ban quản lý dự án hoặc chỉ định bộ phận chịu trách nhiệm thường xuyên thực hiện các nhiệm vụ về giám sát, đánh giá đầu tư đối với các dự án thuộc phạm vi quản lý.

5. Nhà đầu tư sử dụng doanh nghiệp dự án hoặc chỉ định bộ phận chịu trách nhiệm thường xuyên thực hiện các nhiệm vụ về giám sát, đánh giá đầu tư đối với dự án thuộc phạm vi quản lý.

6. Trường hợp một cơ quan thực hiện đồng thời vai trò của hai chủ thể trở lên trong các chủ thể sau: Cơ quan quản lý nhà nước về đầu tư công, cơ quan quản lý nhà nước về đầu tư, cơ quan quản lý nhà nước chuyên ngành, cơ quan chủ quản, cơ quan đại diện chủ sở hữu nhà nước, cơ quan đăng ký đầu tư, người có thẩm quyền quyết định đầu tư, cơ quan nhà nước có thẩm quyền ký kết hợp

đồng, chủ chương trình, chủ đầu tư, chủ sử dụng; việc giám sát, đánh giá đầu tư được thực hiện như sau:

a) Đơn vị đầu mối thực hiện tất cả các nhiệm vụ giám sát, đánh giá đầu tư của cơ quan. Riêng nhiệm vụ giám sát, đánh giá đầu tư với vai trò là chủ chương trình, chủ đầu tư hoặc chủ sử dụng phải giao cho đơn vị đại diện chủ chương trình, chủ đầu tư, chủ sử dụng thực hiện;

b) Nội dung giám sát, đánh giá đầu tư được thực hiện trên cơ sở lồng ghép các nội dung giám sát, đánh giá đầu tư của các chủ thể được phân công.

7. Các đơn vị quy định từ Khoản 1 đến Khoản 6 Điều này thực hiện giám sát, đánh giá đầu tư theo các hình thức sau:

a) Tự thực hiện giám sát, đánh giá chương trình, dự án đầu tư và giám sát, đánh giá tổng thể đầu tư;

b) Thuê chuyên gia, tổ chức tư vấn để thực hiện đánh giá chương trình, dự án đầu tư và đánh giá tổng thể đầu tư.

8. Người có thẩm quyền quyết định đầu tư dự án quyết định việc chủ đầu tư được thuê chuyên gia, tổ chức tư vấn có đủ điều kiện năng lực để đánh giá dự án đầu tư.

9. Việc thuê chuyên gia, tổ chức tư vấn để thực hiện đánh giá chương trình, dự án đầu tư và đánh giá tổng thể đầu tư thực hiện theo quy định của pháp luật về đấu thầu.

Điều 62. Nhiệm vụ và quyền hạn của cơ quan, đơn vị thực hiện giám sát, đánh giá đầu tư

1. Các cơ quan, đơn vị được giao nhiệm vụ thực hiện giám sát, đánh giá đầu tư có chức năng giúp các Bộ, ngành, Ủy ban nhân dân các cấp, các doanh nghiệp và nhà đầu tư thực hiện công tác giám sát, đánh giá đầu tư có nhiệm vụ cụ thể sau:

a) Có kế hoạch theo dõi, kiểm tra, đánh giá đầu tư và tổ chức thực hiện các công việc theo dõi, kiểm tra, đánh giá đầu tư trong phạm vi trách nhiệm được giao;

b) Phân công cụ thể bộ phận, cán bộ chịu trách nhiệm theo dõi, kiểm tra, đánh giá chương trình, dự án đầu tư và theo dõi, kiểm tra, đánh giá tổng thể đầu tư;

c) Tổ chức hệ thống cung cấp và lưu trữ thông tin về tình hình đầu tư trong phạm vi của Bộ, ngành, địa phương, doanh nghiệp hoặc các dự án (đối với các chủ đầu tư) do mình quản lý;

d) Thu thập các báo cáo, thông tin liên quan phục vụ theo dõi, kiểm tra, đánh giá đầu tư theo từng đối tượng quy định;

đ) Thực hiện xem xét, phân tích các thông tin, báo cáo, lập Báo cáo giám sát, đánh giá đầu tư phù hợp với nội dung và yêu cầu quy định trình các cấp có thẩm quyền xem xét.

2. Cơ quan, đơn vị thực hiện giám sát, đánh giá đầu tư có các quyền hạn sau:

a) Yêu cầu các cơ quan, đơn vị thực hiện giám sát, đánh giá đầu tư ở các cấp liên quan báo cáo theo chế độ quy định, cung cấp các thông tin, tài liệu bổ sung liên quan đến nội dung giám sát, đánh giá đầu tư nếu cần thiết;

b) Trường hợp cần thiết có thể trao đổi trực tiếp qua điện thoại hoặc tại hiện trường với các cơ quan, đơn vị thực hiện giám sát, đánh giá đầu tư ở các cấp liên quan, chủ đầu tư, nhà đầu tư để làm rõ các nội dung liên quan đến việc theo dõi, kiểm tra, đánh giá. Khi làm việc trực tiếp tại hiện trường phải có kế hoạch, nội dung làm việc cụ thể và phải thông báo trước với các cơ quan, đơn vị liên quan;

c) Kiến nghị cấp có thẩm quyền việc điều chỉnh dự án khi cần thiết hoặc hủy bỏ quyết định đầu tư, đình chỉ, tạm dừng thực hiện các dự án đầu tư nếu trong quá trình giám sát, đánh giá đầu tư phát hiện có những sai phạm nghiêm trọng. Báo cáo cấp có thẩm quyền về việc vi phạm các quy định về giám sát, đánh giá đầu tư của chủ đầu tư, nhà đầu tư, cơ quan, đơn vị liên quan và kiến nghị các biện pháp xử lý theo mức độ vi phạm.

3. Cơ quan, đơn vị thực hiện giám sát, đánh giá đầu tư có trách nhiệm đào tạo, bồi dưỡng để bảo đảm năng lực thực hiện nhiệm vụ và quyền hạn được giao ở cơ quan, đơn vị mình.

Điều 63. Cách thức, trình tự thực hiện giám sát, đánh giá đầu tư

1. Việc theo dõi chương trình, dự án đầu tư và theo dõi tổng thể đầu tư được thực hiện thông qua các cách thức sau:

a) Theo dõi thường xuyên tại hiện trường;

b) Theo dõi thông qua báo cáo định kỳ và báo cáo đột xuất theo yêu cầu;

c) Theo dõi thông qua báo cáo kết hợp với theo dõi định kỳ hoặc đột xuất tại hiện trường.

2. Chủ chương trình, chủ đầu tư, nhà đầu tư thực hiện theo dõi thường xuyên tình hình thực hiện chương trình, dự án đầu tư và chịu trách nhiệm về tính chính xác, kịp thời của các thông tin báo cáo.

3. Người có thẩm quyền quyết định đầu tư và cơ quan quản lý nhà nước có thẩm quyền thực hiện theo dõi chương trình, dự án đầu tư và theo dõi tổng thể đầu tư trên cơ sở tổng hợp, phân tích, đánh giá thông tin báo cáo của chủ chương trình, chủ đầu tư, nhà đầu tư và các cơ quan, đơn vị liên quan.

Trường hợp cần thiết có thể thành lập Đoàn giám sát làm việc trực tiếp tại hiện trường để làm rõ về các thông tin liên quan.

4. Việc kiểm tra, đánh giá chương trình, dự án đầu tư và kiểm tra, đánh giá tổng thể đầu tư được tiến hành thông qua các cách thức sau:

- a) Thông qua báo cáo;
- b) Thành lập Đoàn kiểm tra, Đoàn đánh giá.

5. Trình tự theo dõi chương trình, dự án đầu tư.

a) Xây dựng và điều chỉnh khung giám sát, đánh giá của chương trình, dự án;

b) Xác định nhu cầu thông tin và chỉ số theo dõi;

c) Xây dựng kế hoạch theo dõi;

d) Xây dựng cơ cấu tổ chức hỗ trợ công tác theo dõi;

đ) Chuẩn bị các công cụ và hệ thống công nghệ thông tin hỗ trợ việc theo dõi chương trình, dự án;

e) Thu thập và phân tích dữ liệu;

g) Báo cáo kết quả theo dõi theo chế độ quy định.

6. Trình tự kiểm tra chương trình, dự án đầu tư

a) Lập và trình duyệt Kế hoạch kiểm tra;

b) Thành lập Đoàn kiểm tra (nếu có);

c) Thông báo Kế hoạch kiểm tra và yêu cầu chuẩn bị tài liệu phục vụ kiểm tra. Thời gian chuẩn bị tài liệu của đối tượng kiểm tra tối thiểu là 20 ngày kể từ ngày nhận được văn bản yêu cầu chuẩn bị tài liệu;

d) Tiến hành cuộc kiểm tra. Thời gian thực hiện kiểm tra tại hiện trường của Đoàn kiểm tra tối đa là 20 ngày;

đ) Tổng hợp, báo cáo kết quả kiểm tra. Thời gian tổng hợp, báo cáo kết quả kiểm tra tối đa là 20 ngày;

e) Thông báo kết quả kiểm tra và kết thúc kiểm tra. Thời gian thực hiện tối đa là 10 ngày kể từ ngày nhận được báo cáo của Đoàn kiểm tra.

7. Trình tự thực hiện đánh giá chương trình, dự án đầu tư

- a) Lập và trình duyệt Kế hoạch đánh giá;
- b) Thành lập Đoàn đánh giá (nếu có);
- c) Thông báo Kế hoạch đánh giá và yêu cầu chuẩn bị tài liệu phục vụ đánh giá;
- d) Mô tả tóm tắt bản chất chương trình, dự án được đánh giá (xây dựng và điều chỉnh khung đánh giá của chương trình, dự án);
- đ) Chuẩn bị kế hoạch đánh giá chi tiết;
- e) Thu thập và phân tích dữ liệu;
- g) Báo cáo các kết quả đánh giá;
- h) Thông báo kết quả đánh giá.

8. Trình tự thực hiện theo dõi tổng thể đầu tư

- a) Xác định nhu cầu thông tin và chỉ số theo dõi;
- b) Xây dựng kế hoạch theo dõi;
- c) Xây dựng cơ cấu tổ chức hỗ trợ công tác theo dõi;
- d) Chuẩn bị các công cụ và hệ thống công nghệ thông tin hỗ trợ việc theo dõi tổng thể đầu tư;
- đ) Thu thập và phân tích dữ liệu;
- e) Báo cáo kết quả theo dõi theo chế độ quy định.

9. Trình tự thực hiện kiểm tra tổng thể đầu tư

- a) Lập và trình duyệt Kế hoạch kiểm tra;
- b) Thành lập Đoàn kiểm tra (nếu có);
- c) Thông báo Kế hoạch kiểm tra và yêu cầu chuẩn bị tài liệu phục vụ kiểm tra. Thời gian chuẩn bị tài liệu của đối tượng kiểm tra tối thiểu là 30 ngày kể từ ngày nhận được văn bản yêu cầu chuẩn bị tài liệu;
- d) Tiến hành cuộc kiểm tra. Thời gian thực hiện kiểm tra tại hiện trường của Đoàn kiểm tra tối đa là 30 ngày;
- đ) Tổng hợp, báo cáo kết quả kiểm tra. Thời gian tổng hợp, báo cáo kết quả kiểm tra tối đa là 30 ngày;
- e) Thông báo kết quả kiểm tra và kết thúc kiểm tra. Thời gian thực hiện tối đa là 10 ngày kể từ ngày nhận được báo cáo của Đoàn kiểm tra.

10. Trình tự thực hiện đánh giá tổng thể đầu tư

- a) Xác định mục tiêu, phạm vi, nội dung đánh giá;

- b) Lập và trình duyệt Kế hoạch đánh giá;
- c) Thành lập Đoàn đánh giá (nếu có);
- d) Thông báo Kế hoạch đánh giá và yêu cầu chuẩn bị tài liệu phục vụ đánh giá;
- đ) Thu thập và phân tích dữ liệu;
- e) Báo cáo các kết quả đánh giá;
- g) Thông báo kết quả đánh giá.

Điều 64. Báo cáo về giám sát, đánh giá đầu tư

1. Bộ Kế hoạch và Đầu tư tổng hợp báo cáo Thủ tướng Chính phủ về giám sát, đánh giá tổng thể đầu tư hằng năm, trong đó bao gồm nội dung báo cáo tổng hợp giám sát, đánh giá dự án quan trọng quốc gia, dự án nhóm A trong phạm vi toàn quốc.

2. Các Bộ, ngành, địa phương, Tập đoàn kinh tế nhà nước và Tổng công ty Đầu tư kinh doanh vốn nhà nước lập và gửi Bộ Kế hoạch và Đầu tư các loại báo cáo sau:

- a) Báo cáo giám sát, đánh giá tổng thể đầu tư hằng năm;
- b) Báo cáo giám sát, đánh giá tổng thể hoạt động đầu tư ra nước ngoài hằng năm.

3. Cơ quan đăng ký đầu tư lập và gửi Ủy ban nhân dân cấp tỉnh Báo cáo giám sát, đánh giá đầu tư hằng năm.

4. Cơ quan được giao lập Báo cáo đề xuất chủ trương đầu tư hoặc báo cáo nghiên cứu tiền khả thi chương trình, dự án đầu tư công lập và gửi người hoặc cơ quan có thẩm quyền quyết định chủ trương đầu tư, cơ quan chủ quản và đơn vị đầu mối thực hiện giám sát, đánh giá đầu tư Báo cáo giám sát, đánh giá đầu tư hằng năm;

5. Cơ quan được giao lập Báo cáo nghiên cứu khả thi chương trình, dự án đầu tư công lập và gửi người có thẩm quyền quyết định đầu tư, cơ quan chủ quản và đơn vị đầu mối thực hiện giám sát, đánh giá đầu tư Báo cáo giám sát, đánh giá đầu tư hằng năm;

6. Chủ chương trình, chủ đầu tư các chương trình, dự án đầu tư công lập và gửi người có thẩm quyền quyết định đầu tư, cơ quan chủ quản và đơn vị đầu mối thực hiện giám sát, đánh giá đầu tư các loại báo cáo sau:

- a) Báo cáo giám sát, đánh giá định kỳ: 6 tháng và cả năm;
- b) Báo cáo giám sát, đánh giá trước khi điều chỉnh chương trình, dự án;

- c) Báo cáo giám sát, đánh giá kết thúc chương trình, dự án;
- d) Báo cáo đánh giá chương trình, dự án đầu tư do mình tổ chức thực hiện;
- đ) Báo cáo tổng hợp công tác giám sát, đánh giá hằng năm các chương trình, dự án đầu tư do mình quản lý.

7. Chủ sử dụng dự án đầu tư công lập và gửi người có thẩm quyền quyết định đầu tư, cơ quan đầu mối thực hiện giám sát, đánh giá đầu tư các loại báo cáo sau:

- a) Báo cáo giám sát, đánh giá tình hình khai thác, vận hành dự án hằng năm trong thời gian từ khi đưa dự án vào khai thác, vận hành đến khi có Báo cáo đánh giá tác động dự án;
- b) Báo cáo đánh giá tác động dự án.

8. Chủ đầu tư các dự án sử dụng vốn đầu tư của Nhà nước ngoài vốn đầu tư công lập và gửi cơ quan chủ quản, người có thẩm quyền quyết định đầu tư và đơn vị đầu mối thực hiện công tác giám sát, đánh giá đầu tư các loại báo cáo sau:

- a) Báo cáo giám sát, đánh giá định kỳ: 6 tháng và cả năm;
- b) Báo cáo giám sát, đánh giá trước khi điều chỉnh dự án;
- c) Báo cáo đánh giá dự án đầu tư do mình tổ chức thực hiện;
- d) Báo cáo tổng hợp công tác giám sát, đánh giá hằng năm các chương trình, dự án đầu tư do mình quản lý;

9. Nhà đầu tư thực hiện dự án theo phương thức đối tác công tư lập và gửi Cơ quan có thẩm quyền và cơ quan quản lý nhà nước về đầu tư theo phương thức đối tác công tư các loại báo cáo sau:

- a) Báo cáo giám sát, đánh giá định kỳ: 6 tháng và cả năm;
- b) Báo cáo giám sát, đánh giá trước khi điều chỉnh dự án;
- c) Báo cáo đánh giá dự án đầu tư do mình tổ chức thực hiện.

10. Nhà đầu tư các dự án sử dụng nguồn vốn khác lập và gửi cơ quan đăng ký đầu tư và cơ quan đầu mối thực hiện công tác giám sát, đánh giá đầu tư của địa phương nơi thực hiện dự án đầu tư các loại báo cáo sau:

- a) Báo cáo giám sát, đánh giá định kỳ: 6 tháng và cả năm;
- b) Báo cáo giám sát, đánh giá trước khi điều chỉnh Dự án;
- c) Báo cáo đánh giá kết thúc (nếu có);

11. Nhà đầu tư các dự án đầu tư ra nước ngoài lập và gửi Bộ Kế hoạch và Đầu tư, Ngân hàng Nhà nước Việt Nam, Bộ Tài chính, cơ quan đại diện chủ sở hữu nhà nước, Ủy ban nhân dân cấp tỉnh, Sở Kế hoạch và Đầu tư nơi nhà đầu tư đặt trụ sở chính và cơ quan đại diện Việt Nam tại nước tiếp nhận đầu tư các loại báo cáo sau:

- a) Báo cáo giám sát, đánh giá định kỳ: 6 tháng và cả năm;
- b) Báo cáo giám sát, đánh giá trước khi điều chỉnh dự án (đối với trường hợp điều chỉnh dự án dẫn đến phải điều chỉnh Giấy chứng nhận đăng ký đầu tư);
- c) Báo cáo đánh giá kết thúc.

12. Chế độ báo cáo giám sát đầu tư của cộng đồng

a) Ban Giám sát đầu tư của cộng đồng định kỳ hằng quý báo cáo Ủy ban Mặt trận Tổ quốc Việt Nam cấp xã về tình hình thực hiện giám sát đầu tư của cộng đồng đối với chương trình, dự án trên địa bàn. Trường hợp phát hiện các vấn đề vi phạm hoặc có các kiến nghị khác về các chương trình, dự án trong quá trình giám sát đầu tư của cộng đồng, Ban Giám sát đầu tư của cộng đồng tổng hợp trình Ủy ban Mặt trận Tổ quốc Việt Nam cấp xã để gửi kiến nghị tới các cơ quan liên quan;

b) Ủy ban Mặt trận Tổ quốc Việt Nam cấp xã định kỳ hằng năm tổng hợp kết quả giám sát đầu tư của cộng đồng trên địa bàn xã gửi Hội đồng nhân dân, Ủy ban nhân dân cấp xã, Ủy ban Mặt trận Tổ quốc Việt Nam cấp huyện, cấp tỉnh;

c) Ủy ban Mặt trận Tổ quốc Việt Nam cấp tỉnh định kỳ hằng năm tổng hợp, lập báo cáo kết quả giám sát đầu tư của cộng đồng tại địa phương, gửi Sở Kế hoạch và Đầu tư, Hội đồng nhân dân, Ủy ban nhân dân cấp tỉnh.

13. Thời hạn báo cáo giám sát, đánh giá đầu tư

- a) Chủ chương trình, chủ đầu tư và nhà đầu tư:
 - Gửi báo cáo 6 tháng trước ngày 10 tháng 7 của năm báo cáo;
 - Gửi báo cáo hằng năm trước ngày 10 tháng 02 năm sau;
 - Gửi báo cáo trước khi trình điều chỉnh chương trình, dự án;
- b) Cơ quan đăng ký đầu tư: Gửi báo cáo năm trước ngày 20 tháng 02 năm sau.
- c) Các Bộ, ngành, địa phương, Tập đoàn kinh tế nhà nước và Tổng công ty Đầu tư kinh doanh vốn nhà nước: Gửi báo cáo năm trước ngày 01 tháng 3 năm sau.

d) Thời hạn báo cáo giám sát đầu tư của cộng đồng:

- Ban Giám sát đầu tư của cộng đồng gửi báo cáo trước ngày 10 của tháng đầu quý tiếp theo;

- Ủy ban Mặt trận Tổ quốc Việt Nam cấp xã gửi báo cáo hằng năm trước ngày 10 tháng 2 năm sau;

- Ủy ban Mặt trận Tổ quốc Việt Nam cấp tỉnh gửi báo cáo hằng năm trước ngày 20 tháng 2 năm sau.

đ) Bộ Kế hoạch và Đầu tư báo cáo Thủ tướng Chính phủ về Tổng hợp công tác giám sát, đánh giá đầu tư năm trước ngày 31 tháng 3 năm sau.

14. Nội dung báo cáo thực hiện theo quy định tương ứng tại Chương II, III, IV, V, VI và VII Nghị định này.

15. Mẫu báo cáo giám sát, đánh giá đầu tư theo quy định của Bộ Kế hoạch và Đầu tư.

Điều 65. Hệ thống thông tin về giám sát đầu tư quốc gia

1. “Hệ thống thông tin về giám sát đầu tư quốc gia” (sau đây gọi tắt là Hệ thống) là hệ thống được triển khai trên toàn quốc, tập trung tại Bộ Kế hoạch và Đầu tư để cập nhật, lưu trữ thông tin, giám sát, đánh giá, phân tích, công khai thông tin theo quy định về các chương trình, dự án đầu tư sử dụng vốn nhà nước trên toàn quốc. Hệ thống bao gồm các thành phần:

a) Cổng thông tin quốc gia về giám sát, đánh giá đầu tư;

b) Hệ thống thông tin về giám sát đầu tư quốc gia;

d) Hệ thống hạ tầng kỹ thuật.

2. Các quy định sử dụng chung:

a) Việc theo dõi, giám sát, đánh giá các dự án đầu tư sử dụng vốn nhà nước phải thực hiện trên Hệ thống; báo cáo trên Hệ thống sẽ thay thế cho báo cáo bằng văn bản giấy.

b) Với báo cáo giám sát tổng thể đầu tư trên toàn quốc hằng năm, Bộ Kế hoạch và Đầu tư chỉ tổng hợp trên số liệu các cơ quan báo cáo trên Hệ thống;

c) Việc cập nhật dữ liệu báo cáo phải bảo đảm đầy đủ, chính xác và kịp thời. Các cơ quan, tổ chức, cá nhân chịu trách nhiệm về tính chính xác của số liệu do cơ quan báo cáo, cập nhật trên Hệ thống;

d) Tổ chức, cá nhân sử dụng Hệ thống phải sử dụng chữ ký số chuyên dùng Chính phủ trong việc ký gửi báo cáo trên Hệ thống;

đ) Biểu mẫu thực hiện chế độ báo cáo giám sát, đánh giá đầu tư được điện

từ hóa trên Hệ thống và các biểu mẫu này được Bộ Kế hoạch và Đầu tư xây dựng và công khai tại Cổng thông tin quốc gia về giám sát, đánh giá đầu tư;

e) Quy định tại Điều này không áp dụng đối với các dự án có yêu cầu bí mật Nhà nước.

3. Quy định về tài khoản sử dụng Hệ thống:

a) Tài khoản sử dụng được quản lý tập trung trên Hệ thống do Bộ Kế hoạch và Đầu tư xây dựng;

b) Tổ chức, cá nhân tham gia hoặc có liên quan đến hoạt động theo dõi, giám sát, đánh giá đầu tư được đăng ký tài khoản sử dụng Hệ thống. Bộ Kế hoạch và Đầu tư thực hiện cấp tài khoản dựa trên thông tin đăng ký và chức năng, nhiệm vụ của tổ chức, cá nhân tham gia Hệ thống;

c) Việc đăng ký tài khoản được thực hiện trực tuyến trên Hệ thống tại địa chỉ <https://taikhoan.mpi.gov.vn>. Thông tin bắt buộc phải cập nhật khi đăng ký tài khoản bao gồm:

- Thông tin của người được giao quản lý sử dụng tài khoản: Họ và tên; số chứng minh nhân dân/số thẻ căn cước công dân; số điện thoại di động; thư điện tử;

- Thông tin của cơ quan sử dụng tài khoản: Tên cơ quan; thông tin của người đứng đầu cơ quan: Họ và tên, số chứng minh nhân dân/số thẻ căn cước công dân, số điện thoại di động, thư điện tử; bản chụp quyết định thành lập cơ quan;

d) Tài khoản chính của bộ, cơ quan trung ương và địa phương được sử dụng để xác thực thông tin đăng ký tài khoản của các cơ quan quản lý, chủ đầu tư, ban quản lý dự án thuộc cơ quan mình;

đ) Người sử dụng phải đổi mật khẩu ban đầu trong vòng 01 ngày kể từ khi nhận được tài khoản. Không tiết lộ mật khẩu cho người khác không có trách nhiệm cập nhật trên Hệ thống. Trường hợp thay đổi người sử dụng tài khoản, người tiếp nhận bàn giao tài khoản phải đổi lại mật khẩu và thay đổi thông tin người quản lý, sử dụng tài khoản trên Hệ thống.

4. Quy định về cập nhật thông tin, báo cáo của chủ đầu tư, chủ dự án thành phần:

a) Khi chương trình, dự án được phê duyệt đầu tư: Cập nhật thông tin chương trình, dự án theo Quyết định chủ trương đầu tư, Quyết định đầu tư vào Hệ thống trong vòng 07 ngày làm việc kể từ ngày được quyết định/chấp thuận chủ trương đầu tư, Quyết định đầu tư.

b) Trong quá trình thực hiện dự án:

Các thông tin sau phải cập nhật chậm nhất là 07 ngày làm việc kể từ khi có điều chỉnh hoặc phát sinh:

- Phê duyệt điều chỉnh dự án;
- Phê duyệt, điều chỉnh thiết kế kỹ thuật hoặc thiết kế bản vẽ thi công và dự toán;
- Phê duyệt, điều chỉnh kế hoạch, kết quả lựa chọn nhà thầu;
- Hợp đồng, điều chỉnh hợp đồng;
- Kế hoạch vốn được cấp;
- Giá trị nghiệm thu, giá trị giải ngân;
- Thông tin về đánh giá, kiểm tra;
- Các báo cáo giám sát, đánh giá dự án.

Các thông tin phải cập nhật định kỳ hằng tháng (nếu có phát sinh):

- Thông tin hình ảnh hoặc phim về hiện trạng thi công tại hiện trường đối với các dự án có cấu phần xây dựng.

Các văn bản phải đính kèm bản quét màu văn bản gốc hoặc văn bản điện tử có chữ ký số chuyên dùng lên Hệ thống thông tin nghiệp vụ bao gồm:

- Quyết định/Chấp thuận chủ trương đầu tư, Quyết định điều chỉnh chủ trương đầu tư (nếu có);
- Quyết định đầu tư, Quyết định đầu tư điều chỉnh (nếu có);
- Quyết định phê duyệt thiết kế kỹ thuật hoặc thiết kế bản vẽ thi công, dự toán; Quyết định điều chỉnh thiết kế kỹ thuật hoặc thiết kế bản vẽ thi công, dự toán (nếu có);
- Quyết định phê duyệt Kế hoạch lựa chọn nhà thầu, Quyết định phê duyệt điều chỉnh Kế hoạch lựa chọn nhà thầu (nếu có);
- Báo cáo kết quả đánh giá;
- Báo cáo kết quả kiểm tra.

c) Các thông tin phải cập nhật định kỳ hằng tháng:

- Tình hình giải ngân vốn đầu tư;
- Thông tin hình ảnh hoặc phim về hiện trạng thi công tại hiện trường đối với các dự án có cấu phần xây dựng.

d) Định kỳ hằng quý tổng hợp thông tin trên Hệ thống và lập báo cáo

giám sát, đánh giá thực hiện đầu tư của chủ đầu tư, chủ dự án thành phần và gửi cơ quan có thẩm quyền trên Hệ thống.

đ) Định kỳ hằng năm báo cáo số liệu giám sát, đánh giá tổng thể đầu tư trên Hệ thống.

e) Khi kết thúc chương trình, dự án: thực hiện cập nhật thông tin quyết toán dự án theo Quyết định phê duyệt quyết toán trong vòng 07 ngày làm việc kể từ ngày được phê duyệt quyết toán.

5. Quy định về báo cáo của các cơ quan quản lý nhà nước:

a) Triển khai, đôn đốc, hướng dẫn các chủ đầu tư, chủ dự án thành phần trong phạm vi quản lý cập nhật thông tin trên Hệ thống theo quy định tại Khoản 4 điều này;

b) Định kỳ hằng năm báo cáo giám sát, đánh giá tổng thể đầu tư trên Hệ thống.

6. Chi phí cho việc lập, cập nhật báo cáo và vận hành Hệ thống:

a) Chi phí cho việc lập, cập nhật báo cáo và vận hành Hệ thống nằm trong tổng mức đầu tư của dự án và thuộc chi phí giám sát, đánh giá đầu tư của dự án và được xác định theo định mức;

b) Bộ Tài chính có trách nhiệm hướng dẫn lập dự toán, quản lý kinh phí lập, cập nhật báo cáo và vận hành Hệ thống.

7. Quy định về xây dựng, triển khai Hệ thống:

a) Bộ Kế hoạch và Đầu tư có trách nhiệm xây dựng và quản lý vận hành hệ thống, thống nhất trên toàn quốc về công tác giám sát đánh giá đầu tư.

b) Bộ, ngành, địa phương, Tập đoàn kinh tế nhà nước và Tổng công ty Đầu tư kinh doanh vốn nhà nước chịu trách nhiệm triển khai Hệ thống này tại cơ quan mình.

8. Quy định về tích hợp, chia sẻ dữ liệu:

a) Kho bạc Nhà nước có trách nhiệm:

- Chia sẻ, tích hợp dữ liệu và báo cáo tình hình giải ngân của từng dự án đầu tư để làm cơ sở báo cáo tình hình thực hiện kế hoạch đầu tư công của các cơ quan trên Hệ thống;

- Việc chia sẻ, tích hợp và báo cáo trên Hệ thống sẽ thay cho báo cáo bằng văn bản giấy.

b) Bộ Kế hoạch và Đầu tư có trách nhiệm tích hợp, chia sẻ dữ liệu giữa các hệ thống để đảm bảo tính thống nhất về thông tin, dữ liệu:

- Giữa Hệ thống thông tin quốc gia về đầu tư và Hệ thống thông tin về giám sát đầu tư quốc gia;
- Giữa Hệ thống mạng đấu thầu quốc gia và Hệ thống thông tin về giám sát đầu tư quốc gia;
- Giữa Hệ thống thông tin quốc gia về đầu tư công và Hệ thống thông tin về giám sát đầu tư quốc gia.

Điều 66. Xử lý kết quả giám sát, đánh giá đầu tư

1. Các Bộ, ngành, địa phương phải xem xét và xử lý kịp thời các vấn đề phát sinh, các kiến nghị của cơ quan giám sát, đánh giá đầu tư, chủ chương trình, chủ đầu tư, chủ sử dụng và nhà đầu tư về những vấn đề thuộc quyền hạn và trách nhiệm của mình trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày nhận được văn bản đề nghị của bên có liên quan và chịu trách nhiệm về việc xử lý thuộc thẩm quyền hoặc báo cáo kịp thời với cấp trên các vấn đề vượt thẩm quyền.

2. Các cấp có thẩm quyền khi quyết định đầu tư chương trình, dự án phải căn cứ vào kết quả giám sát, đánh giá quá trình chuẩn bị đầu tư chương trình, dự án.

3. Các cấp có thẩm quyền khi điều chỉnh chương trình, dự án phải căn cứ vào kết quả kiểm tra, đánh giá chương trình dự án khi điều chỉnh chương trình, dự án theo quy định tại Nghị định này; chỉ được điều chỉnh chủ trương đầu tư, điều chỉnh chương trình, dự án đầu tư, Giấy chứng nhận đăng ký đầu tư sau khi thực hiện kiểm tra, đánh giá chương trình, dự án theo quy định tại Nghị định này.

4. Kết quả giám sát và đánh giá đầu tư là căn cứ để các cấp có thẩm quyền lựa chọn chủ đầu tư, nhà đầu tư thực hiện chương trình, dự án và là căn cứ để các cấp có thẩm quyền phân bổ vốn đầu tư cho Dự án.

5. Kết quả đánh giá tác động chương trình, dự án là căn cứ để các cấp có thẩm quyền xem xét, quyết định việc đầu tư các chương trình, dự án tương tự.

Điều 67. Xử lý vi phạm trong giám sát và đánh giá đầu tư

1. Cơ quan, tổ chức, cá nhân có hành vi che giấu vi phạm hoặc hành vi vi phạm khác thì tùy theo tính chất, mức độ vi phạm mà bị xử lý kỷ luật, xử phạt vi phạm hành chính hoặc bị truy cứu trách nhiệm hình sự; nếu gây thiệt hại thì bồi thường theo quy định của pháp luật.

2. Việc xử phạt vi phạm hành chính trong giám sát và đánh giá đầu tư thực hiện theo quy định của pháp luật về xử phạt vi phạm hành chính trong lĩnh vực kế hoạch và đầu tư.

3. Đối với các chương trình, dự án đầu tư công, dự án sử dụng vốn nhà nước ngoài vốn đầu tư công, chủ đầu tư không thực hiện đầy đủ chế độ báo cáo thì thủ trưởng cơ quan, đơn vị làm chủ chương trình, chủ đầu tư, Giám đốc Ban quản lý dự án và các cán bộ được phân công nhiệm vụ giám sát, đánh giá đầu tư của chủ chương trình, chủ đầu tư phải bị xử lý vi phạm như sau:

- a) 2 kỳ liền không có báo cáo hoặc 3 kỳ không báo cáo bị khiển trách;
- b) 3 kỳ liền không có báo cáo hoặc 4 kỳ không báo cáo bị cảnh cáo.

4. Trong trường hợp vi phạm quy định về chế độ báo cáo thì các dự án đầu tư công chỉ được bố trí vốn kế hoạch và giải ngân sau khi tiến hành xử lý vi phạm theo quy định tại Khoản 2 và Khoản 3 Điều này và bổ sung các nội dung hoặc báo cáo còn thiếu theo quy định.

5. Xử lý các vi phạm về quản lý đầu tư trong quá trình giám sát, đánh giá đầu tư:

a) Các cơ quan thực hiện giám sát, đánh giá đầu tư báo cáo kịp thời các cấp có thẩm quyền những trường hợp vi phạm về quản lý đầu tư thuộc cấp mình quản lý để xử lý theo quy định;

b) Các cơ quan thực hiện giám sát, đánh giá đầu tư cố tình che giấu các trường hợp vi phạm về quản lý đầu tư sẽ chịu trách nhiệm liên đới trước pháp luật về các sai phạm và hậu quả gây ra.

6. Hằng năm trên cơ sở báo cáo tổng hợp, đề xuất của cơ quan đầu mối thực hiện công tác giám sát và đánh giá đầu tư, các Bộ, ngành, địa phương xem xét, quyết định xử lý đối với các chủ chương trình, chủ đầu tư, nhà đầu tư vi phạm quy định về giám sát và đánh giá đầu tư theo các hình thức:

- a) Khiển trách, cảnh cáo;
- b) Thay chủ chương trình, chủ đầu tư;
- c) Không giao làm chủ đầu tư các dự án khác.

7. Hằng năm, Bộ Kế hoạch và Đầu tư thực hiện:

a) Kiến nghị hình thức xử lý đối với các Bộ, ngành, địa phương không thực hiện báo cáo giám sát, đánh giá tổng thể đầu tư hoặc thực hiện báo cáo giám sát, đánh giá tổng thể đầu tư không đúng thời hạn, không đảm bảo chất lượng;

b) Tổng hợp báo cáo Thủ tướng Chính phủ về tình hình xử lý các vi phạm trong giám sát và đánh giá đầu tư.

Chương X
ĐIỀU KHOẢN THI HÀNH

Điều 68. Hiệu lực thi hành

1. Nghị định này có hiệu lực thi hành kể từ ngày 01/01/2021.
2. Nghị định này thay thế Nghị định số 84/2015/NĐ-CP ngày 30 tháng 9 năm 2015 của Chính phủ về giám sát và đánh giá đầu tư đã được sửa đổi, bổ sung một số điều theo Nghị định số 01/2020/NĐ-CP ngày 01/01/2020 của Chính phủ.
3. Các quy định trước đây của Chính phủ, các Bộ, cơ quan ngang Bộ và địa phương trái với Nghị định này đều bãi bỏ.

Điều 69. Trách nhiệm thi hành

1. Các Bộ trưởng, Thủ trưởng cơ quan ngang Bộ, Thủ trưởng cơ quan thuộc Chính phủ, Chủ tịch Ủy ban nhân dân các tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương, Thủ trưởng các tổ chức chính trị, chính trị - xã hội, tổ chức chính trị xã hội - nghề nghiệp và các tổ chức, cá nhân có liên quan chịu trách nhiệm thi hành Nghị định này.
2. Bộ Kế hoạch và Đầu tư chủ trì, phối hợp với các Bộ, ngành liên quan có trách nhiệm hướng dẫn thi hành Nghị định này./.

TM. CHÍNH PHỦ
THỦ TƯỚNG

Nơi nhận:

- Ban Bí thư Trung ương Đảng;
- Thủ tướng, các Phó Thủ tướng Chính phủ;
- Các Bộ, cơ quan ngang Bộ, cơ quan thuộc Chính phủ;
- HĐND, UBND các tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương;
- Văn phòng Trung ương và các Ban của Đảng;
- Văn phòng Tổng Bí thư;
- Văn phòng Chủ tịch nước;
- Hội đồng Dân tộc và các Ủy ban của Quốc hội;
- Văn phòng Quốc hội;
- Tòa án nhân dân tối cao;
- Viện Kiểm sát nhân dân tối cao;
- Kiểm toán Nhà nước;
- Ủy ban Giám sát tài chính Quốc gia;
- Ngân hàng Chính sách xã hội;
- Ngân hàng Phát triển Việt Nam;
- Ủy ban Trung ương Mặt trận Tổ quốc Việt Nam;
- VPCP: BTCN, các PCN, Trợ lý TTg, TGĐ Công TTĐT, các Vụ, Cục, đơn vị trực thuộc, Công báo;
- Lưu: VT, KTN (3b). XH

Nguyễn Xuân Phúc

PHỤ LỤC I
TỔNG HỢP Ý KIẾN CỦA CÁC BỘ, NGÀNH, ĐỊA PHƯƠNG
(kèm theo Tờ trình số/TTr-BKHĐT ngày .../10/2020 của Bộ KH&ĐT về dự thảo Nghị định quy định về giám sát và đánh giá đầu tư)

I. Ý KIẾN CỦA CÁC BỘ, CƠ QUAN NGANG BỘ, CƠ QUAN THUỘC CHÍNH PHỦ

1. Bộ Xây dựng (văn bản số 5016/BXD-KHTC ngày 15/10/2020)

Thông nhất với nội dung dự thảo Nghị định và Tờ trình Chính phủ.

2. Bộ Tài nguyên và Môi trường (văn bản số 5725/BTNMT-KHTC ngày 13/10/2020)

*Về tổng thể: Thống nhất việc ban hành Nghị định mới về giám sát và đánh giá đầu tư.

*Về nội dung dự thảo:

- Cần đưa thêm quy định về tư vấn giám sát, đánh giá đầu tư: năng lực của đơn vị tư vấn (gồm cả chuyên gia), thời điểm bắt đầu thuê tư vấn, cách thức thực hiện, nội dung, kết quả ...

- Cơ quan quản lý nhà nước (các Bộ, ngành) biên chế hành chính để thực hiện nhiệm vụ giám sát, đánh giá đầu tư rất ít, phạm vi dự án trên cả nước. Vì vậy, không nên đưa ra quy định cứng “*kiểm tra ít nhất một lần đối với dự án có thời gian thực hiện đầu tư trên 12 tháng*” (Điều 12), việc này rất khó khả thi, nó liên quan và ảnh hưởng đến mức độ hoàn thành nhiệm vụ của cơ quan, cá nhân thực hiện.

- Dự thảo cần đưa ra quy định về đào tạo, hướng dẫn thực hiện giám sát, đánh giá đầu tư.

- Cần quy định, những dự án đã được thanh tra, kiểm toán nhà nước thực hiện có cần kiểm tra nữa không. Vì nội dung kiểm tra dự án (Điều 16) cũng rất chi tiết, đủ đầu mục như thanh tra, kiểm toán.

- Nên quy định rõ hoặc quy định riêng về đánh giá tác động, vì sau đầu tư khoảng 3 năm dự án đã kết thúc.

- Việc đánh giá hiệu quả đầu tư dự án đầu tư công (Điều 18) nội dung và tiêu chí vẫn còn chung chung, để thực hiện được rất khó, chỉ có thể đánh giá mang tính định tính.

- Cần đưa ra quy định về theo dõi dự án: Theo dõi bằng cách nào, kết quả là gì và theo dõi để báo cáo những cấp nào.

- Về chế tài (Điều 67) cần nghiên cứu quy định cụ thể hơn như:
 - + Đối với chủ đầu tư không nhập thông tin lên Hệ thống thông tin về giám sát, đánh giá đầu tư.
 - + Xử lý các chủ thể và các vấn đề liên quan trong khi thực hiện xong kiểm tra chương trình, dự án.
 - + Việc thay chủ đầu tư, chủ trương trình nếu chương trình, dự án có vấn đề không làm thay đổi được được bản chất sự việc. Cần quy định rõ trách nhiệm của người đứng đầu (đại diện cho chương trình, dự án) và từng tổ chức, cá nhân tham gia vào dự án.

3. Bộ Quốc phòng (văn bản số 3847/BQP-KHĐT ngày 12/10/2020)

Đề nghị tiếp thu ý kiến của Bộ Quốc phòng tại văn bản số 3447/BQP-KHĐT ngày 12/9/2020 về việc rà soát tình hình thực hiện và kiến nghị nội dung sửa đổi, bổ sung Nghị định số 84/2015/NĐ-CP ngày 30/9/2015 và Nghị định số 01/2020/NĐ-CP ngày 01/01/2020 của Chính phủ về giám sát và đánh giá đầu tư.

4. Bộ Lao động - Thương binh và Xã hội (văn bản số 4098/LĐTĐBXH-KHTC ngày 19/10/2020)

- Việc nghiên cứu xây dựng và ban hành một Nghị định mới về giám sát và đánh giá đầu tư dự án cho phù hợp là cần thiết.

- Tại các Điều 52, 53, 54, 61 của Dự thảo Nghị định có nội dung về chi phí tư vấn và việc thuê chuyên gia, tổ chức tư vấn để thực hiện đánh giá chương trình, dự án đầu tư và đánh giá tổng thể đầu tư. Vì vậy, đề nghị nghiên cứu bổ sung nội dung quy định về điều kiện, năng lực của chuyên gia, tổ chức tư vấn tham gia đánh giá chương trình, dự án đầu tư và đánh giá tổng thể đầu tư để có đủ căn cứ áp dụng thực hiện.

5. Bộ Công thương (văn bản số 7795/BCT-KH ngày 15/10/2020)

*Về ý kiến chung: Thống nhất về tổng thể kết cấu và các nội dung căn bản trong dự thảo Nghị định.

*Về ý kiến cụ thể:

- Đề nghị xem xét, cập nhật vào dự thảo các nội dung Bộ Công Thương đã có ý kiến tại văn bản số 6444/BCT-KH ngày 28/8/2020 về việc rà soát tình hình thực hiện và kiến nghị các nội dung sửa đổi, bổ sung Nghị định số 84/2015/NĐ-CP ngày 30/9/2015 và Nghị định số 01/2020/NĐ-CP ngày 01/01/2020 của Chính phủ.

- Tại Điều 3 dự thảo, quy định về chủ thể thực hiện giám sát và đánh giá đầu tư đa dạng và nhiều thành phần. Việc này có ảnh hưởng trực tiếp đến hoạt động đầu tư tại doanh nghiệp; công tác triển khai giữa các chủ thể bị phân tán dẫn đến trùng lặp nội dung kiểm tra (*đặc biệt với nhiều nội dung quy định về kiểm tra, giám sát trong dự thảo*) và phát sinh chi phí. Ngoài ra, về điều kiện thành viên thực hiện kiểm tra, giám sát, đề nghị xem xét bổ sung các nguyên tắc, tiêu chí cụ thể làm căn cứ lựa chọn thành viên hoặc thuê chuyên gia có chuyên môn phù hợp để nâng cao chất lượng kiểm tra, giám sát, đánh giá dự án đầu tư.

- Tại Điều 17 dự thảo, quy định "*Căn cứ chức năng, nhiệm vụ và lĩnh vực quản lý nhà nước được phân công, cơ quan quản lý nhà nước chuyên ngành thực hiện giám sát dự án đầu tư công theo quy định của pháp luật chuyên ngành*" trong khi các quy định của pháp luật chuyên ngành hiện nay chưa được cụ thể hóa về nội dung giám sát và đánh giá đầu tư đối với các chương trình, dự án đầu tư. Vì vậy, để thuận tiện trong quá trình tổ chức thực hiện và đảm bảo chất lượng công tác giám sát, đánh giá đầu tư đối với lĩnh vực chuyên ngành, đề nghị bổ sung vào dự thảo quy định cụ thể về phạm vi, đối tượng giám sát của cơ quan quản lý nhà nước chuyên ngành (*tại các Điều 17, 24, 31 và 43 của dự thảo*) hoặc quy định trách nhiệm ban hành hướng dẫn về nội dung giám sát của cơ quan quản lý nhà nước chuyên ngành.

- Tại Điều 30 dự thảo, quy định "*Nội dung giám sát của cơ quan quản lý nhà nước về đầu tư*", đề nghị bổ sung quy định chi tiết hơn đối với nội dung giám sát của cơ quan quản lý nhà nước về đầu tư theo phương thức PPP, bám sát và cụ thể hóa các quy định tại Điều 87 Luật Đầu tư theo phương thức đối tác công tư (PPP).

- Tại Điều 52 dự thảo, quy định "*Chi phí và nguồn vốn thực hiện giám sát, đánh giá đầu tư*" được trích từ nguồn chi thường xuyên của đơn vị thực hiện, tuy nhiên nguồn kinh phí này được sử dụng cho nhiều hoạt động và thường xuyên bị cắt giảm nên khó đáp ứng được nhu cầu triển khai thực tiễn; ngoài ra, việc thực hiện độc lập từng nội dung giám sát, đánh giá như trong dự thảo sẽ dẫn đến lãng phí nguồn chi ngân sách. Vì vậy, đề nghị xem xét bố trí nguồn riêng cho nhiệm vụ giám sát, đánh giá đầu tư (*nếu bắt buộc phải thực hiện*).

- Tại Khoản 2 Điều 56, Khoản 2 Điều 57 dự thảo, đề nghị quy định rõ trách nhiệm trong công tác giám sát và đánh giá đầu tư để không bị chồng chéo đối với các dự án phân cấp và ủy quyền cho cấp dưới quyết định đầu tư.

- Đề nghị xem xét bổ sung quy định về phạm vi, lĩnh vực, trách nhiệm, nội dung giám sát, đánh giá các chương trình, dự án sử dụng vốn hỗ trợ phát

triển chính thức (ODA) và vốn vay ưu đãi của các nhà tài trợ nước ngoài thuộc đối với các chương trình, dự án đầu tư sử dụng nguồn vốn ODA.

- Đề nghị xem xét ban hành kèm theo dự thảo các biểu mẫu khai báo dưới hình thức báo cáo, kê khai điện tử và có thể chia sẻ giữa các đơn vị liên quan để tiết kiệm thời gian, kinh phí, không ảnh hưởng đến hoạt động của các chủ đầu tư dự án.

6. Bộ Ngoại giao (văn bản số 3575/BNG-LPQT ngày 19/10/2020)

*Về dự thảo Nghị định:

- Tại Nghị quyết số 58/NQ-CP ngày 27/4/2020 ban hành Chương trình hành động của Chính phủ thực hiện Nghị quyết số 50-NQ/TW ngày 20/8/2019 của Bộ Chính trị về định hướng hoàn thiện thể chế, chính sách, nâng cao chất lượng, hiệu quả hợp tác đầu tư nước ngoài đến năm 2030, Chính phủ đã giao Quý Bộ “sửa đổi, bổ sung tại Nghị định số 84/2015/NĐ-CP ngày 30/9/2015 của Chính phủ về giám sát, đánh giá đầu tư, trong đó quy định rõ trách nhiệm của các bộ, ngành, địa phương trong việc chủ trì, phối hợp quản lý, giám sát hoạt động đầu tư nước ngoài” (Mục 6 về Hoàn thiện thể chế chính sách quản lý, giám sát đầu tư). Do đó, đề nghị nghiên cứu, bổ sung quy định về cơ chế quản lý, giám sát hoạt động đầu tư nước ngoài trong dự thảo Nghị định.

- Tại Khoản 2, Điều 68, đề nghị Quý Bộ cân nhắc điều chỉnh như sau: *“Nghị định này thay thế Nghị định số 84/2015/NĐ-CP ngày 30 tháng 9 năm 2015 của Chính phủ về giám sát và đánh giá đầu tư, Nghị định số 01/2020/NĐ-CP ngày 01 tháng 01 năm 2020 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 84/2015/NĐ-CP ngày 30/9/2015 của Chính phủ về giám sát và đánh giá đầu tư”*.

*Về dự thảo Tờ trình Chính phủ:

Tại Mục I về sự cần thiết ban hành Nghị định, đề nghị bổ sung nhiệm vụ về Hoàn thiện thể chế, chính sách quản lý, giám sát đầu tư tại Nghị quyết 58/NQ-CP nêu trên. Trường hợp chỉ chỉnh sửa một số điểm mang tính kỹ thuật như trong dự thảo Nghị định hiện nay, đề nghị cân nhắc phương án chỉ sửa đổi, bổ sung chứ không thay thế Nghị định số 84/2015/NĐ-CP do các nội dung của Nghị định này cơ bản không thay đổi.

7. Thanh tra Chính phủ (văn bản số 1797/TTCP-V.II ngày 20/10/2020)

- Về cơ bản, nhất trí với nội dung dự thảo Nghị định.

- Đề nghị Ban soạn thảo nghiên cứu, bổ sung:

+ Tại các điều khoản: Khoản 3 Điều 5 về trách nhiệm giám sát chương trình đầu tư công; Khoản 3 Điều 12 về trách nhiệm giám sát dự án đầu tư công; Khoản 2 Điều 19 về trách nhiệm giám sát dự án vốn tín dụng do chính phủ bảo lãnh, vốn vay được bảo đảm bằng tài sản nhà nước...; Khoản 3 Điều 26 về trách nhiệm giám sát dự án theo phương thức đối tác công tư quy định:

“...việc kiểm tra được thực hiện như sau:

a) Kiểm tra ít nhất một lần đối với chương trình/dự án có thời gian thực hiện đầu tư trên 12 tháng.

b) Kiểm tra khi điều chỉnh chương trình làm thay đổi địa điểm, mục tiêu, quy mô, tăng tổng mức đầu tư.”

Đề nghị Ban soạn thảo nghiên cứu, bổ sung thêm nội dung quy định về trường hợp kiểm tra đột xuất khi có văn bản chỉ đạo của cấp có thẩm quyền hoặc có thông tin, dấu hiệu về việc vi phạm quy định chính sách pháp luật liên quan đến đầu tư.

+ Tại Điều 48 Chương VI về nội dung đánh giá tổng thể đầu tư quy định:

“Điều 48. Nội dung đánh giá tổng thể đầu tư

1. Tổng hợp, phân tích, đánh giá tình hình và kết quả đầu tư của nền kinh tế theo các chỉ tiêu về quy mô, tốc độ, cơ cấu, tiến độ, hiệu quả đầu tư.

2. Đánh giá mức độ đạt được so với quy hoạch được duyệt, nhiệm vụ kế hoạch hoặc so với mức đạt được của kỳ trước; đánh giá tính khả thi của các quy hoạch, kế hoạch được duyệt.

3. Đánh giá kế hoạch đầu tư công theo quy định tại Điều 70 của Luật Đầu tư công.

4. Đánh giá tổng thể về tình hình quản lý đầu tư.

5. Xác định các yếu tố, nguyên nhân ảnh hưởng tới tình hình và kết quả đầu tư; đề xuất các giải pháp nâng cao hiệu quả đầu tư trong kỳ hoặc giai đoạn kế hoạch sau.”

Đề nghị nghiên cứu, bổ sung thêm nội dung về việc kiến nghị, xử lý đối với các trường hợp vi phạm quy định chính sách pháp luật liên quan đến đầu tư được phát hiện, để đảm bảo tính đầy đủ, thống nhất và phù hợp với quy định tại Điều 47 về nội dung kiểm tra tổng thể đầu tư có quy định cụ thể về kiểm tra *“việc thực hiện các quy định của các văn bản hướng dẫn các chính sách, pháp luật liên quan đến đầu tư.”*

8. Viện Hàn lâm Khoa học và Công nghệ Việt Nam (văn bản số 1965/VHL-KHTC ngày 08/10/2020)

Nhất trí với dự thảo Nghị định và Tờ trình của Bộ Kế hoạch và Đầu tư.

9. Đài Truyền hình Việt Nam (văn bản số 1124/THVN-VP ngày 09/10/2020)

Nhất trí với nội dung của Dự thảo Nghị định.

10. Thông tấn xã Việt Nam (văn bản số 989/TTX-KHTC ngày 08/10/2020)

Nhất trí với toàn văn dự thảo Tờ trình Chính phủ và dự thảo Nghị định quy định về giám sát và đánh giá đầu tư.

11. Đài Tiếng nói Việt Nam (văn bản số 2546/TNVN-KHTC ngày 07/10/2020)

Nhất trí với nội dung dự thảo Tờ trình và Nghị định.

II. Ý KIẾN CỦA CÁC ĐỊA PHƯƠNG

1. Tỉnh Điện Biên (văn bản số 1471/SKHĐT-TH ngày 15/10/2020)

Tại Điều 54 dự thảo Nghị định quy định nguồn vốn, quản lý, sử dụng chi phí giám sát, đánh giá đầu tư của Chương trình, dự án và các cơ quan, đơn vị, cộng đồng chưa thống nhất, không cụ thể, chông chéo; không phù hợp với tính chất của từng công việc, chương trình, dự án; phát sinh thêm thủ tục hành chính. Do đó, đề nghị quy định cụ thể định mức chi phí giám sát, đánh giá đầu tư cho từng nội dung, phần việc; từng cơ quan, đơn vị, cộng đồng và xác lập chi phí này trong tổng mức đầu tư của dự án; thanh toán theo cơ chế của chương trình, dự án.

Tại Khoản 4 Điều 67 dự thảo Nghị định quy định “*Trong trường hợp vi phạm quy định về chế độ báo cáo thì các dự án đầu tư công chỉ được bố trí kế hoạch vốn và giải ngân sau khi tiến hành xử phạt theo quy định tại Khoản 2 và Khoản 3 Điều này và bổ sung các nội dung hoặc báo cáo còn thiếu theo quy định*”; điều này mâu thuẫn với quy định của Luật Đầu tư công năm 2019 về thời gian bố trí vốn cho các nhóm dự án, thời điểm phân bổ chi tiết kế hoạch đầu tư công hằng năm vốn ngân sách nhà nước¹. Mặt khác, việc dừng giải ngân sẽ làm chậm tiến độ, giảm hiệu quả sử dụng vốn đầu tư; việc giải ngân và bố trí kế hoạch vốn còn liên quan đến quyền lợi, nghĩa vụ của nhà thầu, các tổ chức, cá

¹ Điều 52 và Điều 61 Luật đầu tư công năm 2019.

nhân khác trong khi trách nhiệm, nghĩa vụ thực hiện công tác báo cáo giám sát đầu tư không phải của những chủ thể này. Do đó, kiến nghị sửa đổi theo hướng điều chuyển nhiệm vụ chủ đầu tư, không giao nhiệm vụ chủ đầu tư các dự án mới; tăng mức xử phạt vi phạm hành chính; tăng nặng hình thức xử lý trách nhiệm đối với tổ chức, cá nhân vi phạm chế độ báo cáo giám sát, đánh giá đầu tư.

2. Tỉnh Vĩnh Long (văn bản số 5081/UBND-KTNV ngày 15/10/2020)

Thông nhất dự thảo Nghị định và dự thảo Tờ trình Chính phủ.

3. Tỉnh Tiền Giang (văn bản số 2048/SKH&ĐT-ĐTTĐ&GSĐT ngày 13/10/2020)

Thông nhất với nội dung các dự thảo.

4. Tỉnh Lạng Sơn (văn bản số 1306/UBND-KT ngày 15/10/2020)

Tại khoản 5 Điều 57 dự thảo Nghị định quy định: “5. *Tổ chức thực hiện giám sát, đánh giá các dự án đầu tư theo phương thức đối tác công tư với vai trò là cơ quan nhà nước có thẩm quyền ký kết Hợp đồng*”. Theo Luật Đầu tư theo phương thức đối tác công tư ngày 18/6/2020 không có quy định về “*Cơ quan nhà nước có thẩm quyền ký kết Hợp đồng*” mà chỉ quy định về “*Cơ quan có thẩm quyền*” và “*Cơ quan ký kết hợp đồng dự án PPP*”, đề nghị xem xét chỉnh sửa nội dung này cho phù hợp với quy định của Luật.

Tại khoản 2 Điều 68 dự thảo Nghị định quy định “*Nghị định này thay thế Nghị định số 84/2015/NĐ-CP ngày 30 tháng 9 năm 2015 của Chính phủ về giám sát và đánh giá đầu tư đã được bổ sung một số điều theo Nghị định số 01/2020/NĐ-CP ngày 01/01/2020 của Chính phủ*”. Đề nghị chỉnh sửa, bổ sung lại như sau “*Nghị định này thay thế Nghị định số 84/2015/NĐ-CP ngày 30 tháng 9 năm 2015 của Chính phủ về giám sát và đánh giá đầu tư; Nghị định số 01/2020/NĐ-CP ngày 01 tháng 01 năm 2020 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 84/2015/NĐ-CP ngày 30 tháng 9 năm 2015 của Chính phủ về giám sát và đánh giá đầu tư*” để bảo đảm chính xác.

Đề nghị xem xét bổ sung căn cứ: “Luật Sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Tổ chức Chính phủ và Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 22 tháng 11 năm 2019” tại phần căn cứ pháp lý của dự thảo Nghị định.

5. Tỉnh Đắk Nông (văn bản số 1783/SKH-GS&TTr ngày 13/10/2020)

Thông nhất nội dung dự thảo Tờ trình và dự thảo Nghị định.

6. Tỉnh Tuyên Quang (văn bản số 1539/SKH-TĐ&GSĐT ngày 15/10/2020)

Cơ bản nhất trí với nội dung dự thảo Nghị định.

Về Trang thông tin quốc gia về giám sát và đánh giá đầu tư của Bộ Kế hoạch và Đầu tư: Đề nghị xem xét việc tra cứu, nhập số liệu, báo cáo thông tin các chương trình, dự án của các chủ đầu tư cần đơn giản, thuận lợi hơn.

7. Thành phố Cần Thơ (văn bản số 3171/UBND-XDĐT ngày 21/10/2020)

- Tại điểm b Khoản 1 Điều 16 của dự thảo Nghị định về giám sát và đánh giá đầu tư: về tổng hợp tình hình thực hiện lập, trình thẩm định và quyết định chủ trương đầu tư dự án, đề nghị bổ sung cụm từ “*điều chỉnh chủ trương đầu tư (nếu có)*”.

- Tại khoản 5 Điều 63 dự thảo Nghị định về giám sát và đánh giá đầu tư: đề nghị bổ sung hướng dẫn cụ thể về trình tự theo dõi chương trình, dự án đầu tư.

- Bổ sung quy định về thời gian gửi báo cáo của cơ quan được giao chuẩn bị đầu tư.

8. Tỉnh Yên Bái (văn bản số 2198/SKHĐT-ĐTTĐ ngày 09/10/2020)

Nhất trí với nội dung dự thảo Nghị định.

9. Tỉnh Hưng Yên (văn bản số 1958/SKHĐT-ĐTTĐGSĐT ngày 09/10/2020)

Cơ bản nhất trí với kết cấu và nội dung dự thảo và tham gia ý kiến thêm nội dung sau:

Tại Khoản 4 Điều 67: Đề nghị sửa cụm từ “sau khi tiến hành xử phạt theo quy định tại Khoản 2 và Khoản 3 Điều này” thành “sau khi tiến hành *xử lý vi phạm* theo quy định tại Khoản 2 và Khoản 3 Điều này”.

10. Thành phố Đà Nẵng (văn bản số 2758/SKHĐT-TĐGSĐT ngày 13/10/2020)

*Về kinh phí thực hiện công tác giám sát, đánh giá đầu tư, tại Điểm c, Khoản 2, Điều 52 của dự thảo Nghị định có quy định: “*Chi phí cho công tác giám sát, đánh giá đầu tư do chủ chương trình, chủ đầu tư, nhà đầu tư, cơ quan ký kết hợp đồng dự án đầu tư theo phương thức đối tác công tư tự thực hiện*”

hoặc thuê tư vấn thực hiện bằng 20% chi phí quản lý chương trình, dự án và được tính trong tổng mức đầu tư chương trình, dự án”.

Tại Điều 53 dự thảo Nghị định nêu trên cũng có quy định các nội dung chi cho công tác giám sát, đánh giá đầu tư. Theo đó, các nội dung chi này đều tương tự với các nội dung chi cho công tác quản lý dự án đầu tư. Mặt khác, theo Điểm b, Khoản 1, Điều 3 Thông tư số 09/2019/TT-BXD ngày 26/12/2019 của Bộ trưởng Bộ Xây dựng hướng dẫn xác định và quản lý chi phí đầu tư xây dựng thi công tác “Tổ chức và thực hiện công tác giám sát, đánh giá dự án đầu tư xây dựng công trình” là một nội dung thuộc khoản mục chi phí quản lý dự án.

Như vậy, kiến nghị cơ quan soạn thảo quy định cụ thể chi phí cho công tác giám sát, đánh giá dự án đầu tư được nêu tại Điểm c, Khoản 2, Điều 52 của dự thảo (bằng 20% chi phí quản lý dự án) có nằm trong tổng chi phí quản lý dự án (được xác định theo quy định của Bộ Xây dựng) hay được tính thành một khoản mục chi phí riêng để có cơ sở thực hiện đảm bảo thống nhất, tránh trùng lặp.

**Tại Điểm a, Khoản 5, Điều 54 dự thảo Nghị định có quy định: “Chi phí hỗ trợ giám sát đầu tư của cộng đồng trên địa bàn cấp xã được cân đối trong dự toán chi của Ủy ban mặt trận Tổ quốc Việt Nam cấp xã và do ngân sách cấp xã đảm bảo. Mức kinh phí hỗ trợ giám sát đầu tư của cộng đồng trên địa bàn xã bố trí phù hợp với kế hoạch hoạt động giám sát đầu tư của cộng đồng do HĐND xã quyết định và đảm bảo mức kinh phí tối thiểu 05 triệu đồng/năm”.*

Về thẩm quyền quyết định mức kinh phí hỗ trợ giám sát đầu tư của cộng đồng trên địa bàn cấp xã, kiến nghị cơ quan soạn thảo xem xét quy định thêm trường hợp cho các địa phương không tổ chức HĐND cấp xã theo mô hình chính quyền đô thị; đồng thời, xem xét lại mức kinh phí bố trí trong trường hợp trong năm không có dự án nào được thực hiện trên địa bàn xã.

Ngoài ra, với quy định nêu trên, có thể được hiểu theo nhiều cách:

+ Cách thứ 1: Tất cả các hoạt động giám sát đầu tư của cộng đồng trên địa bàn xã được cấp tối thiểu 05 triệu đồng/năm. Như vậy, chi phí này không đủ để phục vụ công tác giám sát đầu tư của cộng đồng đảm bảo hiệu quả.

+ Cách thứ 2: Ban giám sát đầu tư của cộng đồng được thành lập cho 01 dự án thì được cấp tối thiểu 05 triệu đồng/năm. Như vậy, trường hợp xã/phường có nhiều dự án và thành lập nhiều Ban giám sát thì tổng kinh phí chi cho hoạt động giám sát quá lớn.

Do vậy, kiến nghị cần quy định cụ thể hơn về mức kinh phí hỗ trợ giám sát đầu tư của cộng đồng để có cơ sở thực hiện đảm bảo hiệu quả.

11. Tỉnh Kiên Giang (văn bản số 1232/SKHĐT-TTĐ&GSĐT ngày 09/10/2020)

Cơ bản thống nhất nội dung dự thảo Nghị định. Tuy nhiên cần chỉnh sửa, bổ sung thêm một số nội dung sau:

- Sửa đổi điểm a khoản 1 Điều 1: “chi phí giám sát đánh giá đầu tư;” sửa thành “chi phí giám sát đánh giá đầu tư;”.

- Bổ sung khoản 4 Điều 11: “Bổ sung ví dụ cụ thể phương pháp so sánh và đối chiếu về đánh giá hiệu quả đầu tư chương trình đầu tư công”.

- Bổ sung khoản 4 Điều 18: “Bổ sung ví dụ cụ thể phương pháp so sánh và đối chiếu về đánh giá hiệu quả đầu tư dự án đầu tư công”.

- Sửa đổi khoản 3 Điều 67: “dự án sử dụng vốn vốn tín dụng do Chính phủ bảo lãnh” sửa thành “dự án sử dụng vốn tín dụng do Chính phủ bảo lãnh”.

- Sửa đổi khoản 2 Điều 68: “Nghị định này thay thế Nghị định số 84/2015/NĐ-CP ngày 30/9/2015 và Nghị định số 01/2020/ND-CP ngày 01/01/2020 của Chính phủ về việc sửa đổi, bổ sung một số Điều của Nghị định số 84/2015/NĐ-CP ngày 30/9/2015”.

12. Tỉnh Bình Định (văn bản số 6914/UBND-TH ngày 13/10/2020)

Cơ bản thống nhất với nội dung Dự thảo Nghị định.

Một số ý kiến cụ thể:

Tại khoản 11 Điều 64 Dự thảo Nghị định quy định về giám sát và đánh giá đầu tư, đề xuất điều chỉnh, bổ sung như sau: “*Nhà đầu tư các dự án đầu tư ra nước ngoài lập và gửi Bộ Kế hoạch và Đầu tư, Ngân hàng Nhà nước Việt Nam, Bộ Tài chính, cơ quan đại diện chủ sở hữu nhà nước, Ủy ban nhân dân cấp tỉnh, Sở Kế hoạch và Đầu tư nơi nhà đầu tư đặt trụ sở chính và cơ quan đại diện Việt Nam tại nước tiếp nhận đầu tư các loại báo cáo sau:*”

13. Tỉnh Bắc Kạn (văn bản số 1491/SKHĐT-TH ngày 14/10/2020)

Nhất trí với nội dung dự thảo Nghị định.

14. Tỉnh Hà Nam (văn bản số 1858/SKHĐT-TĐ ngày 09/10/2020)

*Về bố cục, nội dung dự thảo Tờ trình: Nhất trí như trong dự thảo.

*Về bố cục, nội dung dự thảo Nghị định:

- Đề nghị bổ sung định nghĩa về cơ quan đăng ký đầu tư và hệ thống thông tin quốc gia về đầu tư công (<https://dautucong.mpi.gov.vn/>) tại Điều 2 (Giải thích từ ngữ).

- Đề nghị bổ sung các quy định về việc sử dụng và đăng tải thông tin dự án sử dụng vốn đầu tư công trên Hệ thống thông tin quốc gia về đầu tư công (<https://dautucong.mpi.gov.vn/>) tại Chương II (Giám sát và đánh giá chương trình, dự án đầu tư sử dụng vốn nhà nước).

- Đề nghị bổ sung tại khoản 1, điều 50 (Nội dung giám sát đầu tư của cộng đồng) nội dung sau: “Tình hình triển khai và tiến độ thực hiện các chương trình, dự án”.

- Đề nghị điều chỉnh điểm c, khoản 2, điều 52: Từ “Chi phí cho công tác giám sát, đánh giá đầu tư do chủ chương trình, chủ đầu tư,... thực hiện bằng 20% chi phí quản lý chương trình, dự án và được tính trong tổng mức đầu tư chương trình, dự án” thành “...thực hiện tối đa bằng 20% chi phí quản lý chương trình, dự án”.

- Điều chỉnh nội dung tại khoản 10 - điều 56, khoản 9 - điều 57, khoản 3 - điều 58, khoản 4 - điều 59, điểm e khoản 1 và điểm đ khoản 2 - điều 60: Từ “Khoản 4 Điều 68” thành “Khoản 4 Điều 64”.

- Đề nghị bổ sung nội dung trách nhiệm xử lý vi phạm về lĩnh vực giám sát và đánh giá đầu tư của Bộ Kế hoạch và Đầu tư, các bộ và cơ quan ngang bộ, UBND các tỉnh, thành phố trực thuộc trung ương tại điều 55, 56 và 57.

- Đề nghị bổ sung thêm điều quy định về trách nhiệm của Ủy ban mặt trận tổ quốc các cấp trong công tác giám sát và đánh giá đầu tư.

- Đề nghị bỏ điểm a, khoản 2, điều 65 (về thời hạn gửi báo cáo 6 tháng của cơ quan đăng ký đầu tư); Lý do: Tại khoản 3, điều 64 quy định: Cơ quan đăng ký đầu tư lập và gửi Ủy ban nhân dân cấp tỉnh Báo cáo giám sát, đánh giá đầu tư hằng năm.

15. Tỉnh Đắk Lắk (văn bản số 2520/SKHĐT-ĐTĐ ngày 13/10/2020)

- Tại điểm a Khoản 1 Điều 51 Dự thảo Nghị định:

“1. Ủy ban Mặt trận Tổ quốc Việt Nam cấp xã:

a) Chủ trì thành lập Ban Giám sát đầu tư của cộng đồng cho từng chương trình, dự án. Thành phần của Ban ít nhất là 05 người, gồm đại diện Ủy ban Mặt trận Tổ quốc Việt Nam cấp xã, Thanh tra nhân dân và đại diện người dân trên địa bàn;”

Do tính chất của các xã trên địa bàn các địa phương không giống nhau, hằng năm thường đầu tư nhiều dự án và thời điểm triển khai các dự án thường sát nhau. Do đó, để có thể thực hiện đầy đủ việc giám sát đối với tất cả các dự án và phù hợp với từng địa phương đề nghị xem xét giảm số thành phần của Ban so với quy định.

- Tại điểm b Khoản 1 Điều 51 Dự thảo Nghị định:

“1. Ủy ban Mặt trận Tổ quốc Việt Nam cấp xã:

b) Lập kế hoạch giám sát đầu tư của cộng đồng đối với các chương trình, dự án trên địa bàn và thông báo cho chủ chương trình, chủ đầu tư, ban quản lý chương trình, dự án về kế hoạch và thành phần Ban Giám sát đầu tư của cộng đồng chậm nhất 45 ngày trước khi thực hiện;”

Theo quy định nêu trên, thì Ủy ban Mặt trận Tổ quốc Việt Nam cấp xã phải gửi kế hoạch giám sát đầu tư của cộng đồng chậm nhất 45 ngày trước khi thực hiện. Thời gian này là quá dài và phụ thuộc vào thời gian triển khai dự án của chủ đầu tư, do đó đề nghị nghiên cứu theo hướng rút ngắn thời gian.

16. Tỉnh Ninh Thuận (văn bản số 3209/SKHĐT-ĐTGS ngày 08/10/2020)

*Cơ bản thống nhất nội dung dự thảo Nghị định quy định về giám sát và đánh giá đầu tư.

* Các nội dung góp ý:

- Tại Khoản 4 Điều 11, Khoản 4 Điều 18 dự thảo Nghị định (Đánh giá Chương trình, dự án đầu tư công): Đề nghị Bộ nghiên cứu bổ sung Phụ lục vào dự thảo Nghị định hoặc ban hành Thông tư hướng dẫn các Tiêu chí đánh giá để triển khai thực hiện theo quy định;

- Tại điểm C Khoản 2 Điều 52 dự thảo Nghị định (Chi phí thực hiện giám sát, đánh giá đầu tư): Thống nhất như dự thảo, tuy nhiên đối với những dự án thuộc diện lập Báo cáo Kinh tế - Kỹ thuật là còn thấp, có khó khăn trong triển khai thực hiện, vì vậy đề nghị Bộ nghiên cứu bổ sung mức tối thiểu và mức tối đa cho phù hợp thực tế.

17. Tỉnh Bắc Ninh (văn bản số 1586/KH-ĐTGT ngày 09/10/2020)

Nhất trí với nội dung dự thảo.

18. Tỉnh Nam Định (văn bản số 1421/SKHĐT-ĐTTĐGSĐT ngày 09/10/2020)

- Cơ bản nhất trí với nội dung Dự thảo Nghị định quy định về giám sát và đánh giá đầu tư.

- Một số ý kiến cụ thể:

+ Về xây dựng và điều chỉnh khung giám sát, đánh giá dự án: Tại Khoản 1 và Khoản 5 Điều 63 Dự thảo quy định về cách thức, trình tự thực hiện giám sát, đánh giá đầu tư, theo đó để giám sát và đánh giá phải xây dựng khung giám sát và đánh giá của chương trình. Tuy nhiên, Dự thảo chưa hướng dẫn thế nào là khung giám sát, đánh giá và xây dựng khung giám sát này như thế nào. Do đó, đề nghị bổ sung quy định về khung giám sát và hướng dẫn về xây dựng và điều chỉnh khung giám sát, đánh giá dự án để góp phần làm công tác giám sát, đánh giá thuận tiện, khoa học.

+ Đối với các địa phương có nguồn nhân lực hạn chế trong khi có nhiều dự án thực hiện trên địa bàn thì việc thành lập Ban giám sát đầu tư của cộng đồng cho từng chương trình, dự án với thành phần ít nhất 5 người là chưa phù hợp, khó khăn trong quá trình triển khai, thực hiện. Đề nghị cơ quan soạn thảo nghiên cứu, xem xét lại Điểm a Khoản 1 Điều 51 Dự thảo Nghị định về quy định thành lập Ban giám sát đầu tư của cộng đồng.

+ Về quyền của Ban Giám sát đầu tư của cộng đồng quy định tại Điểm a Khoản 2 Điều 49 Dự thảo Nghị định đề nghị cơ quan soạn thảo nghiên cứu, xem xét chỉnh sửa như sau:

“Yêu cầu các cơ quan quản lý nhà nước có thẩm quyền cung cấp các thông tin về quy hoạch vùng, quy hoạch tỉnh, quy hoạch đô thị, quy hoạch nông thôn, các quy hoạch khác liên quan theo quy định của pháp luật về quy hoạch và kế hoạch sử dụng đất đai theo quy định của pháp luật về đất đai”

19. Tỉnh Ninh Bình (văn bản số 2231/KHĐT-TĐ ngày 09/10/2020)

Nhất trí với bố cục và các nội dung dự thảo Nghị định.

20. Tỉnh Kon Tum (văn bản số 3849/UBND-HTKT ngày 12/10/2020)

- Cơ bản thống nhất nội dung dự thảo Nghị định và Tờ trình Chính phủ.

- Một số ý kiến cụ thể:

+ Trong dự thảo Nghị định có đề cập đến cụm từ “*Cơ quan quản lý nhà nước chuyên ngành*”, tuy nhiên hiện nay nội dung này chưa được quy định rõ trong Luật Đầu tư công, Luật xây dựng và các Nghị định hướng dẫn thi hành. Do đó, đề nghị Bộ Kế hoạch và Đầu tư nghiên cứu bổ sung thêm vào phần giải thích từ ngữ cụm từ này (bổ sung thêm khoản 19 Điều 2)

+ Tại điểm a khoản 1 Điều 51 của dự thảo Nghị định có quy định số lượng của Ban giám sát đầu tư của cộng đồng quy định ít nhất là 05 người cho từng chương trình, dự án là khá cao so với địa bàn các xã vùng núi, vùng cao như tỉnh Kon Tum (vì một xã có thể có nhiều dự án triển khai đồng thời). Đề nghị Đơn vị soạn thảo xem xét lại số lượng người tối thiểu cho Ban giám sát đầu tư của cộng đồng. Đối với những xã còn khó khăn, chưa có điều kiện có thể thành lập 01 Ban giám sát đầu tư của cộng đồng chung cho tất các chương trình, dự án đầu tư trên cùng địa bàn xã.

+ Tại điểm c khoản 2 Điều 52 của dự thảo Nghị định có quy định về chi phí cho công tác giám sát, đánh giá đầu tư là 20% chi phí quản lý chương trình, dự án được tính vào tổng mức đầu tư của chương trình, dự án đó. Đề nghị Đơn vị soạn thảo tách thành hai chi phí riêng biệt: Chi phí giám sát và chi phí đánh giá đầu tư và được trích từ phí quản lý chương trình, dự án. Vì đối với chi phí đánh giá đầu tư chương trình, dự án có thể thuê chuyên gia, tổ chức đánh theo quy định tại điểm b khoản 7 Điều 61 của dự thảo Nghị định, đồng thời tránh hiểu nhầm tính thêm 20% chi phí quản lý chương trình, dự án vào tổng mức đầu tư.

21. Tỉnh Sóc Trăng (văn bản số 1726/SKHĐT-ĐTTĐGSĐT ngày 09/10/2020)

Thông nhất với nội dung dự thảo Nghị định.

22. Tỉnh Tây Ninh (văn bản số 2533/UBND-KTTC ngày 19/10/2020)

Cơ bản thống nhất với nội dung dự thảo Nghị định.

23. Tỉnh Vĩnh Phúc (văn bản số 2881/SKHĐT-TĐ ngày 20/10/2020)

- Cơ bản thống nhất với nội dung dự thảo Nghị định.

- Một số ý kiến cụ thể:

+ Đề nghị bổ sung quy định về bắt buộc công khai các thông tin liên quan đến dự án (công khai các quyết định, hồ sơ chủ trương đầu tư, hồ sơ dự án, thiết kế dự toán, hồ sơ đấu thầu, hợp đồng, giải ngân,...) trên hệ thống mạng để tạo thành kênh theo dõi độc lập, thuận lợi cho việc giám sát (trừ dự án có yếu tố bảo mật theo quy định của pháp luật).

+ Đề nghị bổ sung các biểu mẫu về giám sát đầu tư theo hướng biểu mẫu kiểm soát quy trình, trình tự, thủ tục và nội dung cơ bản phải đáp ứng của chương trình, dự án, kết hợp với các yêu cầu về chế độ báo cáo khác về đầu tư (báo cáo tình hình giải ngân,...) để thuận lợi cho việc theo dõi, phát hiện các tồn

tại của dự án nhằm có biện pháp khắc phục kịp thời cũng như có thể sử dụng chung cho nhiều mục tiêu, nhiều cơ quan.

+ Đề nghị quy định chi tiết hơn nội dung giám sát của cơ quan quản lý nhà nước chuyên ngành tại Điều 17 của dự thảo Nghị định.

+ Đề nghị có phụ lục hướng dẫn phương pháp đánh giá hiệu quả dự án đầu tư công theo từng nhóm dự án điển hình tương tự như hướng dẫn của các nhà tài trợ ADB, WB,... để thuận lợi cho việc áp dụng trong dự thảo Nghị định hoặc tại thông tư hướng dẫn.

+ Đề nghị quy định cụ thể về điều kiện, trình tự thủ tục và xử lý bồi thường (nếu có) khi đình chỉ hoặc dừng thực hiện dự án đầu tư tại Điều 49 trong Nghị định để nâng cao tính pháp lý thay vì tại thông tư hướng dẫn.

+ Đề nghị nghiên cứu bổ sung các nội dung, thành phần của khung giám sát, đánh giá dự án trước khi khởi công dự án được quy định tại Điều 60 của dự thảo Nghị định.

24. Tỉnh Bình Thuận (văn bản số 4157/UBND-ĐTQH ngày 23/10/2020)

Thông nhất nội dung dự thảo Nghị định.

25. Tỉnh Cà Mau (văn bản số 2697/SKHĐT-ĐTGS ngày 19/10/2020)

Thông nhất nội dung dự thảo Nghị định.

PHỤ LỤC II
GIẢI TRÌNH, TIẾP THU Ý KIẾN CỦA CÁC BỘ, NGÀNH, ĐỊA PHƯƠNG
VỀ NGHỊ ĐỊNH QUY ĐỊNH VỀ GIÁM SÁT VÀ ĐÁNH GIÁ ĐẦU TƯ
(kèm theo Tờ trình số/TTr-BKHĐT ngày / 2020 của Bộ KH&ĐT)

Bộ Kế hoạch và Đầu tư xin giải trình, tiếp thu ý kiến góp ý hoàn thiện dự thảo Nghị định quy định về giám sát, đánh giá đầu tư của các bộ, ngành, địa phương theo các nhóm vấn đề như sau:

1. Về giám sát đầu tư của cộng đồng

Ý kiến góp ý:

- Việc thành lập Ban Giám sát đầu tư của cộng đồng (GSĐTCD) theo quy định tại điểm a khoản 1 Điều 51 Nghị định số 84/2015/NĐ-CP (*Thành lập Ban Giám sát đầu tư của cộng đồng cho từng chương trình, dự án*) còn bất cập vì đối các địa phương có nhiều dự án được triển khai thì không đủ con người để thành lập đủ số lượng Ban GSĐTCD theo đúng quy định.

- Tại điểm a khoản 5 Điều 54 Nghị định số 84/2015/NĐ-CP quy định: *“Chi phí hỗ trợ giám sát đầu tư của cộng đồng trên địa bàn cấp xã được cân đối trong dự toán chi của Ủy ban Mặt trận Tổ quốc Việt Nam cấp xã và do ngân sách cấp xã đảm bảo. Mức kinh phí hỗ trợ giám sát đầu tư của cộng đồng trên địa bàn xã bố trí phù hợp với kế hoạch hoạt động giám sát đầu tư của cộng đồng do Hội đồng nhân dân xã quyết định và đảm bảo mức kinh phí tối thiểu 05 triệu đồng/năm”*. Chi phí hỗ trợ này là thấp, đề nghị quy định lại cho phù hợp.

Ý kiến tiếp thu, giải trình:

- Điểm b khoản 1 Điều 75 Luật Đầu tư công năm 2019 quy định: *“Thành lập Ban giám sát đầu tư của cộng đồng cho từng chương trình, dự án”*. Do vậy, Nghị định hướng dẫn luật cần bảo đảm quy định thống nhất với các nội dung đã được Luật định. Các địa phương căn cứ điều kiện thực tế để tổ chức thành lập và hoạt động Ban GSĐTCD tại địa phương cho phù hợp.

- Mức kinh phí hỗ trợ giám sát đầu tư của cộng đồng quy định là *“tối thiểu”* là phù hợp, phụ thuộc vào nguồn lực của từng địa phương; không phải là mức hỗ trợ cố định hay tối đa. Do đó, kiến nghị không điều chỉnh nội dung này tại dự thảo Nghị định.

2. Về năng lực của tổ chức, cá nhân thực hiện công tác giám sát, đánh giá đầu tư

Ý kiến góp ý:

Nghiên cứu bổ sung nội dung quy định về điều kiện, năng lực của tổ chức, cá nhân thực hiện công tác giám sát, đánh giá đầu tư; năng lực của chuyên gia,

tổ chức tư vấn tham gia đánh giá chương trình, dự án đầu tư và đánh giá tổng thể đầu tư để có đủ căn cứ áp dụng thực hiện.

Ý kiến giải trình:

Theo Luật số 03/2016/QH14 ngày 22/11/2016 sửa đổi, bổ sung Điều 6 và Phụ lục 4 về danh mục ngành, nghề đầu tư kinh doanh có điều kiện của Luật Đầu tư năm 2014, dịch vụ tư vấn đánh giá dự án đầu tư và dịch vụ đào tạo đánh giá dự án đầu tư không còn là ngành nghề kinh doanh có điều kiện. Do đó, quy định về điều kiện năng lực của tổ chức, cá nhân thực hiện tư vấn đánh giá dự án đầu tư tại Chương IX Nghị định số 84/2015/NĐ-CP ngày 30/9/2015 của Chính phủ về giám sát và đánh giá đầu tư không còn phù hợp. Nghị định số 01/2020/NĐ-CP ngày 01/01/2020 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 84/2015/NĐ-CP ngày 30/9/2015 của Chính phủ về giám sát và đánh giá đầu tư đã bãi bỏ các quy định này.

3. Về chi phí chi phí giám sát, đánh giá đầu tư

Ý kiến góp ý:

Quy định tại điểm c khoản 2 Điều 52 Nghị định số 84/2015/NĐ-CP: “*Chi phí cho công tác giám sát, đánh giá đầu tư do chủ chương trình, chủ đầu tư, nhà đầu tư, cơ quan nhà nước có thẩm quyền ký kết hợp đồng dự án tự thực hiện hoặc thuê tư vấn thực hiện bằng 20% chi phí quản lý chương trình, dự án và được tính trong tổng mức đầu tư chương trình, dự án*” là chưa rõ ràng và hợp lý.

Ý kiến giải trình, tiếp thu:

Dự thảo Nghị định tách riêng chi phí giám sát và đánh giá đầu tư theo hướng: (1) Chi phí cho công tác giám sát đầu tư do chủ chương trình, chủ đầu tư, nhà đầu tư, Cơ quan ký kết hợp đồng dự án đầu tư theo phương thức đối tác công tư tự thực hiện bằng 10% chi phí quản lý chương trình, dự án; (2) Chi phí cho công tác đánh giá đầu tư được tính bằng % chi phí quản lý chương trình, dự án theo quy định hiện hành như sau: Chi phí đánh giá ban đầu: 2%; Chi phí đánh giá giữa kỳ hoặc giai đoạn: 2%; Chi phí đánh giá kết thúc: 3%; Chi phí đánh giá tác động: 5%; Chi phí đánh giá đột xuất: 3%.

Trường hợp vận dụng định mức chi phí không phù hợp hoặc chương trình, dự án có quy mô lớn hoặc trường hợp cần phải thuê tư vấn nước ngoài thực hiện thì tổ chức lập dự toán để xác định chi phí.

Quy định mới này sẽ tạo điều kiện cho các cơ quan, đơn vị huy động các nguồn lực thực hiện đánh giá đầu tư toàn diện hơn.

4. Về số lượng, nội dung, chế độ báo cáo

Ý kiến góp ý:

- Rà soát giảm bớt số lượng báo cáo, chỉ giữ lại báo cáo cần thiết đảm bảo theo dõi, kiểm tra được quá trình thực hiện đầu tư.

- Nghiên cứu, cải tiến các biểu mẫu báo cáo theo hướng đơn giản, dễ hiểu cho các chủ đầu tư dễ thực hiện.

Ý kiến giải trình, tiếp thu:

- Tiếp thu các ý kiến góp ý, dự thảo Nghị định đã Giảm bớt hoạt động/nội dung/số lượng báo cáo giám sát và đánh giá đối với một số chủ thể; cụ thể như sau: Bỏ nội dung báo cáo về “*Việc lập, thẩm định, quyết định đầu tư dự án thành phần thuộc chương trình*” của Chủ chương trình, Chủ dự án thành phần (Điều 6, Điều 8); Bỏ nội dung theo dõi, kiểm tra về “*tổng hợp tình hình thực hiện lập, thẩm định, quyết định đầu tư dự án thành phần thuộc chương trình và quyết định điều chỉnh dự án thành phần thuộc chương trình (nếu có)*” của cơ quan chủ quản và người có thẩm quyền quyết định đầu tư chương trình (Điều 7); Sửa đổi quy định: “*Kiểm tra ít nhất một lần đối với các dự án có thời gian thực hiện đầu tư trên 12 tháng*” thành “*Kiểm tra ít nhất một lần đối với các dự án có thời gian thực hiện đầu tư trên 24 tháng*” đối với dự án thuộc phạm vi quản lý của Cơ quan chủ quản, người có thẩm quyền quyết định đầu tư (Khoản 3 Điều 12); Bỏ chế độ báo cáo: Quý I, 6 tháng, quý III; Báo cáo giám sát, đánh giá trước khi trình quyết định chủ trương đầu tư chương trình, dự án đối với Cơ quan được giao lập Báo cáo đề xuất chủ trương đầu tư hoặc báo cáo nghiên cứu tiền khả thi, báo cáo nghiên cứu khả thi chương trình, dự án đầu tư công (khoản 4,5 Điều 64); Bỏ chế độ báo cáo Quý I, Quý III; Báo cáo giám sát, đánh giá trước khi khởi công chương trình, dự án của Chủ chương trình, chủ đầu tư các chương trình, dự án đầu tư công, Chủ đầu tư các dự án sử dụng vốn đầu tư của Nhà nước ngoài vốn đầu tư công; Nhà đầu tư thực hiện dự án theo phương thức đối tác công tư (Điều 64);...

- Các biểu mẫu về giám sát, đánh giá đầu tư sẽ được nghiên cứu, quy định tại Thông tư hướng dẫn.

5. Về một số ý kiến góp ý cụ thể về các thuật ngữ mới theo quy định của Luật Đầu tư năm 2020, Luật Đầu tư theo phương thức đối tác công tư: Bộ Kế hoạch và Đầu tư đã nghiên cứu, tiếp thu và sửa đổi trong dự thảo Nghị định.

A. Đức Long - Văn - A. Chên

658

ỦY BAN NHÂN DÂN
TỈNH LẠNG SON

CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Số: 1306/UBND-KT

Lạng Sơn, ngày 15 tháng 10 năm 2020

Vv góp ý dự thảo Nghị định quy định
về giám sát và đánh giá đầu tư

BỘ KẾ HOẠCH VÀ ĐẦU TƯ	
ĐẾN	Số: ... <u>42.12.T</u> ...
	Ngày: <u>21.10.2020</u>
	Chuyên:
	Số và ký hiệu HS:

Kính gửi: Bộ Kế hoạch và Đầu tư.

Thực hiện Công văn số 6528/BKHĐT-GSTĐĐT ngày 02/10/2020 của Bộ Kế hoạch và Đầu tư về việc góp ý dự thảo Nghị định quy định về giám sát và đánh giá đầu tư; sau khi nghiên cứu, Ủy ban nhân dân tỉnh Lạng Sơn cơ bản nhất trí với bố cục và nội dung của dự thảo Nghị định, đồng thời đề nghị Bộ Kế hoạch và Đầu tư xem xét một số nội dung cụ thể như sau:

1. Tại khoản 5 Điều 57 dự thảo Nghị định quy định: “5. Tổ chức thực hiện giám sát, đánh giá các dự án đầu tư theo phương thức đối tác công tư với vai trò là cơ quan nhà nước có thẩm quyền ký kết Hợp đồng”. Theo Luật Đầu tư theo phương thức đối tác công tư ngày 18/6/2020 không có quy định về “Cơ quan nhà nước có thẩm quyền ký kết Hợp đồng” mà chỉ quy định về “Cơ quan có thẩm quyền” và “Cơ quan ký kết hợp đồng dự án PPP”, đề nghị xem xét chỉnh sửa nội dung này cho phù hợp với quy định của Luật.

2. Tại khoản 2 Điều 68 dự thảo Nghị định quy định “Nghị định này thay thế Nghị định số 84/2015/NĐ-CP ngày 30 tháng 9 năm 2015 của Chính phủ về giám sát và đánh giá đầu tư đã được bổ sung một số điều theo Nghị định số 01/2020/NĐ-CP ngày 01/01/2020 của Chính phủ”. Đề nghị chỉnh sửa, bổ sung lại như sau “Nghị định này thay thế Nghị định số 84/2015/NĐ-CP ngày 30 tháng 9 năm 2015 của Chính phủ về giám sát và đánh giá đầu tư; Nghị định số 01/2020/NĐ-CP ngày 01 tháng 01 năm 2020 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 84/2015/NĐ-CP ngày 30 tháng 9 năm 2015 của Chính phủ về giám sát và đánh giá đầu tư” để bảo đảm chính xác.

3. Đề nghị xem xét bổ sung căn cứ: “Luật Sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Tổ chức Chính phủ và Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 22 tháng 11 năm 2019” tại phần căn cứ pháp lý của dự thảo Nghị định.

UBND tỉnh Lạng Sơn trân trọng đề nghị Bộ Kế hoạch và Đầu tư xem xét./.

Nơi nhận:

- Như trên;
- Chủ tịch, các Phó Chủ tịch UBND tỉnh;
- Các Sở: KHĐT, TC;
- C, PCVP UBND tỉnh, các phòng CM, Trung tâm TH-CB;
- Lưu: VT, KT(VQK).

2

KT. CHỦ TỊCH
PHÓ CHỦ TỊCH



Lương Trọng Quỳnh

A. Đức Long - C. Văn

6/20

BỘ NGOẠI GIAO

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Số: 3575 /BNG-LPQT

V/v Góp ý dự thảo Nghị định về giám sát

Hà Nội, ngày 19 tháng 10 năm 2020

BỘ KẾ HOẠCH VÀ ĐẦU TƯ

Số: 43428.....

ĐẾN Ngày: 11.10.2020.

Chuyên:.....

Số và ký hiệu HS:.....

Kính gửi: Bộ Kế hoạch và Đầu tư

Phúc Công văn số 6528/BKHĐT-GSTĐĐT ngày 02/10/2020 của Quý Bộ đề nghị đồng góp ý kiến đối với dự thảo Nghị định quy định về giám sát và đánh giá đầu tư, Bộ Ngoại giao có ý kiến như sau:

1. Về dự thảo Nghị định

- Tại Nghị quyết số 58/NQ-CP ngày 27/4/2020 ban hành Chương trình hành động của Chính phủ thực hiện Nghị quyết số 50-NQ/TW ngày 20/8/2019 của Bộ Chính trị về định hướng hoàn thiện thể chế, chính sách, nâng cao chất lượng, hiệu quả hợp tác đầu tư nước ngoài đến năm 2030, Chính phủ đã giao Quý Bộ “sửa đổi, bổ sung tại Nghị định số 84/2015/NĐ-CP ngày 30/9/2015 của Chính phủ về giám sát, đánh giá đầu tư, trong đó quy định rõ trách nhiệm của các bộ, ngành, địa phương trong việc chủ trì, phối hợp quản lý, giám sát hoạt động đầu tư nước ngoài” (Mục 6 về Hoàn thiện thể chế chính sách quản lý, giám sát đầu tư). Do đó, đề nghị nghiên cứu, bổ sung quy định về cơ chế quản lý, giám sát hoạt động đầu tư nước ngoài trong dự thảo Nghị định.

- Tại Khoản 2, Điều 68, đề nghị Quý Bộ cân nhắc điều chỉnh như sau: “Nghị định này thay thế Nghị định số 84/2015/NĐ-CP ngày 30 tháng 9 năm 2015 của Chính phủ về giám sát và đánh giá đầu tư, Nghị định số 01/2020/NĐ-CP ngày 01 tháng 01 năm 2020 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 84/2015/NĐ-CP ngày 30/9/2015 của Chính phủ về giám sát và đánh giá đầu tư”.

2. Về dự thảo Tờ trình Chính phủ

Tại Mục I về sự cần thiết ban hành Nghị định, đề nghị Quý Bộ bổ sung nhiệm vụ về Hoàn thiện thể chế, chính sách quản lý, giám sát đầu tư tại Nghị quyết 58/NQ-CP nêu trên. Trường hợp chỉ chỉnh sửa một số điểm mang tính kỹ thuật như trong dự thảo Nghị định hiện nay, đề nghị cân nhắc phương án chỉ sửa đổi, bổ sung chứ không thay thế Nghị định số 84/2015/NĐ-CP do các nội dung của Nghị định này cơ bản không thay đổi.

Bộ Ngoại giao trân trọng trao đổi đề Quý Bộ tổng hợp./. *R*

Nơi nhận:

- Như trên;
- Lưu: HC, LPQT(QH).

KT. BỘ TRƯỞNG
THỨ TRƯỞNG



Lê Hoài Trung

A. Duệ Long - C. Văn

6870 AF-10-2020

**BỘ LAO ĐỘNG - THƯƠNG BINH
VÀ XÃ HỘI**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Số: **4098** /LĐTBXH-KHTC
V/v góp ý dự thảo Nghị định quy định
về giám sát và đánh giá đầu tư

Hà Nội, ngày 19 tháng 10 năm 2020

BỘ KẾ HOẠCH VÀ ĐẦU TƯ	
ĐẾN	Số: 4346f.....
	Ngày: 11.10.2020
Chuyển:
Số và ký hiệu HS:.....	

Kính gửi: Bộ Kế hoạch và Đầu tư

Phúc đáp Công văn số 6528/BKHĐT-GSTĐĐT ngày 02/10/2020 của Bộ Kế hoạch và Đầu tư về việc góp ý dự thảo Nghị định quy định về giám sát và đánh giá đầu tư, Bộ Lao động – Thương binh và Xã hội có ý kiến như sau:

1. Trong thời gian vừa qua, Quốc hội đã ban hành Luật Đầu tư công số 39/2019/QH14 thay thế Luật Đầu tư công số 49/2014/QH13 và Luật Đầu tư số 61/2020/QH14 thay thế Luật Đầu tư số 67/2014/QH13; Luật Đầu tư theo phương thức đối tác công tư số 64/2020/QH14. Các Luật nêu trên có một số quy định mới và khác về một số nội dung có liên quan đã được quy định tại Nghị định số 84/2015/NĐ-CP ngày 30/9/2015 của Chính phủ về giám sát và đánh giá đầu tư đã được sửa đổi bổ sung một số điều tại Nghị định số 01/2020/NĐ-CP ngày 01/01/2020 của Chính phủ. Vì vậy, việc nghiên cứu xây dựng và ban hành một Nghị định mới về giám sát và đánh giá đầu tư dự án cho phù hợp là cần thiết.

2. Tại các Điều 52, 53, 54, 61 của Dự thảo Nghị định về giám sát và đánh giá đầu tư có nội dung về chi phí tư vấn và việc thuê chuyên gia, tổ chức tư vấn để thực hiện đánh giá chương trình, dự án đầu tư và đánh giá tổng thể đầu tư. Vì vậy, đề nghị nghiên cứu bổ sung nội dung quy định về điều kiện, năng lực của chuyên gia, tổ chức tư vấn tham gia đánh giá chương trình, dự án đầu tư và đánh giá tổng thể đầu tư để có đủ căn cứ áp dụng thực hiện.

Trên đây là ý kiến của Bộ Lao động – Thương binh và Xã hội đề Bộ Kế hoạch và Đầu tư nghiên cứu, tổng hợp hoàn chỉnh dự thảo Nghị định./. *M*

Nơi nhận:

- Như trên;
- Bộ trưởng (để báo cáo);
- Lưu: VT, KHTC.

**KT. BỘ TRƯỞNG
THỨ TRƯỞNG**



Nguyễn Bá Hoan
Nguyễn Bá Hoan

A. Diên Hồng - C. Văn

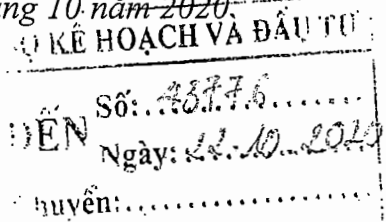
6878

ĐÀI TIẾNG NÓI VIỆT NAM

**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Số: 2546/TNVN-KHTC
V/v góp ý dự thảo Nghị định quy định
về giám sát và đánh giá đầu tư

Hà Nội, ngày 07 tháng 10 năm 2020



Kính gửi: Bộ Kế hoạch và Đầu tư

Đài Tiếng nói Việt Nam nhận được công văn số 6528/BKHĐT-
GSTĐĐT ngày 02/10/2020 của Bộ Kế hoạch và Đầu tư về việc góp ý dự thảo
Nghị định quy định về giám sát và đánh giá đầu tư thay thế Nghị định số
84/2015/NĐ-CP ngày 30/9/2015 của Chính phủ về giám sát và đánh giá đầu tư
đã được sửa đổi, bổ sung một số điều tại Nghị định số 01/2020/NĐ-CP ngày
01/01/2020 của Chính phủ;

Qua nghiên cứu dự thảo, Đài Tiếng nói Việt Nam nhất trí với các nội
dung trình bày tại dự thảo Tờ trình và Nghị định.

Trân trọng./

Nơi nhận: *BT*

- Như trên;
- Tổng Giám đốc (để b/c);
- Lưu: VT, KHTC.

**TL. TỔNG GIÁM ĐỐC
PHÓ TỔNG GIÁM ĐỐC**



Trần Minh Hùng

A. Đức Long - C. Văn

6278

UBND TỈNH BẮC KẠN
SỞ KẾ HOẠCH VÀ ĐẦU TƯ

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Số: 1491 /SKHĐT-TH

Bắc Kạn, ngày 14 tháng 10 năm 2020

V/v góp ý dự thảo Nghị định về
giám sát và đánh giá đầu tư.

BỘ KẾ HOẠCH VÀ ĐẦU TƯ	
ĐẾN	Số: <u>42536</u>
	Ngày: <u>19.10.2020</u>
	Chuyển:.....
	Số và ký hiệu HS:.....

Kính gửi: Bộ Kế hoạch và Đầu tư.

Căn cứ Văn bản số 6528/BKHĐT-GSTĐĐT ngày 02/10/2020 của Bộ Kế hoạch và Đầu tư về việc góp ý dự thảo Nghị định quy định về giám sát và đánh giá đầu tư;

Thực hiện Văn bản số 5975/UBND-TH ngày 08 tháng 10 năm 2020 của Ủy ban nhân dân tỉnh Bắc Kạn về việc thực hiện Văn bản số 6528/BKHĐT-GSTĐĐT ngày 02/10/2020 của Bộ Kế hoạch và Đầu tư, trong đó Ủy ban nhân dân tỉnh Bắc Kạn giao Sở Kế hoạch và Đầu tư chủ trì, phối hợp với các cơ quan liên quan nghiên cứu, góp ý đối với dự thảo Nghị định nêu trên bằng văn bản gửi Bộ Kế hoạch và Đầu tư.

Sau khi nghiên cứu, Sở Kế hoạch và Đầu tư tỉnh Bắc Kạn nhất trí với nội dung dự thảo Nghị định của Chính phủ quy định về giám sát và đánh giá đầu tư.

Với nội dung trên, Sở Kế hoạch và Đầu tư tỉnh Bắc Kạn gửi Bộ Kế hoạch và Đầu tư tổng hợp./.

Nơi nhận:

Bản giấy + bản điện tử:

- Như kính gửi;

Gửi bản điện tử:

- UBND tỉnh (báo cáo);

- Ban giám đốc;

- Lưu VT, TH.

KT. GIÁM ĐỐC
PHÓ GIÁM ĐỐC



Trần Công Hòa

A. Diên Long - C. Văn

09/10

**ỦY BAN NHÂN DÂN
TỈNH VĨNH LONG**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Số: 5081/UBND-KTNV

Vĩnh Long, ngày 15 tháng 10 năm 2020

V/v góp ý dự thảo Nghị định quy
định về giám sát và đánh giá đầu tư

BỘ KẾ HOẠCH VÀ ĐẦU TƯ	
ĐẾN	Số: ... 42847 ... Ngày: ... 19.10.2020
Chuyên:	
Số và ký hiệu HS:	

Kính gửi: Bộ Kế hoạch và Đầu tư

Thực hiện Công văn số 6528/BKHĐT-GSTĐĐT, ngày 02/10/2020 của Bộ Kế hoạch và Đầu tư về việc góp ý dự thảo Nghị định quy định về giám sát và đánh giá đầu tư,

Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh có ý kiến như sau:

Sau khi nghiên cứu nội dung dự thảo Nghị định và dự thảo Tờ trình Chính phủ, Ủy ban nhân dân tỉnh Vĩnh Long thống nhất dự thảo Nghị định và dự thảo Tờ trình Chính phủ quy định về giám sát và đánh giá đầu tư.

Trên đây là góp ý dự thảo Nghị định và dự thảo Tờ trình Chính phủ quy định về giám sát và đánh giá đầu tư, Ủy ban nhân dân tỉnh Vĩnh Long gửi đến Bộ Kế hoạch và Đầu tư xem xét, tổng hợp. /.

Nơi nhận:

- Như trên;
- CVP, PVP Quản trị;
- Phòng KT-NV;
- Lưu: VT, 5.04.05.



Lê Quang Trung

A. Diên Hồng - C. Văn

CSNB

UBND TỈNH TRÀ VINH
SỞ KẾ HOẠCH VÀ ĐẦU TƯ

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Số: ~~3083~~ /SKHĐT-ĐT

Trà Vinh, ngày 14 tháng 10 năm 2020

V/v góp ý dự thảo Nghị định quy
định về giám sát và đánh giá đầu tư

BỘ KẾ HOẠCH VÀ ĐẦU TƯ	
ĐẾN	Số: 4445
	Ngày: 16/10/2020
Chuyên:
Số và ký hiệu HS:

Kính gửi: Bộ Kế hoạch và Đầu tư

Thực hiện Công văn số 6528/BKHĐT-GSTĐĐT ngày 02 tháng 10 năm 2020 của Bộ Kế hoạch và Đầu tư về việc góp ý dự thảo Nghị định quy định về giám sát và đánh giá đầu tư;

Trên cơ sở ý kiến chỉ đạo của Chủ tịch UBND tỉnh tại Công văn số 4066/UBND-CNXD ngày 06 tháng 10 năm 2020 về việc góp ý dự thảo Nghị định quy định về giám sát và đánh giá đầu tư; theo đó, Sở Kế hoạch và Đầu tư đã tổng hợp ý kiến đóng góp của các đơn vị, địa phương trên địa bàn tỉnh Trà Vinh;

Tỉnh Trà Vinh cơ bản thống nhất nội dung của dự thảo Tờ trình của Bộ Kế hoạch và Đầu tư và dự thảo Nghị định của Chính phủ về giám sát và đánh giá đầu tư.

Kính gửi Bộ Kế hoạch và Đầu tư biết, tổng hợp. /.

Nơi nhận:

- Như trên;
- UBND tỉnh (b/c);
- BGD Sở;
- Lưu: VT, ĐT, Thai, 05.

KT. GIÁM ĐỐC
PHÓ GIÁM ĐỐC



Vương Hải Khoa

A. Diễm hồng - e Vân

0910

ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH YÊN BÁI
SỞ KẾ HOẠCH VÀ ĐẦU TƯ

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Số: 2198 /SKHĐT-ĐTĐ

Yên Bái, ngày 09 tháng 10 năm 2020

V/v tham gia ý kiến dự thảo Nghị định
của Chính phủ quy định về giám sát
và đánh giá đầu tư

Kính gửi: Bộ Kế hoạch và Đầu tư.

BỘ KẾ HOẠCH VÀ ĐẦU TƯ	
ĐẾN	Số: ... 42661 ...
	Ngày: 16. 10. 2020
	Chuyên:
	Số và ký hiệu HS:

Thực hiện Công văn số 6528/BKHĐT-GSTĐĐT ngày 02/10/2020 của Bộ Kế hoạch và Đầu tư về việc về góp ý dự thảo Nghị định quy định về giám sát và đánh giá đầu tư.

Thừa ủy quyền của Ủy ban nhân dân tỉnh Yên Bái tại Công văn số 3112/UBND-XD ngày 06/10/2020 về việc góp ý vào dự thảo Nghị định của Chính phủ quy định về giám sát và đánh giá đầu tư. Sau khi nghiên cứu dự thảo Nghị định của Chính phủ về giám sát và đánh giá đầu tư, Sở Kế hoạch và Đầu tư tỉnh Yên Bái nhất trí với nội dung dự thảo Nghị định của Chính phủ về giám sát và đánh giá đầu tư do Bộ Kế hoạch và Đầu tư chủ trì soạn thảo.

Sở Kế hoạch và Đầu tư tỉnh Yên Bái kính gửi Bộ Kế hoạch và Đầu tư nghiên cứu, tổng hợp./.

Nơi nhận: *Như*

- Như trên;
- UBND tỉnh b/c;
- Lãnh đạo Sở KHĐT;
- Lưu: VT, ĐTĐ.

Y

GIÁM ĐỐC



Đoàn Hữu Phung

A. Đức Hong - C. Văn

0910

UBND TỈNH ĐẮK NÔNG
SỞ KẾ HOẠCH VÀ ĐẦU TƯ

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Số: 1183/SKH-GS&TTr

Đắk Nông, ngày 13 tháng 10 năm 2020

v/v góp ý dự thảo Nghị định của
Chính phủ về giám sát và đánh giá
đầu tư.

BỘ KẾ HOẠCH VÀ ĐẦU TƯ

ĐẾN Số: 4.2700.....

Ngày: 15.10.2020

Chuyển:.....

Số và ký hiệu HS:.....

Kính gửi: Bộ Kế hoạch và Đầu tư.

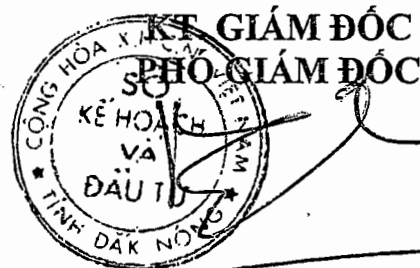
UBND tỉnh Đắk Nông nhận được Văn bản số 6528/BKHĐT-GSTĐĐT ngày 02/10/2020 của Bộ Kế hoạch và Đầu tư, về góp ý dự thảo Nghị định của Chính phủ về giám sát và đánh giá đầu tư. Sau khi xem xét nội dung dự thảo, thừa ủy quyền của UBND tỉnh Đắk Nông tại Công văn số 5110/UBND-KTN ngày 06/10/2020, Sở Kế hoạch và Đầu tư có ý kiến như sau:

Thống nhất nội dung dự thảo Tờ trình và dự thảo Nghị định của Chính phủ về giám sát và đánh giá đầu tư do Bộ Kế hoạch và Đầu tư lập.

Trên đây là ý kiến góp ý của Sở Kế hoạch và Đầu tư, kính đề nghị Bộ Kế hoạch và Đầu tư tổng hợp theo quy định. /.

Nơi nhận:

- Như trên;
- UBND tỉnh (b/c);
- Lãnh đạo Sở;
- Lưu: VT, GS&TTr.



Nguyễn Dương

A. Diên Hồng - C. Văn

GSTĐ

UBND TỈNH THÁI BÌNH
SỞ KẾ HOẠCH VÀ ĐẦU TƯ

CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Số : 222/SKHĐT-ĐTĐ

Thái Bình, ngày 09 tháng 10 năm 2020

V/v góp ý dự thảo Nghị định quy định về
giám sát và đánh giá đầu tư

BỘ KẾ HOẠCH VÀ ĐẦU TƯ

ĐẾN Số: 41838.....
Ngày: 12.10.2020

Chuyên:.....

Số và ký hiệu HS:.....

Kính gửi: Bộ Kế hoạch và Đầu tư.

Thực hiện Văn bản số 4720/UBND-KTĐT ngày 05/10/2020 của UBND tỉnh về việc thực hiện văn bản số 6528/BKHĐT-GSTĐĐT ngày 02/10/2020 của Bộ Kế hoạch và Đầu tư về việc góp ý dự thảo Nghị định quy định về giám sát và đánh giá đầu tư, trong đó giao và ủy quyền cho Sở Kế hoạch và Đầu tư chủ trì, phối hợp với các sở, ngành liên quan tổ chức thực hiện nội dung theo yêu cầu của Bộ Kế hoạch và Đầu tư tại văn bản số nêu trên.

Sau khi nghiên cứu nội dung dự thảo Nghị định trình Chính phủ, Sở Kế hoạch và Đầu tư Thái Bình có ý kiến như sau:

- Đề nghị sửa đổi hình thức xử phạt theo hướng tăng nặng chế tài hơn so với quy định tại Điểm a, b khoản 3 Điều 67, cụ thể:

- 2 kỳ không có báo cáo bị khiển trách;
- 3 kỳ không báo cáo bị cảnh cáo.

- Đề nghị bổ sung hướng dẫn cụ thể về mức chi của từng cấp giám sát để thuận lợi trong việc lập dự toán và quyết toán các khoản chi liên quan đến công tác tổ chức giám sát, đánh giá đầu tư.

- Các nội dung khác, Sở Kế hoạch và Đầu tư nhất trí với nội dung của dự thảo Nghị định.

Sở Kế hoạch và Đầu tư Thái Bình trân trọng báo cáo Bộ Kế hoạch và Đầu tư./.

Nơi nhận:

- Như trên;
- UBND tỉnh; } (để báo cáo)
- Đ/c Giám đốc Sở; }
- Lưu: VT, ĐTĐ. *vt*

KT. GIÁM ĐỐC
PHÓ GIÁM ĐỐC



Đặng Văn Bắc

A. Phi Long - C. Văn

**ỦY BAN NHÂN DÂN
TỈNH BÌNH ĐỊNH**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Số: 6914/UBND - TH

Bình Định, ngày 13 tháng 10 năm 2020

V/v góp ý Dự thảo Nghị định
quy định về giám sát và đánh
giá đầu tư.

Kính gửi: Bộ Kế hoạch và Đầu tư.

Thực hiện Văn bản số 6528/BKHĐT-GSTĐĐT ngày 02/10/2020 của Bộ Kế hoạch và Đầu tư về việc đề nghị góp ý Dự thảo Nghị định quy định về giám sát và đánh giá đầu tư; UBND tỉnh Bình Định có ý kiến như sau:

1. Cơ bản thống nhất với nội dung Dự thảo Nghị định quy định về giám sát và đánh giá đầu tư do Bộ Kế hoạch và Đầu tư soạn thảo.
2. UBND tỉnh Bình Định xin tham gia một số nội dung như sau:


Tại khoản 11 Điều 64 Dự thảo Nghị định quy định về giám sát và đánh giá đầu tư, đề xuất điều chỉnh, bổ sung như sau: *“Nhà đầu tư các dự án đầu tư ra nước ngoài lập và gửi Bộ Kế hoạch và Đầu tư, Ngân hàng Nhà nước Việt Nam, Bộ Tài chính, cơ quan đại diện chủ sở hữu nhà nước, Ủy ban nhân dân cấp tỉnh, Sở Kế hoạch và Đầu tư nơi nhà đầu tư đặt trụ sở chính và cơ quan đại diện Việt Nam tại nước tiếp nhận đầu tư các loại báo cáo sau:”*

UBND tỉnh Bình Định kính báo cáo Bộ Kế hoạch và Đầu tư xem xét, tổng hợp! *Zm*

Nơi nhận:

- Như trên;
- CT, các PCT UBND tỉnh;
- Sở KH&ĐT;
- CVP, PVP KT;
- Lưu: VT, K1. *J*

**TM. ỦY BAN NHÂN DÂN
KT. CHỦ TỊCH
PHÓ CHỦ TỊCH**



[Handwritten signature]

Ký bởi: Ủy ban Nhân dân tỉnh Bình Định
Ngày ký: 13-10-2020 15:46:58 +07:00

Nguyễn Phi Long

A - *Điền long* - c. Văn

A55

**ỦY BAN NHÂN DÂN
TỈNH HÒA BÌNH**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Số: 1754 /UBND-NNTN

V/v tham gia góp ý dự thảo Nghị định
quy định về giám sát và đánh giá đầu tư

Hòa Bình, ngày 13 tháng 10 năm 2020

Kính gửi: Bộ Kế hoạch và Đầu tư.

Căn cứ Công văn số 6528/BKHĐT-PC ngày 02 tháng 10 năm 2020 của Bộ Kế hoạch và Đầu tư về việc góp ý dự thảo Nghị định về giám sát và đánh giá đầu tư;

Ủy ban nhân dân tỉnh Hòa Bình tham gia ý kiến như sau:

1. Nhất trí với nội dung dự thảo Nghị định quy định về giám sát và đánh giá đầu tư do Bộ Kế hoạch và Đầu tư dự thảo.

2. Do số lượng chương trình, dự án thực hiện giám sát, đánh giá đầu tư lớn nên việc thực hiện giám sát, đánh giá đầu tư dự án mất nhiều thời gian, đề nghị Bộ Kế hoạch và Đầu tư ban hành thông tư hướng dẫn Nghị định về giám sát và đánh giá đầu tư, chuẩn hóa các chỉ tiêu, biểu mẫu để thực hiện giám sát, đánh giá đầu tư chương trình, dự án đầu tư.

Ủy ban nhân dân tỉnh Hòa Bình đề nghị Bộ Kế hoạch và Đầu tư xem xét tổng hợp. /*ks*

Nơi nhận:

- Như kính gửi;
- Chủ tịch UBND tỉnh;
- Các Phó Chủ tịch UBND tỉnh;
- Sở KH&ĐT;
- Chánh VP UBND tỉnh;
- Các Phó Chánh VP UBND tỉnh;
- Lưu: VT, NNTN (K).



ks

Bùi Văn Khánh

A. Đức Long - C. Văn

OSM

UBND TỈNH BẮC NINH
SỞ KẾ HOẠCH VÀ ĐẦU TƯ

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Số: 1586/KH-ĐTĐ

Bắc Ninh, ngày 09 tháng 10 năm 2020

V/v góp ý dự thảo Nghị định quy
định về Giám sát và Đánh giá đầu tư

BỘ KẾ HOẠCH VÀ ĐẦU TƯ

ĐẾN Số: 41551.....
Ngày: 15.10.2020

Kính gửi:

- Bộ Kế hoạch và Đầu tư;
- UBND tỉnh.

Chức vụ:.....
và ký hiệu HS:.....

Căn cứ Văn bản số 6582/BKHĐT-GSTĐĐT ngày 02/10/2020 của Bộ Kế hoạch và Đầu tư về việc góp ý dự thảo Nghị định quy định về giám sát và đánh giá đầu tư;

Căn cứ Văn bản số 3496/UBND-KTTH ngày 07/10/2020 của UBND tỉnh về việc góp ý vào dự thảo Nghị định quy định về giám sát và đánh giá đầu tư.

Sau khi nghiên cứu các hồ sơ, tài liệu có liên quan, Sở Kế hoạch và Đầu tư nhất trí với nội dung dự thảo Nghị định quy định về giám sát và đánh giá đầu tư do Bộ Kế hoạch và Đầu tư xây dựng.

Sở Kế hoạch và Đầu tư trân trọng báo cáo. /

Nơi nhận:

- Như kính gửi;
- Lãnh đạo Sở (b/c);
- Lưu: VP, ĐTĐ.

KT. GIÁM ĐỐC
PHÓ GIÁM ĐỐC



Đỗ Văn Hà

A. Huệ Long - C. Văn

B. B. B.

UBND TỈNH HƯNG YÊN
SỞ KẾ HOẠCH VÀ ĐẦU TƯ

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Số: 1958 /SKHĐT-ĐTTĐGSĐT

Hưng Yên, ngày 09 tháng 10 năm 2020

V/v góp ý dự thảo Nghị định quy định
về giám sát và đánh giá đầu tư

BỘ KẾ HOẠCH VÀ ĐẦU TƯ

ĐẾN Số: 72571.....
Ngày 15.10.2020

Kính gửi: Bộ Kế hoạch và Đầu tư

Chuyên:.....

Mã và ký hiệu HS:.....

Thực hiện Công văn số 6528/BKHĐT-GSTĐĐT ngày 02/10/2020 của Bộ Kế hoạch và Đầu tư và Công văn số 2667/UBND-TH ngày 06/10/2020 của UBND tỉnh về việc góp ý dự thảo Nghị định quy định về giám sát và đánh giá đầu tư.

Sau khi nghiên cứu dự thảo Nghị định quy định về giám sát và đánh giá đầu tư, Sở Kế hoạch và Đầu tư tỉnh Hưng Yên cơ bản nhất trí với kết cấu và nội dung dự thảo và tham gia ý kiến thêm nội dung sau:

Tại Khoản 4 Điều 67: Đề nghị sửa cụm từ “sau khi tiến hành xử phạt theo quy định tại Khoản 2 và Khoản 3 Điều này” thành “sau khi tiến hành xử lý vi phạm theo quy định tại Khoản 2 và Khoản 3 Điều này”.

Sở Kế hoạch và Đầu tư tỉnh Hưng Yên trân trọng báo cáo Bộ Kế hoạch và Đầu tư.

Nơi nhận:

- Như trên;
- UBND tỉnh (để báo cáo);
- Lãnh đạo Sở;
- Lưu: VT, ĐTTĐGSĐT^B.

KT. GIÁM ĐỐC
PHÓ GIÁM ĐỐC



Luyện Văn Tạo

UBND TỈNH NINH THUẬN
SỞ KẾ HOẠCH VÀ ĐẦU TƯ

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc

Số: 3209 /SKHĐT-ĐTGS

Ninh Thuận, ngày 08 tháng 10 năm 2020

V/v góp ý dự thảo Nghị định quy định về giám sát và đánh giá đầu tư.

Kính gửi: Bộ Kế hoạch và Đầu tư.

BỘ KẾ HOẠCH VÀ ĐẦU TƯ

ĐẾN Số: .../.../...

Ngày: .../.../...

Chuyên:

Số và ký hiệu HS:

Thực hiện ý kiến chỉ đạo của Chủ tịch UBND tỉnh tại Văn bản số 3726/V PUB-KTTH ngày 05/10/2020 của Văn phòng UBND tỉnh về việc góp ý dự thảo Nghị định quy định về giám sát và đánh giá đầu tư theo đề nghị của Bộ Kế hoạch và Đầu tư tại Văn bản số 6528/BKHĐT-GSTĐĐT ngày 02/10/2020 (kèm theo dự thảo Nghị định), Sở Kế hoạch và Đầu tư báo cáo như sau:

1. Cơ bản thống nhất nội dung dự thảo Nghị định quy định về giám sát và đánh giá đầu tư.

2. Các nội dung góp ý:

- Tại Khoản 4 Điều 11, Khoản 4 Điều 18 dự thảo Nghị định (Đánh giá Chương trình, dự án đầu tư công): Đề nghị Bộ nghiên cứu bổ sung Phụ lục vào dự thảo Nghị định hoặc ban hành Thông tư hướng dẫn các Tiêu chí đánh giá để triển khai thực hiện theo quy định;

- Tại điểm C Khoản 2 Điều 52 dự thảo Nghị định (Chi phí thực hiện giám sát, đánh giá đầu tư): Thống nhất như dự thảo, tuy nhiên đối với những dự án thuộc diện lập Báo cáo Kinh tế - Kỹ thuật là còn thấp, có khó khăn trong triển khai thực hiện, vì vậy đề nghị Bộ nghiên cứu bổ sung mức tối thiểu và mức tối đa cho phù hợp thực tế.

Sở Kế hoạch và Đầu tư tỉnh Ninh Thuận báo cáo Bộ Kế hoạch và Đầu tư để tổng hợp theo quy định./.

Nơi nhận:

- Như trên;
- UBND tỉnh b/c;
- GD và PGD Sở NHT;
- Lưu: VT, ĐTGS.

KT.GIÁM ĐỐC
PHÓ GIÁM ĐỐC



Handwritten signature

Nguyễn Hoàng Thái

A. Đức Long - C. Văn

680D

**VIỆN HÀN LÂM KHOA HỌC
VÀ CÔNG NGHỆ VIỆT NAM**

**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Số: 1965/VHL-KHTC

V/v góp ý dự thảo Nghị định quy định về
giám sát và đánh giá đầu tư

Hà Nội, ngày 08 tháng 10 năm 2020

Kính gửi: Bộ Kế hoạch và Đầu tư

BỘ KẾ HOẠCH VÀ ĐẦU TƯ	
ĐẾN	Số: ... 41489 ...
	Ngày: 09.10.2020
	Chuyên:
	Số và ký hiệu HS:

Thực hiện Công văn số 6528/BKHĐT-GSTĐĐT ngày 02/10/2020 của Bộ Kế hoạch và Đầu tư về việc góp ý dự thảo Nghị định quy định về giám sát và đánh giá đầu tư. Sau khi nghiên cứu, Viện Hàn lâm Khoa học và Công nghệ Việt Nam nhất trí với dự thảo Nghị định và tờ trình của Bộ Kế hoạch và Đầu tư, không có ý kiến gì thêm.

Viện Hàn lâm Khoa học và Công nghệ Việt Nam xin gửi tới Quý Bộ lời chào trân trọng./.

Nơi nhận:

- Như trên;
- Chủ tịch Viện (để b/c);
- Lưu: VT, KHTC. K.Th.05.

**KT. CHỦ TỊCH
PHÓ CHỦ TỊCH**



Phan Ngọc Minh

A - Đức Long - C - Văn

6870

UBND TỈNH TIỀN GIANG
SỞ KẾ HOẠCH VÀ ĐẦU TƯ

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Số: 2048/SKH&ĐT-ĐTTĐ&GSĐT
V/v thống nhất dự thảo Nghị định quy
định về giám sát và đánh giá đầu tư

Tiền Giang, ngày 13 tháng 10 năm 2020

BỘ KẾ HOẠCH VÀ ĐẦU TƯ	
ĐẾN	Số: 42741/KI
	Ngày: 19.10.20
Chuyên:
Số và ký hiệu HS:

Kính gửi: Bộ Kế hoạch và Đầu tư

Ngày 02 tháng 10 năm 2020, Bộ Kế hoạch và Đầu tư có Công văn số 6528/BKHĐT-GSTĐĐT về việc góp ý dự thảo Nghị định quy định về giám sát và đánh giá đầu tư.

Thực hiện chỉ đạo của Ủy ban nhân dân tỉnh Tiền Giang về việc giao góp ý dự thảo Nghị định quy định về giám sát và đánh giá đầu tư tại Công văn số 4872/UBND-KTTC ngày 09/10/2020; qua nghiên cứu dự thảo Tờ trình và dự thảo Nghị định quy định về giám sát và đánh giá đầu tư được đăng tải trên website của Bộ Kế hoạch và Đầu tư, Sở Kế hoạch và Đầu tư tỉnh Tiền Giang thống nhất với nội dung các dự thảo.

Kính báo cáo Bộ Kế hoạch và Đầu tư xem xét, tổng hợp.

Nơi nhận:

- Như trên;
- UBND tỉnh (đề b/c);
- Lưu: VT, P.ĐTTĐ&GSĐT(C).

Q. GIÁM ĐỐC



Nguyễn Đình Chông

Handwritten notes:
A. Huế Long - a. Văn



Người ký: Bộ Quốc phòng
Cơ quan: Bộ Quốc phòng
Thời gian ký: 13.10.2020
15:01:38 +07:00

BỘ QUỐC PHÒNG

**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Số: 3847/BQP-KHĐT

Hà Nội, ngày 12 tháng 10 năm 2020

V/v góp ý dự thảo Nghị định quy định về
giám sát và đánh giá đầu tư

Kính gửi: Bộ Kế hoạch và Đầu tư.

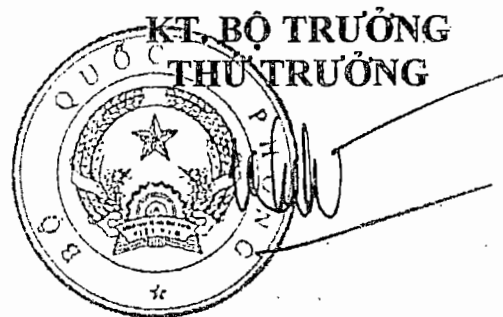
Phúc đáp Công văn số 6527/BKHĐT-GSTĐĐT ngày 02/10/2020 và số 6528/BKHĐT-GSTĐĐT ngày 02/10/2020 của Bộ Kế hoạch và Đầu tư về việc góp ý dự thảo Nghị định quy định về giám sát và đánh giá đầu tư. Qua nghiên cứu, Bộ Quốc phòng và các thành viên Ban soạn thảo, Tổ biên tập Nghị định quy định về giám sát và đánh giá đầu tư của Bộ Quốc phòng (gọi tắt là các thành viên Ban soạn thảo) cơ bản thông nhất với các nội dung của dự thảo Nghị định.

Một số nội dung, Bộ Quốc phòng và các thành viên Ban soạn thảo đã có ý kiến tại Văn bản số 3447/BQP-KHĐT ngày 12/9/2020 về việc rà soát tình hình thực hiện và kiến nghị nội dung sửa đổi, bổ sung Nghị định số 84/2015/NĐ-CP ngày 30/9/2015 và Nghị định số 01/2020/NĐ-CP ngày 01/01/2020 của Chính phủ về giám sát và đánh giá đầu tư. Tuy nhiên, tại dự thảo Nghị định quy định về giám sát và đánh giá đầu tư Bộ Kế hoạch và Đầu tư chưa cập nhật, tiếp thu, bổ sung và điều chỉnh cho phù hợp.

Bộ Quốc phòng và các thành viên Ban soạn thảo bảo lưu ý kiến và sao gửi Văn bản số 3447/BQP-KHĐT ngày 12/9/2020 để Bộ Kế hoạch và Đầu tư nghiên cứu, tổng hợp. *mmg*

Nơi nhận:

- Như trên;
- Đ/c Bộ trưởng (để báo cáo);
- C54;
- Lưu: VT, THBĐ, TVHào05.



Trung tướng Vũ Hải Sản

BỘ QUỐC PHÒNG

CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Số: **3447**/BQP-KHĐT

Hà Nội, ngày **12** tháng **9** năm **2020**

V/v rà soát tình hình thực hiện và kiến nghị nội dung sửa đổi, bổ sung Nghị định số 84/2015/NĐ-CP ngày 30/9/2015 và Nghị định số 01/2020/NĐ-CP ngày 01/01/2020 của Chính phủ về giám sát và đánh giá đầu tư

CỤC KẾ HOẠCH VÀ ĐT - BQP

SỐ ĐẾN: **15368**

NGÀY ĐẾN: **41912020**

Kính gửi: Bộ Kế hoạch và Đầu tư.

Phúc đáp công văn số 4545/BKHĐT-GSTĐĐT ngày 15/7/2020 của Bộ Kế hoạch và Đầu tư về việc rà soát tình hình thực hiện và kiến nghị nội dung sửa đổi, bổ sung Nghị định số 84/2015/NĐ-CP ngày 30/9/2015 và Nghị định số 01/2020/NĐ-CP ngày 01/01/2020 của Chính phủ về giám sát và đánh giá đầu tư; Bộ Quốc phòng có ý kiến như sau:

1. Việc ban hành các văn bản hướng dẫn thực hiện Nghị định số 84/2015/NĐ-CP và Nghị định số 01/2020/NĐ-CP theo thẩm quyền: Bộ Quốc phòng đã ban hành Thông tư số 99/2017/TT-BQP ngày 27/4/2017 Hướng dẫn một số nội dung về công tác giám sát và đánh giá đầu tư trong Bộ quốc phòng.

2. Nguồn nhân lực và công tác hướng dẫn chuyên môn nghiệp vụ:

- Ngày 08/9/2010, Tổng Tham mưu trưởng QĐNDVN có Quyết định số 1712/QĐ-TM về việc Ban hành Biểu Tổ chức-Biên chế Cục Kế hoạch và Đầu tư/BQP; trong đó, có Phòng Tổng hợp Giám sát đánh giá đầu tư là cơ quan trực thuộc. Ngày 25/12/2019, Bộ trưởng Bộ Quốc phòng có Quyết định số 6108/QĐ-BQP về việc Tổ chức lại Cục Kế hoạch và Đầu tư/BQP, Phòng Tổng hợp Giám sát đánh giá đầu tư đổi tên thành Phòng Giám sát đánh giá đầu tư.

- Hàng năm Bộ Quốc phòng (Cục Kế hoạch và Đầu tư/BQP là đơn vị được giao chủ trì) tổ chức các lớp tập huấn nghiệp vụ và phổ biến, quán triệt các văn bản quy phạm pháp luật liên quan đến công tác giám sát và đánh giá đầu tư, quản lý dự án và đấu thầu trong toàn quân.

3. Công tác tổng hợp báo cáo: Căn cứ các văn bản hướng dẫn của Bộ Kế hoạch và Đầu tư về công tác tổng hợp, báo cáo giám sát đánh giá đầu tư 6 tháng đầu năm và cả năm, Bộ Quốc phòng hướng dẫn các đơn vị, chủ đầu tư trong toàn quân lập báo cáo giám sát và đánh giá đầu tư định kỳ theo quy định; tổng hợp, lập báo cáo của Bộ Quốc phòng gửi Bộ Kế hoạch và Đầu tư đảm bảo đúng, đủ số lượng, chất lượng, nội dung và thời gian theo quy định.

4. Công tác kiểm tra, giám sát: Hàng năm Bộ Quốc phòng tổ chức lập, phê duyệt Kế hoạch giám sát và đánh giá đầu tư trong toàn quân và giao Cục Kế hoạch và Đầu tư/BQP là đơn vị chủ trì, phối hợp với các cơ quan chức năng của Bộ Quốc phòng triển khai hoàn thành 100% kế hoạch kiểm tra, giám sát được phê duyệt. Thông qua công tác giám sát và đánh giá đầu tư giúp các cơ quan quản lý nhà nước và Bộ Quốc phòng cập nhật cơ sở dữ liệu về tình hình đầu tư trong toàn quân, kịp thời phát hiện và xử lý những khó khăn, vướng mắc của các đơn vị, chủ đầu tư để đưa ra các chỉ đạo kịp thời và phù hợp nhằm bảo đảm thực hiện các chương trình, dự án đúng tiến độ, chất lượng và nâng cao hiệu quả đầu tư.

5. Các nội dung đề nghị nghiên cứu sửa đổi, bổ sung:

5.1. Tại điểm c, Khoản 2, Điều 52 Nghị định số 84/2015/NĐ-CP quy định: “Chi phí cho công tác giám sát, đánh giá đầu tư do chủ chương trình, chủ đầu tư, nhà đầu tư, cơ quan nhà nước có thẩm quyền ký kết hợp đồng dự án tự thực hiện hoặc thuê tư vấn thực hiện bằng 20% chi phí quản lý chương trình, dự án và được tính trong tổng mức đầu tư chương trình, dự án”.

Đề nghị cần nghiên cứu làm rõ: Chi phí giám sát, đánh giá đầu tư là một khoản mục chi phí độc lập trong tổng mức đầu tư của chương trình, dự án và có giá trị bằng 20% giá trị của chi phí Quản lý dự án hay là một trong khoản mục của chi phí Quản lý dự án và có quy định cụ thể việc quản lý, sử dụng chi phí này.

Mặt khác, chi phí giám sát, đánh giá đầu tư, đã được Bộ Xây dựng xác định và quy định tại Thông tư số 09/2019/TT-BXD ngày 26/12/2019. Đề nghị Bộ Kế hoạch và Đầu tư cần phối hợp với Bộ Xây dựng thống nhất quy định để thực hiện, tránh chồng chéo.

5.2. Tại điểm a, Khoản 2, Điều 52 Nghị định số 84/2015/NĐ-CP đề nghị Bộ Kế hoạch và Đầu tư nghiên cứu chỉnh sửa như sau: “Chi phí giám sát, đánh giá đầu tư của cơ quan quản lý nhà nước do ngân sách nhà nước bảo đảm, được bố trí trong dự toán chi thường xuyên hàng năm của cơ quan, đơn vị và được xác định phù hợp với số lượng các dự án và các công việc cần thiết để thực hiện công tác giám sát và đánh giá dự án đầu tư”.

5.3. Nghiên cứu, bổ sung các quy định liên quan đến việc các cơ quan quản lý nhà nước thuê tư vấn giám sát, đánh giá đầu tư (nguồn kinh phí, phạm vi và đối tượng áp dụng, phương pháp thực hiện,...).

5.4. Cập nhật, thống nhất các nội dung theo Luật Đầu tư theo hình thức đối tác công tư số 64/2020/QH14 ngày 18/6/2020; Luật Xây dựng sửa đổi số 62/2020/QH14 ngày 17/6/2020 và các Nghị định hướng dẫn thực hiện (Chính phủ cũng đang giao Bộ Kế hoạch và Đầu tư, Bộ Xây dựng soạn thảo, ban hành trong năm 2020).

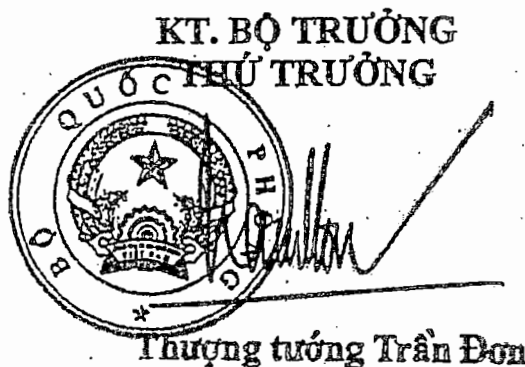
6. Các nội dung khác:

Về chế độ báo cáo trực tuyến: Theo Thông tư số 03/2017/TT-BKHĐT ngày 25/4/2017 của Bộ Kế hoạch và Đầu tư, tại Khoản 2, Điều 4 quy định không thực hiện báo cáo trực tuyến, chỉ báo cáo bằng văn bản đối với các chương trình, dự án có tính chất Mật; Do đó, đối với báo cáo giám sát, đánh giá tổng thể đầu tư của Bộ Quốc phòng có yêu cầu bảo mật cao, đề nghị tiếp tục thực hiện báo cáo bằng văn bản giấy, không thực hiện báo cáo trực tuyến (Bộ Quốc phòng đã báo cáo tại các văn bản: Số 2006/BC-BQP ngày 27/02/2018; số 2005/BC-BQP ngày 27/02/2019 và số 750/BC-BQP ngày 05/3/2020).

Trên đây là ý kiến tham gia của Bộ Quốc phòng, đề nghị Bộ Kế hoạch và Đầu tư nghiên cứu, tổng hợp. /*ky*

Nơi nhận:

- Như trên;
- Đ/c Bộ trưởng (để báo cáo);
- C54;
- Lưu: VT, THBĐ, TVHào05.



Số: 5725 /BTNMT-KHTC

V/v góp ý dự thảo Nghị định quy định
về giám sát và đánh giá đầu tư

Hà Nội, ngày 13 tháng 10 năm 2020

Kính gửi: Bộ Kế hoạch và Đầu tư

Bộ Tài nguyên và Môi trường nhận được Công văn số 6528/BKHĐT-GSTĐĐT ngày 02 tháng 10 năm 2020 của Bộ Kế hoạch và Đầu tư về việc góp ý dự thảo Nghị định quy định về giám sát và đánh giá đầu tư. Sau khi nghiên cứu, Bộ Tài nguyên và Môi trường có ý kiến như sau:

1. Về tổng thể: Thống nhất việc ban hành Nghị định thay thế Nghị định số 84/2015/NĐ-CP ngày 30 tháng 9 năm 2015 và Nghị định số 01/2020/NĐ-CP ngày 01 tháng 01 năm 2020 của Chính phủ về giám sát và đánh giá đầu tư.

2. Về nội dung dự thảo:

- Cần đưa thêm quy định về tư vấn giám sát, đánh giá đầu tư: năng lực của đơn vị tư vấn (gồm cả chuyên gia), thời điểm bắt đầu thuê tư vấn, cách thức thực hiện, nội dung, kết quả ...

- Cơ quan quản lý nhà nước (các Bộ, ngành) biên chế hành chính để thực hiện nhiệm vụ giám sát, đánh giá đầu tư rất ít, phạm vi dự án trên cả nước. Vì vậy, không nên đưa ra quy định cứng "*kiểm tra ít nhất một lần đối với dự án có thời gian thực hiện đầu tư trên 12 tháng*" (Điều 12), việc này rất khó khả thi, nó liên quan và ảnh hưởng đến mức độ hoàn thành nhiệm vụ của cơ quan, cá nhân thực hiện.

- Dự thảo cần đưa ra quy định về đào tạo, hướng dẫn thực hiện giám sát, đánh giá đầu tư.

- Cần quy định, những dự án đã được thanh tra, kiểm toán nhà nước thực hiện có cần kiểm tra nữa không. Vì nội dung kiểm tra dự án (Điều 16) cũng rất chi tiết, đủ đầu mục như thanh tra, kiểm toán.

- Nên quy định rõ hoặc quy định riêng về đánh giá tác động, vì sau đầu tư khoảng 3 năm dự án đã kết thúc.

- Việc đánh giá hiệu quả đầu tư dự án đầu tư công (Điều 18) nội dung và tiêu chí vẫn còn chung chung, để thực hiện được rất khó, chỉ có thể đánh giá mang tính định tính.

- Cần đưa ra quy định về theo dõi dự án: Theo dõi bằng cách nào, kết quả là gì và theo dõi để báo cáo những cấp nào.

- Về chế tài (Điều 67) cần nghiên cứu quy định cụ thể hơn như:

+ Đối với chủ đầu tư không nhập thông tin lên Hệ thống thông tin về giám sát, đánh giá đầu tư.

+ Xử lý các chủ thể và các vấn đề liên quan trong khi thực hiện xong kiểm tra chương trình, dự án.

+ Việc thay chủ đầu tư, chủ trương trình nếu chương trình, dự án có vấn đề không làm thay đổi được được bản chất sự việc. Cần quy định rõ trách nhiệm của người đứng đầu (đại diện cho chương trình, dự án) và từng tổ chức, cá nhân tham gia vào dự án.

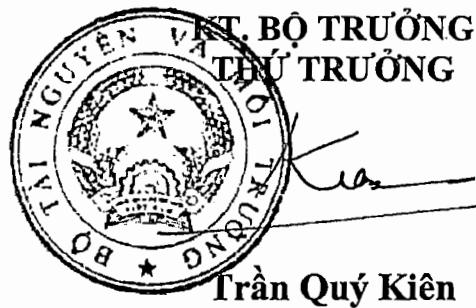
Bộ Tài nguyên và Môi trường xin gửi Quý Bộ đề tổng hợp./.

Nơi nhận:

- Như trên;
- Bộ trưởng Trần Hồng Hà (để b/c);
- Lưu: VT, KHTC.Tr3

h

g



Á - Kế hoạch - C. Văn

6671

UBND THÀNH PHỐ ĐÀ NẴNG
SỞ KẾ HOẠCH VÀ ĐẦU TƯ

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Số: 2758 /SKHĐT-TĐGSĐT
V/v góp ý dự thảo Nghị định về
giám sát, đánh giá đầu tư

Đà Nẵng, ngày 13 tháng 10 năm 2020

BỘ KẾ HOẠCH VÀ ĐẦU TƯ	
ĐẾN	Số: ... 4260 ... Ngày: 16.10.2020
Chuyên:	
Số và ký hiệu HS:	

Kính gửi: Bộ Kế hoạch và Đầu tư

Sở Kế hoạch và Đầu tư thành phố Đà Nẵng nhận được Công văn số 6671/UBND-ĐTĐT ngày 08/10/2020 của UBND thành phố Đà Nẵng giao Sở Kế hoạch và Đầu tư thành phố Đà Nẵng chủ trì, phối hợp với các đơn vị liên quan nghiên cứu nội dung Công văn số 6528/BKHĐT-GSTĐĐT ngày 02/10/2020 của Bộ Kế hoạch và Đầu tư về việc góp ý dự thảo Nghị định quy định về giám sát và đánh giá đầu tư. Sau khi nghiên cứu, tổng hợp, Sở Kế hoạch và Đầu tư thành phố Đà Nẵng có một số nội dung góp ý như sau:

1. Về kinh phí thực hiện công tác giám sát, đánh giá đầu tư, tại Điểm c, Khoản 2, Điều 52 của dự thảo Nghị định có quy định: “Chi phí cho công tác giám sát, đánh giá đầu tư do chủ chương trình, chủ đầu tư, nhà đầu tư, cơ quan ký kết hợp đồng dự án đầu tư theo phương thức đối tác công tư tự thực hiện hoặc thuê tư vấn thực hiện bằng 20% chi phí quản lý chương trình, dự án và được tính trong tổng mức đầu tư chương trình, dự án”.

Tại Điều 53 dự thảo Nghị định nêu trên cũng có quy định các nội dung chỉ cho công tác giám sát, đánh giá đầu tư. Theo đó, các nội dung chỉ này đều tương tự với các nội dung chỉ cho công tác quản lý dự án đầu tư. Mặt khác, theo Điểm b, Khoản 1, Điều 3 Thông tư số 09/2019/TT-BXD ngày 26/12/2019 của Bộ trưởng Bộ Xây dựng hướng dẫn xác định và quản lý chi phí đầu tư xây dựng thi công tác “Tổ chức và thực hiện công tác giám sát, đánh giá dự án đầu tư xây dựng công trình” là một nội dung thuộc khoản mục chi phí quản lý dự án.

Như vậy, kiến nghị cơ quan soạn thảo quy định cụ thể chi phí cho công tác giám sát, đánh giá dự án đầu tư được nêu tại Điểm c, Khoản 2, Điều 52 của dự thảo (bằng 20% chi phí quản lý dự án) có nằm trong tổng chi phí quản lý dự án (được xác định theo quy định của Bộ Xây dựng) hay được tính thành một khoản mục chi phí riêng để có cơ sở thực hiện đảm bảo thống nhất, tránh trùng lặp.

2. Tại Điểm a, Khoản 5, Điều 54 dự thảo Nghị định có quy định: “Chi phí hỗ trợ giám sát đầu tư của cộng đồng trên địa bàn cấp xã được cân đối trong dự toán chi của Ủy ban mặt trận Tổ quốc Việt Nam cấp xã và do ngân sách cấp xã đảm bảo. Mức kinh phí hỗ trợ giám sát đầu tư của cộng đồng trên địa bàn xã bố trí phù hợp với kế hoạch hoạt động giám sát đầu tư của cộng đồng do HĐND xã

quyết định và đảm bảo mức kinh phí tối thiểu 05 triệu đồng/năm”.

Về thẩm quyền quyết định mức kinh phí hỗ trợ giám sát đầu tư của cộng đồng trên địa bàn cấp xã, kiến nghị cơ quan soạn thảo xem xét quy định thêm trường hợp cho các địa phương không tổ chức HĐND cấp xã theo mô hình chính quyền đô thị; đồng thời, xem xét lại mức kinh phí bố trí trong trường hợp trong năm không có dự án nào được thực hiện trên địa bàn xã.

Ngoài ra, với quy định nêu trên, có thể được hiểu theo nhiều cách:

+ Cách thứ 1: Tất cả các hoạt động giám sát đầu tư của cộng đồng trên địa bàn xã được cấp tối thiểu 05 triệu đồng/năm. Như vậy, chi phí này không đủ để phục vụ công tác giám sát đầu tư của cộng đồng đảm bảo hiệu quả.

+ Cách thứ 2: Ban giám sát đầu tư của cộng đồng được thành lập cho 01 dự án thì được cấp tối thiểu 05 triệu đồng/năm. Như vậy, trường hợp xã/phường có nhiều dự án và thành lập nhiều Ban giám sát thì tổng kinh phí chi cho hoạt động giám sát quá lớn.


Do vậy, kiến nghị cần quy định cụ thể hơn về mức kinh phí hỗ trợ giám sát đầu tư của cộng đồng để có cơ sở thực hiện đảm bảo hiệu quả.

Sở Kế hoạch và Đầu tư thành phố Đà Nẵng kính đề nghị Bộ Kế hoạch và Đầu tư xem xét, tổng hợp./.

Nơi nhận:

- Như trên;
- UBND TP Đà Nẵng (b/c);
- Giám đốc Sở (b/c);
- Lưu: VT, TĐGSĐT.

KT. GIÁM ĐỐC
PHÓ GIÁM ĐỐC



Lê Thị Kim Phương

THANH TRA CHÍNH PHỦ

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc

Số: 1797 /TTCP-V.II

Hà Nội, ngày 20 tháng 10 năm 2020

V/v tham gia góp ý dự thảo Nghị định quy định về giám sát và đánh giá đầu tư.

BỘ KẾ HOẠCH VÀ ĐẦU TƯ

Số: 43621/.....
ĐẾN Ngày: 21.10.2020

Kính gửi: Bộ Kế hoạch và Đầu tư

Chuyên:

Số và ký hiệu HS:

Phúc đáp Văn bản số 6528/BKHĐT-GSTĐĐT ngày 02/10/2020 của Bộ Kế hoạch và Đầu tư về việc xin ý kiến tham gia đối với dự thảo Nghị định quy định về giám sát và đánh giá đầu tư; sau khi nghiên cứu, Thanh tra Chính phủ có ý kiến như sau:

- Về cơ bản, Thanh tra Chính phủ nhất trí với nội dung dự thảo Nghị định.
- Đề nghị Ban soạn thảo nghiên cứu, bổ sung:

1) Tại các điều khoản: Khoản 3 Điều 5 về trách nhiệm giám sát chương trình đầu tư công; Khoản 3 Điều 12 về trách nhiệm giám sát dự án đầu tư công; Khoản 2 Điều 19 về trách nhiệm giám sát dự án vốn tín dụng do chính phủ bảo lãnh, vốn vay được bảo đảm bằng tài sản nhà nước...; Khoản 3 Điều 26 về trách nhiệm giám sát dự án theo phương thức đối tác công tư quy định:

“...việc kiểm tra được thực hiện như sau:

a) Kiểm tra ít nhất một lần đối với chương trình/dự án có thời gian thực hiện đầu tư trên 12 tháng.

b) Kiểm tra khi điều chỉnh chương trình làm thay đổi địa điểm, mục tiêu, quy mô, tăng tổng mức đầu tư.”

Đề nghị Ban soạn thảo nghiên cứu, bổ sung thêm nội dung quy định về trường hợp kiểm tra đột xuất khi có văn bản chỉ đạo của cấp có thẩm quyền hoặc có thông tin, dấu hiệu về việc vi phạm quy định chính sách pháp luật liên quan đến đầu tư.

2) Tại Điều 48 Chương VI về nội dung đánh giá tổng thể đầu tư quy định:

“Điều 48. Nội dung đánh giá tổng thể đầu tư

1. Tổng hợp, phân tích, đánh giá tình hình và kết quả đầu tư của nền kinh tế theo các chỉ tiêu về quy mô, tốc độ, cơ cấu, tiến độ, hiệu quả đầu tư.

2. Đánh giá mức độ đạt được so với quy hoạch được duyệt, nhiệm vụ kế hoạch hoặc so với mức đạt được của kỳ trước; đánh giá tính khả thi của các quy hoạch, kế hoạch được duyệt.

3. Đánh giá kế hoạch đầu tư công theo quy định tại Điều 70 của Luật Đầu tư công.

4. Đánh giá tổng thể về tình hình quản lý đầu tư.

5. Xác định các yếu tố, nguyên nhân ảnh hưởng tới tình hình và kết quả đầu tư; đề xuất các giải pháp nâng cao hiệu quả đầu tư trong kỳ hoặc giai đoạn kế hoạch sau.”

Đề nghị Ban soạn thảo nghiên cứu, bổ sung thêm nội dung về việc kiến nghị, xử lý đối với các trường hợp vi phạm quy định chính sách pháp luật liên quan đến đầu tư được phát hiện, để đảm bảo tính đầy đủ, thống nhất và phù hợp với quy định tại Điều 47 về nội dung kiểm tra tổng thể đầu tư có quy định cụ thể về kiểm tra “việc thực hiện các quy định của các văn bản hướng dẫn các chính sách, pháp luật liên quan đến đầu tư.”

Trên đây là ý kiến của Thanh tra Chính phủ tham gia góp ý đối với dự thảo Nghị định quy định về giám sát và đánh giá đầu tư./.

Nơi nhận: *NĐ*

- Như trên;
- Tổng Thanh tra CP (để b/c);
- Phó Tổng TTCP Bùi Ngọc Lam;
- Lưu: VT, Vụ II.

**KT. TỔNG THANH TRA
PHÓ TỔNG THANH TRA**



Lam
Bùi Ngọc Lam

UBND TỈNH ĐIỆN BIÊN
SỞ KẾ HOẠCH VÀ ĐẦU TƯ

CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Số: 1471 /SKHĐT-TH

Điện Biên, ngày 15 tháng 10 năm 2020

V/v tham gia góp ý dự thảo Nghị
định về giám sát và đánh giá đầu tư.

Kính gửi: Bộ Kế hoạch và Đầu tư.

BỘ KẾ HOẠCH VÀ ĐẦU TƯ	
ĐẾN	Số: 4266.4..... Ngày: 20.10.2020
Chuyên:.....	
Số: 02/10/2020 của Bộ	

Thực hiện Văn bản số 6528/BKHĐT-GSTĐĐT ngày 02/10/2020 của Bộ Kế hoạch và Đầu tư về việc góp ý dự thảo Nghị định quy định về giám sát và đánh giá đầu tư; Văn bản số 2979/UBND-TH ngày 08/10/2020 của UBND tỉnh Điện Biên về việc góp ý dự thảo Nghị định về giám sát và đánh giá đầu tư; Sau khi nghiên cứu nội dung dự thảo Nghị định, Sở Kế hoạch và Đầu tư tỉnh Điện Biên tham gia một số ý kiến như sau:

1. Tại Điều 54 dự thảo Nghị định quy định nguồn vốn, quản lý, sử dụng chi phí giám sát, đánh giá đầu tư của Chương trình, dự án và các cơ quan, đơn vị, cộng đồng chưa thống nhất, không cụ thể, chồng chéo; không phù hợp với tính chất của từng công việc, chương trình, dự án; phát sinh thêm thủ tục hành chính. Do đó, đề nghị quy định cụ thể định mức chi phí giám sát, đánh giá đầu tư cho từng nội dung, phần việc; từng cơ quan, đơn vị, cộng đồng và xác lập chi phí này trong tổng mức đầu tư của dự án; thanh toán theo cơ chế của chương trình, dự án.

2. Tại Khoản 4, Điều 67 dự thảo Nghị định quy định “Trong trường hợp vi phạm quy định về chế độ báo cáo thì các dự án đầu tư công chỉ được bố trí kế hoạch vốn và giải ngân sau khi tiến hành xử phạt theo quy định tại Khoản 2 và Khoản 3 Điều này và bổ sung các nội dung hoặc báo cáo còn thiếu theo quy định”; điều này mâu thuẫn với quy định của Luật Đầu tư công năm 2019 về thời gian bố trí vốn cho các nhóm dự án, thời điểm phân bổ chi tiết kế hoạch đầu tư công hằng năm vốn ngân sách nhà nước¹. Mặt khác, việc dừng giải ngân sẽ làm chậm tiến độ, giảm hiệu quả sử dụng vốn đầu tư; việc giải ngân và bố trí kế hoạch vốn còn liên quan đến quyền lợi, nghĩa vụ của nhà thầu, các tổ chức, cá nhân khác trong khi trách nhiệm, nghĩa vụ thực hiện công tác báo cáo giám sát đầu tư không phải của những chủ thể này. Do đó, kiến nghị sửa đổi theo hướng điều chuyển nhiệm vụ chủ đầu tư, không giao nhiệm vụ chủ đầu tư các dự án mới; tăng mức xử phạt vi phạm hành chính; tăng nặng hình thức xử lý trách nhiệm đối với tổ chức, cá nhân vi phạm chế độ báo cáo giám sát, đánh giá đầu tư.

¹ Điều 52 và Điều 61 Luật đầu tư công năm 2019.

Trên đây là nội dung tham gia vào dự thảo Nghị định về giám sát và đánh giá đầu tư; Sở Kế hoạch và Đầu tư Điện Biên kính gửi Bộ Kế hoạch và Đầu tư xem xét tổng hợp./.

Nơi nhận:

- Như kính gửi;
- UBND tỉnh (B/c) ;
- Lưu: VT, TH.

GIÁM ĐỐC



Nguyễn Phi Sông